

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi nghiệp ác đã gây. (Kinh Pháp Cú, câu 127)

Not in the sky, nor in mid-ocean,
nor in a mountain cave,
is found that place on earth
where abiding one may escape
from (the consequences) of one's evil deed. (*Dhammapada, Verse 127*)

58

THÁNG 09.2016



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Mustang Joe (Pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **KỶ NIỆM KHÓA TU LÀN VI** (thơ ĐNT Tín Nghĩa) trang 8
- ♦ **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH**, t.t. (Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **MÙA VU LAN** (thơ Thích Viên Thành), trang 11
- ♦ **PHẬT GIÁO TRONG BẢN ĐỒ VĂN HÓA VIỆT NAM** (Lê Mạnh Thát), tr. 12
- ♦ **CÚI ĐẦU, ĐỀM NGHE GIÓ THỞ** (thơ Lê Phương Châu), trang 13
- ♦ **THÔNG BẠCH VU LAN PL 2560** (HDGP GHPGVNTN-HK), trang 14
- ♦ **ĐẠO TỬ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LÀN VI** (Ht. Th. Thắng Hoan), trang 15
- ♦ **NHÂN CHUYỆN LARUNG GAR** (thơ Nguyễn Lương Vy), trang 16
- ♦ **GIẢI TĂNG CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI TRONG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO** (Nguyễn Hạnh dịch) trang 17
- ♦ **KÊ Ở NGOÀI ĐÊM** (thơ Chim Hải), tr. 22
- ♦ **DINH MẮC TÀI VẬT THẬT LÀ KHÓ BỎ** (Quảng Tánh), trang 23
- ♦ **SỰ TIẾP ĐÓN NÒNG HẬU VÀ CƠ HỘI CHIA SẼ PHẬT PHÁP** (Ven. Thubten Chodron – TN Giới Châu dịch), trang 24
- ♦ **ĐẠI HỘI HOẰNG PHÁP VÀ GIÁO DỤC** (HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Bốn Đạt), trang 26
- ♦ **LỄ CÚNG THÍ THỰC THEO TÌNH THẦN KINH NIKAYA** (Thích Đức Trí), trang 27
- ♦ **THIỆN SỰ VÀ MẸ** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 29
- ♦ **TỬ BI TRONG HÀNH ĐỘNG** (TN. Hạnh Từ), trang 30
- ♦ **THÂN VÔ THƯỜNG, BÁT TỊNH – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), tr. 32
- ♦ **TÌM LẠI CHÍNH MÌNH – Phật Pháp Thứ 5** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **BÓN HẠNG NGƯỜI Ở ĐỜI – Lá Thư Đầu Tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **DẰNG TIỀN** (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 35
- ♦ **THIỆN SỰ PHÁP LOA**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ **NHỆ NHƯ TƠ** (Huệ Trân), trang 39
- ♦ **STORY OF A BIKKHU** (Daw Mya Tin), trang 41
- ♦ **BÁT NHÃ LÀ ĐÂY** (thơ TN. Giới Định), trang 42
- ♦ **THỂ VẬN VÀ THIÊN TẬP** (Nguyễn Giác), trang 47
- ♦ **NHỮNG ÁNG MÂY TRẮNG** (thơ Hoang Phong), trang 49
- ♦ **ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA HÀNH THIÊN** (Tuệ Uyển dịch), trang 50
- ♦ **MỘT CÂU ĐĂNG GIÁ NGHÌN VÀNG** (Thích Minh Chiếu), trang 54
- ♦ **ĐỜI XÓA GIÁC MƠ CON** (thơ Mặc Phương Tử), trang 55
- ♦ **MẸ TỪ XA VÀNG** (Nhạc và lời: Lê Vũ Nguyễn Viết Trường), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: BÚN VEGAN BURGER CHIÊN** (Kim), trang 57
- ♦ **ƯỚC MƠ DANG DỜ** (Nguyễn Văn Sâm), trang 58
- ♦ **GIÁC HOẰNG TRẦN NHÂN TÔNG** (thơ Chân Minh Trí), trang 60
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRĂM CHỮ** (Steven N.), trang 61
- ♦ **CHUYỆN CỦA HƯƠNG** (Đồng Thiện), trang 62
- ♦ **TA LÀ NGƯỜI VIỆT NAM, ĐÓA VÔ THƯỜNG** (thơ Hồ Hương Lộc), tr. 63
- ♦ **PHÁP ÁM CÒN MÃI** (TN. Giới Hương), trang 64
- ♦ **HOÀI NIỆM TÌNH MẸ** (thơ Chúc Hiền), trang 71
- ♦ **BỆNH PARKINSON – VÔI HÓA ĐÓT SỐNG LỬNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 72
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 11** (Vĩnh Hào), trang 74
- ♦ **QUÁN KHÔNG** (thơ Hạnh Chi), trang 76



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 58, tháng 09 năm 2016, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

TRƯỚC CƠN LỬA DỮ

Khí hậu mùa hè cực nóng và khô dễ gây hỏa hoạn tại nhiều tiểu bang miền Tây Hoa Kỳ. Cả miền Nam và Bắc California năm nay bị cháy rừng liên tục mấy vụ từ cuối tháng 7 đến giữa tháng 8, thiêu rụi nhiều ngàn mẫu rừng và hàng trăm ngôi nhà. Đã có nhiều gia đình bị buộc phải di tản trước khi lửa cháy đến khu gia cư của họ. Điều khó tin là một trong các vụ cháy rừng ở miền Bắc California lại do một người đàn ông cố ý phóng hỏa. Trong khi các tin tức về Thế vận hội Olympic tại Rio, Brazil, cũng như chuyện bầu cử ở nước nọ nước kia, hay chuyện Pokémon Go... được đưa lên đầu trang các báo và đài, thì chuyện hỏa hoạn phá hoại môi sinh trong một tiểu bang bị hạn hán kéo dài, dường như chỉ là tin tức thông thường ít người quan tâm, trừ khi cơn lửa cháy đến gần khu vực của họ.

Đời sống vốn bất toàn, vì tự bản chất, không có một cá thể nào (từ con người, gia đình, xã hội, quốc gia) thực sự độc lập và có tự tính riêng của nó. Chính sự tương hệ, tương thuộc giữa các cá thể đã làm cho hạnh phúc và khổ đau của một người, không thể là điều riêng rẽ cá biệt của mỗi người ấy. Luôn có sự tác động trực tiếp hay gián tiếp từ các yếu tố nguyên nhân, thuận duyên và nghịch duyên, cùng kết quả, từ mọi phía ảnh hưởng lên đời sống của một cá nhân.

Bất toàn, vô thường, khổ đau, vì vậy, là hệ quả tất nhiên từ nguyên lý duyên khởi, duyên sinh.

Nhưng trên thực tế đời sống, các tai họa lớn ảnh hưởng đến số đông không phải đều do thiên nhiên, mà hầu như đều do con người. Con người là tác nhân đáng sợ nhất gây tạo khổ đau cho kẻ khác chỉ vì lòng tham lam của mình.

Khi một đảng phái, một chính quyền, chỉ biết đến đặc quyền đặc lợi của mình, không quan tâm đến lợi ích của số đông thì hậu quả nước mất, nhà tan chẳng phải là điều xa vời nữa. Không có một triều đại thối nát, hại dân nào có thể tồn tại lâu dài khi nổi thống hận khổ đau của dân bị đẩy đến chỗ tận cùng bờ mé.

Nhưng làm thế nào mà con người sống trong một xã hội, một đất nước, có thể thờ ơ, nguội lạnh, không màng đến nỗi hiểm nguy đang trở tới và bao nổi thống khổ đang tràn ngập chung quanh! Chỉ vì lửa chưa cháy đến nhà mình mà chỉ cháy ở đâu đó hay sao?

Lửa có thể cháy lan; mà một khi đã có người cố tình phóng hỏa thì tai họa có thể đến bất cứ khi nào, bất cứ nơi đâu. Thật khó có thể lý giải về những người **trí tuệ**, từng quán sát

tường tận căn nguyên và thực trạng khổ đau của kiếp người, nhưng lại không thấy, không biết về những thảm họa môi trường đã và đang xảy ra cho hàng triệu người chung quanh.

Thật khó hiểu về những người **tử bi**, luôn quán sát và nghiệm chứng về nỗi thống khổ của sinh linh, xót nỗi đau của muôn loài, nhưng lại không cảm, không nhận về những khổ đau mất mát của hàng triệu người dọc suốt các tỉnh ven biển.

Và cũng thật khó giải thích về những người **uy dũng**, từng quán niệm về thân xác huyền mộng, thể gian vô thường, sẵn sàng hy sinh cả sinh mệnh để cứu người, cứu đời, mang lại phúc lợi cho tha nhân; lại không thể cất lên được dù chỉ là một lời nói về sự thực, hay một cử chỉ tối thiểu để bênh vực lẽ phải và công bình.

Im lặng (nếu không muốn nói là thờ ơ, vô cảm) trước thảm trạng của một đại khối dân tộc, sẽ được đánh giá như thế nào trong sử xanh mai hậu?

Chờ đợi cho đến khi nào mới gọi là đúng lúc để nói một lời trung ngôn? Cho đến khi lửa cháy trên đầu ư? — Quá muộn rồi.

Kẻ trí tuệ là người có thể thấy trước điều xảy ra cho thiên hạ qua những nguyên nhân mà kẻ khác đã gieo, đang gieo hoặc chuẩn bị gieo.

Kẻ tử bi là người có thể rơi lệ đau xót cho nhân thế trước khi các thảm trạng rơi ập xuống thân phận bé nhỏ mong manh của họ.

Kẻ uy dũng là người thấy biết và cảm nhận sâu xa thực trạng thống khổ của con người và cuộc đời, mạnh dạn dẫn vào nơi hiểm nguy, mưu cầu lối thoát cho tất cả.

Một cá thể, một tổ chức (tôn giáo hay đảng phái), không đủ trí, bi và dũng trước cơn lửa dữ, sẽ không xứng đáng là một thành phần của đại khối dân tộc. Thái độ thờ ơ vô cảm sẽ cách ly mình với con người và xã hội chung quanh, trong khi tự bản chất, mỗi cá nhân là một mảng không thể tách rời trong tương quan trùng trùng với dân tộc và đất nước mà người đó sinh ra. Chúng ta không thể tự nhận mình là một thành tố của dân tộc, nếu chưa bao giờ thấy, cảm và hành động như một con người bi-trí-dũng giữa cuộc tồn sinh thống khổ này.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

HOA KỲ: “Lễ hội Đại Cầu nguyện” được tổ chức tại Tu viện Kagyu Thuben Choling ở New York

Khoảng 500 vị thầy, tu sĩ, học viên Phật giáo và các khách mời từ khắp thế giới đã tham dự Kagyu Monlam (“Lễ hội Đại Cầu nguyện”) Bắc Mỹ, được tổ chức tại tu viện Kagyu Thuben Choling ở Wappingers Falls, New York, diễn ra từ ngày 6 đến 10-7-2016.

Được giám sát bởi Lạt ma Norlha Rinpoche với sự ban phước của Đức Gyalwang Karmapa thứ 17, sự kiện này được chủ trì bởi Sư trưởng Yongey Mingyur, cũng là người thuyết pháp và điểm đạo.

Phát ngôn viên của sự kiện là Lạt ma Jamdron nói, “Monlam là một thuật ngữ Tây Tạng có nghĩa là ‘ước vọng’, ‘mục tiêu’ hoặc ‘mục đích’. Mục đích của lễ hội là thúc đẩy hòa bình thế giới.

Linda Jordan, còn gọi là Lạt ma Chodron, nói, “Chúng tôi tin rằng, qua lời cầu nguyện, chúng ta có thể có một tác động tích cực lên các sự kiện, và rằng càng có nhiều người cùng nhau cầu nguyện, tác động này càng mạnh mẽ hơn”.

Vốn bắt nguồn từ Tây Tạng và hiện nay được tổ chức tại 16 quốc gia, đây là lần đầu tiên lễ hội Kagyu Monlam được tổ chức tại tu viện Kagyu Thuben Choling ở New York, Hoa Kỳ.

(Buddhistdoor Global – July 15, 2016)

Chư tăng trong Lễ hội Đại Cầu nguyện Kagyu Monlam được tổ chức tại tu viện Kagyu Thuben Choling ở New York, Hoa Kỳ. — Photo: poghkeepsiejournal.com

—>

ẤN ĐỘ: Các ni cô tạo nên lịch sử qua việc thi đỗ kỳ thi Geshema

Dharamsala, Ấn Độ - Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Tây Tạng, 20 ni cô đã trở thành nhóm Geshema đầu tiên của nữ tu sĩ Tây Tạng. Học vị này vốn không tồn tại trước khi Đức Đạt lai Lạt ma (vào tháng 9-2011) đề nghị phát triển một chương trình giáo dục dành cho chư ni.

Bằng cấp tu học Phật giáo dành cho chư ni này, trong đó có phần tương đương với học vị tiến sĩ trong 5 chuyên luận của Phật giáo Tây Tạng, đã được cộng đồng tu sĩ hoan nghênh.

Tất cả 20 thí sinh nói trên đã trải qua kỳ thi mệt mỏi kéo dài 12 ngày, được chia thành 2 phần là thi vấn đáp (tranh luận) và thi viết.

Để dự kỳ thi Geshema, một ni cô trước tiên phải nghiên cứu kỹ Ngũ Đại Kinh điển (Shung Chen Kapo Nga) trong 17 năm tại ni viện của mình. Chỉ khi đó chư ni mới được phép theo học khóa học 4-năm Geshema.

(Phayul – July 18, 2016)



*Chư ni Tây Tạng trong kỳ thi Geshema năm nay
Photos: tnp.org*

THÁI LAN: Phật tử các nước được truyền giới nhân Mùa Chay

Ngày 16-7-2016, Phật tử từ khắp nơi trên thế giới đã tập trung tại chùa Phra Dhammakaya ở tỉnh Pathum Thani của Thái Lan để tham gia một lễ truyền giới, được tổ chức để đánh dấu Mùa Chay – Mùa An cư – sắp tới của Phật giáo.

Có ít nhất 64 người đến từ 11 quốc gia bao gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc, Mông Cổ, Mã Lai, Ấn Độ và Thái Lan đã được nhận vào giáo đoàn vào dịp này. Trong buổi lễ bắt đầu vào lúc 6 giờ sáng, những người mới xuất gia nói trên trong áo choàng trắng đã tham gia tụng kinh và cầu nguyện. Sau đó họ được trao y màu cam để trở thành tăng sĩ.

Lễ truyền giới được tổ chức để tôn vinh Mùa Chay (hay ‘Khao Pansa’) của Phật giáo, bắt đầu vào ngày đầu tiên sau

khi trăng tròn của tháng 8 âm lịch – năm nay nhằm ngày 20-7 dương lịch.

Trong thời gian này, tăng sĩ phải cư trú ở một nơi, thường là trong một tu viện hoặc ngôi chùa nơi họ thực hành thiền định và cầu nguyện.

(IANS – July 17, 2016)

ẤN ĐỘ: Trường Đại học Nalanda cổ đại bây giờ là một Di sản Thế giới UNESCO

Các di tích được khai quật của Nalanda, một trong những địa điểm Phật học có tính lịch sử quan trọng nhất vào thời Ấn Độ cổ đại, đã được UNESCO tuyên bố là một Di sản Thế giới vào ngày 15-7-2016.

Được cho là trường đại học nội trú quốc tế đầu tiên của thế giới, Nalanda từng là một đại tinh xá - tức là một tu viện và là một trung tâm Phật học - tại Magadha, một trong 16 vương quốc của Ấn Độ cổ đại.

Nalanda được thành lập vào thế kỷ thứ 3 như một tu viện, trước khi phát triển thành một trường đại học vào thế kỷ thứ 5. Lúc cao điểm, Nalanda có hơn 2,000 vị thầy và hơn 10,000 sinh viên, thu hút các học giả và sinh viên đến từ những nơi xa xôi như Trung Hoa, Indonesia, Triều Tiên, Ba Tư, Tây Tạng và Thổ Nhĩ Kỳ.

Tọa lạc tại bang Bihar ở đông Ấn Độ, cách thủ phủ Patna khoảng 60 dặm, Nalanda được phát hiện trong các cuộc khai quật của Viện Khảo cổ Ấn độ trong thời gian từ 1915-1937 và 1974-1982.

(Buddhistdoor Global – July 19, 2016)



Di tích trường Đại học Nalanda (Ấn Độ)—Photos: straitstimes.com & cntraveller.in

NHẬT BẢN: Khai quật các mảnh vỡ có thể là của Phật tự lớn nhất từng được xây dựng tại Nhật Bản

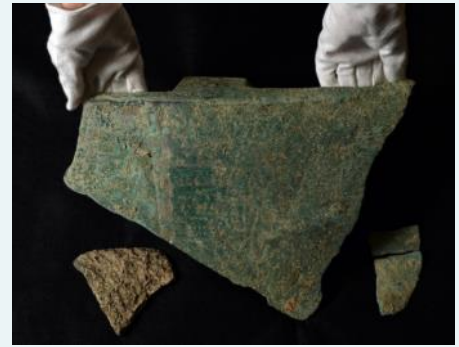
Các nhà khảo cổ học ở Nhật Bản đã xác định 3 mảnh vỡ trang trí bằng đồng, vốn khai quật được trong khuôn viên ngôi chùa Thiên Phật Kinkaku-ji nổi tiếng của Kyoto, như là di tích của những gì trước kia là ngôi chùa gọi là Kitayama Daito - Phật tự cao nhất từng được xây dựng tại Nhật Bản.

Được phát hiện trong cuộc khai quật diễn ra từ tháng 4 đến tháng 7 -2015 để phát triển khu đỗ xe của chùa Kikaku-ji, các học giả tin rằng những mảnh vỡ này có thể xưa kia từng tạo hình một phần của đỉnh ngôi chùa Kitayama Daito, vốn tương truyền đã được xây trong khuôn viên chùa Kikaku-ji theo lệnh của tướng quân Ashikaga Yoshimitsu (1358-1408).

Theo Viện Nghiên cứu Khảo cổ Thành phố Kyoto, 3 mảnh vỡ này đã hình thành một phần của một sorin - là hình trang trí dọc chạm trổ ở đầu mái nơi đỉnh của một ngôi chùa. Mảnh vỡ lớn nhất trong số 3 mảnh này rộng 37.4 cm, dài 24.6 cm và dày 1.5 cm, cân nặng 8.2 kg.

Các mảnh vỡ bằng đồng nói trên được trưng bày trong một cuộc triển lãm đặc biệt tại Bảo tàng Khảo cổ Thành phố Kyoto cho đến ngày 27-11-2016.

(Buddhistdoor Global – July 20, 2016)



3 mảnh vỡ bằng đồng có thể là một phần của chùa Kitayama Daito—Photo: mainichi.jp

CAM BỐT: Các tu sĩ Phật giáo ngăn cản nạn phá rừng tại Cam Bốt

Nạn phá rừng vẫn còn là một mối đe dọa lớn đối với rừng của Cam Bốt, nhưng một nhóm tu sĩ Phật giáo Cam Bốt từ mạng Tăng sĩ Độc lập vì Công bằng Xã hội đang tranh đấu để cứu những khu rừng bằng cách vận động các nhà lập pháp để bảo vệ chúng, và bằng cách công khai vạch trần việc khai thác gỗ bất hợp pháp.

Là người sáng lập và là lãnh đạo của khoảng 5,000 nhà sư của mạng lưới này, hòa thượng Buntanh dạy cho người dân địa phương sử dụng phương tiện truyền thông xã hội như Facebook để nâng cao nhận thức của việc khai thác gỗ bất hợp pháp bằng cách tải ảnh trên Facebook, đăng video và viết những bài báo. Các nhà sư cũng dạy dân địa phương về cách ngăn chặn nạn phá rừng.

Hòa thượng Buntanh cũng lưu ý rằng Prey Lang, một trong những rừng thường xanh lớn nhất và lâu đời nhất của Cam Bốt, đang bị đe dọa. Những khoảng rừng lớn của Prey Lang đã biến mất để nhường chỗ cho các đồn điền, và những vụ chuyển nhượng đất và làm tặc đã làm mất đi những khoảnh lớn cây cối tại các khu vực được bảo vệ.

(Buddhistdoor Global – July 22, 2016)



Các nhà sư thuộc mạng Tăng sĩ Đốc lập vì Công bằng Xã hội Cam Bốt đang thu thập hình ảnh và video của nạn khai thác gỗ bất hợp pháp để truyền chúng qua phương tiện truyền thông xã hội—Photo: Dw.com

CANADA: Chư tăng ở Đảo Prince Edward (P.E.I) giúp ngân hàng thực phẩm đang bị thiếu hụt tại Montague

Khi các tăng sĩ tại Hội Phật Viện Đại Giác ngộ nghe nói về sự đóng góp cho một ngân hàng thực phẩm của thị trấn Montague đang bị thiếu hụt, họ đã có cơ hội để giúp đỡ và đền đáp cho cộng đồng.

Kế hoạch của các nhà sư là quyên góp tiền bằng cách bán dầu tây mà họ trồng với giá \$5 một hộp tại khu Little Sands – cùng với bánh mì tròn do họ làm, Thương tọa Dan, một tăng sĩ hội viên, giải thích. Nhà sư cho biết đã có được 50 hộp để bán bắt đầu vào ngày 22-7-2016.

“Hàng ngày chúng tôi tu tập Phật giáo tại đây nhờ có sự tử tế của Đảo. Đây là cách để bày tỏ lòng cảm kích của chúng tôi”, sư Dan nói.

Tiền thu được từ việc bán dầu tây sẽ gửi đến Ngân hàng Thực phẩm Southern Kings&Queens ở Montague.

(CBS News – July 22, 2016)



*Dâu tây được trồng bởi chư tăng tại Hội Phật Viện Đại Giác Ngộ ở P.E.I
Photo: Terence McEachern*

ẤN ĐỘ: Bộ sưu tập của Viện Bảo tàng Ấn Độ được trực tuyến hóa với Google

Bắt đầu với bộ sưu tập nghệ thuật Phật giáo quý giá bao gồm các tác phẩm điêu khắc Gandhara, Viện Bảo tàng Ấn Độ đang đưa tất cả các phòng trưng bày của viện thành dạng xem toàn cảnh 360- độ cho bất cứ ai xem trực tuyến.

Như một phần của sự cộng tác với Viện Văn hóa Google, vốn cho phép người yêu nghệ thuật từ khắp nơi trên thế giới khám phá các hiện vật trên trang mạng của mình, Viện Bảo tàng Ấn Độ ra mắt phiên bản điện tử cuộc triển lãm tinh tế có tựa đề Nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ vào ngày 25-7-2016.

“Đây là triển lãm ảo đầu tiên mà chúng tôi tổ chức, sau đó tất cả các phòng trưng bày của chúng tôi sẽ được đưa dẫn lên trang mạng Viện Văn hóa Google,” Jayanta Sengupta, giám đốc bảo tàng, nói.

(business-standard.com – July 24, 2016)



Một số tác phẩm nghệ thuật Phật giáo của Viện Bảo tàng Ấn Độ—Photos: shunya.net & tokyoweekender.com



TRUNG QUỐC: Phục hồi hang động Phật giáo Mạch Tích Sơn ở Cam Túc

Hang động Mạch Tích Sơn 1,500 năm tuổi ở tỉnh Cam Túc là một Di sản Thế giới UNESCO. Tại đây có gần 200 hang và hơn 10,000 tác phẩm điêu khắc Phật giáo.

Các hang động, vốn bị hư hại nghiêm trọng do sự xói mòn tự nhiên, hiện đang được phục hồi.

Yue Yongqiang, phó giám đốc ban bảo tồn của viện nghệ thuật hang động Mạch Tích Sơn, cho biết, “Việc phục hồi của 6 hang động sẽ hoàn thành vào tháng 11”. Do độ ẩm và sự xói mòn tự nhiên, các vết nứt đã xuất hiện trên vài hang động, một số tác phẩm điêu khắc và bích họa, Yue nói.

Việc phục hồi sẽ tốn 3.3 triệu nhân dân tệ (khoảng 500,000 usd).

“Khoảng 60% hang động tại Mạch Tích Sơn đang cần được phục hồi. Kể từ năm 2000, chúng tôi đã phục hồi 17 hang, khoảng một hang mỗi năm. Công việc tại các hang này sẽ được tăng tốc”, Yue nói thêm.

Hang động Mạch Tích Sơn là một trong 4 khu phức hợp hang động Phật giáo lớn nhất của Trung Quốc, cùng với Mạc Cao, Vân Cương và Long Môn ở các tỉnh Cam Túc, Sơn Tây và Hà Nam.

(NewsNow – July 26, 2016)



*Hang động và tượng Phật giáo tại khu phức hợp hang động Mạch Tích Sơn (Cam Túc)
Photos: Wikipedia*



PAKISTAN: Phát hiện di tích một tượng đài Phật giáo tại khu Bảo tháp Bhamala

Các nhà khảo cổ học khai quật khu phức hợp Phật giáo trải dài của Bảo tháp Bhamala (ở phía bắc thủ đô Islamabad của Pakistan) lúc đầu nghĩ rằng họ đang đào lên được một bức tường bằng đá khác. Nhưng họ sớm nhận ra rằng đã phát hiện di tích của một pho tượng khổng lồ - một tượng Phật nằm có chiều dài hơn 15 mét, bằng chiều dài của một container vận chuyển.

Các niên đại phóng xạ carbon thu nhận được trên gỗ từ di tích cho thấy có từ năm 240 đến 340 sau Công nguyên - tức là nhiều thế kỷ trước khi Phật giáo được cho là đã tạo tác những tác phẩm điêu khắc khổng lồ phổ biến tại các đền chùa ở khắp châu Á.

Nếu được xác định, niên đại ban đầu sẽ làm cho pho tượng này trở thành bằng chứng cổ xưa nhất của tác phẩm điêu khắc Phật giáo. Và những pho tượng lớn chứng tỏ những mối liên quan lớn, vì chúng cần có những người bảo trợ và nhà cầm quyền giàu có

để tài trợ cho sự tạo tác tượng.
(Tipitaka Network - July 28, 2016)



*Di tích Bảo tháp Bhamala (Pakistan)
Photo: Muhammad Zahir*

LA MÃ: Triển lãm "Những Kiệt tác của điêu khắc Phật giáo Nhật Bản"

Lần đầu tiên trong lịch sử nước Ý, 35 tác phẩm điêu khắc của Nhật Bản đang được trưng bày trong một cuộc triển lãm mới, diễn ra cho đến ngày 4-9 tại Bảo tàng Scuderie del Quirinale của La Mã.

Tại triển lãm mang tên "Những Kiệt tác của điêu khắc Phật giáo Nhật Bản" này, khách tham quan có thể thấy các tác phẩm - bao gồm 21 hiện vật bằng gỗ hoặc đồng được mô tả là "những kiệt tác tuyệt đối" - cho thấy sự phát triển kép của nghệ thuật thủ công nghệ thuật và sự giảng dạy Phật giáo tại Nhật Bản từ thời Asuka (thế kỷ thứ 7-8) cho đến thời Kamakura (1185-1333).

Cuộc triển lãm cũng là một sự hướng dẫn tuyệt hảo về lịch sử Phật giáo trong thời kỳ nói trên, với những tác phẩm điêu khắc miêu tả sự tiến hóa chậm của Phật giáo vốn liên quan đến sự tạo tác tranh tượng và sự hợp nhất các nhân vật từ các tôn giáo khác. Không chỉ là một bài học lịch sử, triển lãm còn là một cơ hội để xem những tác phẩm mà thường không thể xem được - trừ khi phải thực hiện những chuyến đi dài đến các đền chùa âm u, xa xôi.

(uk.blouinartinfo.com August 3, 2016)



*Một số tác phẩm trưng bày trong triển lãm "Những kiệt tác của Điêu khắc Phật giáo Nhật Bản" tại La Mã
Photos: Palaexpo*

ẤN ĐỘ: Hội thảo Khoa học Hiện đại lần thứ 3 dành cho chư tăng ni

Ngày 1-8-2016, Ban Tôn giáo và Văn hóa (DRC) phối hợp với Thư viện Tác phẩm và Văn thư Lưu trữ (LTWA) đã bắt đầu chương trình hội thảo Khoa học Hiện đại lần thứ 3 dành cho chư tăng ni Tây Tạng tại Trung tâm Tiếp nhận Tây Tạng gần Khan-yara ở Dharamsala.

Giáo trình của chương trình 15-ngày dành cho 32 tăng ni này bao gồm phần giới thiệu về Vật lý, Thần kinh học, Sinh học và Toán. Thượng tọa Geshe Lhakdor, Giám đốc của LTWA, đã khai mạc chương trình và phát biểu về mối liên quan giữa Khoa học và Phật giáo.

Hội thảo này là một sự kiện thường niên dành cho chư tăng ni, là những người không học các lớp khoa học tại bản tự. Mục đích chính của giáo trình là giới thiệu khoa học cho cộng đồng tu sĩ.

(Phayul - August 1, 2016)

*Thượng tọa Geshe Lhakdor (ngồi giữa) phát biểu vào ngày khai mạc Hội thảo Khoa học Hiện đại lần thứ 3 tại Dharamsala, Ấn Độ—
Photo: Phayul*



TRUNG QUỐC: Số lượng du khách tăng kỷ lục đe dọa nghệ thuật Phật giáo cổ trong Hang Mạc Cao

Hang Mạc Cao nổi tiếng với một số tác phẩm đẹp nhất và lâu đời nhất của nghệ thuật Phật giáo tại Trung Quốc.

Mặc dù đã đứng vững qua hàng trăm năm của thiên tai, những kẻ cướp, những nhà thám hiểm và sự xung đột vũ trang, Hang động Mạc Cao bây giờ phải chịu những sự tàn phá của một mối đe dọa tiềm ẩn tai hại hơn nhiều từ ngành du lịch hiện đại.

Trong 7 tháng đầu năm nay, số lần tham quan các hang động này tăng 31%, với 598,000 du khách. Bây giờ vào mùa du lịch cao điểm tháng 7 đến tháng 10, khách tham quan hang Mạc Cao đã đạt kỷ lục ngày của năm vào ngày 27-7 với 19,301 người.

Lượng du khách viếng hang Mạc Cao đông như thể tạo ra những mức độ carbon dioxide cao trong không gian kín, đe dọa sự toàn vẹn của các tác phẩm điêu khắc và bích họa cổ. Mật độ carbon dioxide tại một hang có thể tăng gấp 5 lần nếu có 40 du khách ở bên trong hang trong 30 phút.

(Buddhistdoor Global – August 3, 2016)

ANH QUỐC: Gần 1,000 người tham dự lễ hội hoa đăng Phật giáo

Trung tâm Phật giáo Shinnyo-en UK (Vương quốc Anh) đã mời các gia đình, các nhóm tôn giáo và phó thị trưởng của thành phố Elmbridge Rachael Lake đến tham gia lễ hội đèn lồng. Lễ hội diễn ra tại khu Long Ditton (quận Elmbridge, hạt Surrey) vào ngày thứ Bảy 29-7-2016, với gần 1,000 người tham gia.

Những đèn lồng được thắp sáng như một biểu tượng của sự giác ngộ và được thả trôi trên khắp hồ trung tâm, biểu thị sự “thắp sáng một con đường để khám phá một tương lai tươi sáng hơn”.

Phật phái Nhật Bản Shinnyo-en đã tổ chức lễ hội đèn lồng trên toàn thế giới vào

ngày cuối tuần này để truyền bá sự cảm thông, hòa hợp và hòa bình.

“Với nguồn gốc sâu xa trong Phật giáo Shinnyo, hoa đăng là một nghi thức đẹp đẽ, yên tĩnh và toàn diện cho phép mọi người tập trung để bày tỏ lòng biết ơn đối với tất cả những gì đã đi trước chúng ta. Đối lại, chúng ta tin rằng sự tập trung cùng nhau này có thể vượt qua những khác biệt, và giúp xây dựng hòa bình, cảm thông và hy vọng trong xã hội của chúng ta”, Đại đức Michiko Delucia, giám đốc chương trình liên tôn giáo Shinnyo-en UK, nói.

(thisislocallondon.co.uk – August 6, 2016)

Đèn lồng được thả trên hồ tại Long Ditton trong lễ hội hoa đăng—Photo: thisislocallondon.co.uk – August 6, 2016)



*Tượng và bích họa Phật giáo tại Hang động Mạc Cao, Trung Quốc
Photos: Buddhistdoor Global*



thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



Kỷ Niệm Khóa Tu Lần VI

*Khóa này vui thật là vui,
Chư Ni chung sức lo, thời tròn vương.
Đồng tâm đồng chí một lòng,
Lớn bày nhỏ tiếp từ trong ra ngoài.
Tăng ni Phật tử miệt mài,
Chung cùng chí hướng tuyệt vời làm sao!
Tăng già Luồng bộ ước ao...
Học chúng lợi lạc, pháp mầu hiểu sâu
Cầu mong Giáo pháp bền lâu,
Tiếp tay phát triển đạo mầu Chí tôn.
Chẳng cần chọn lựa nào hơn?
Mỗi năm như thế vương tròn xiết bao!
Tăng ni Phật tử ước ao,
Chung lo tổ chức năm nào cũng đông.
Từ xa cho đến vùng gần,
Đến ngày Tu học góp phần dựng xây.
Ngàn xưa cho đến ngày nay,
Tôn đức Lịch đại giải bày chánh chơn.
Nay thời rõ đặng nguồn con,
Chí tâm tu học đáp đền tứ ân.*

Bính thân Trọng hạ - July 25, 2016



XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

2. GIÁ TRỊ NƯƠNG TỰA:

Theo tinh thần duyên sanh, vấn đề nương tựa là vấn đề quan yếu không chỉ riêng của con người mà còn chung của tất cả chúng sanh trong vũ trụ. Tất cả chúng sanh trong vũ trụ nếu như không có chỗ nương tựa thì không thể nảy nở và phát triển. Chỗ nương tựa của cây cối là đất đai, nếu đất đai có phì nhiêu thì cây cối mới nảy nở tốt tươi... và ngược lại đất đai thiếu dinh dưỡng thì cây cối trở nên cằn cỗi yếu ớt. Chỗ nương tựa của con người là cha mẹ và dòng họ, cha mẹ và dòng họ có phước đức thì con cháu được hiển vinh, cha mẹ và dòng họ thiếu phước đức thì con cháu sống bất hạnh và khổ đau. Con người muốn sống có ý nghĩa, muốn được an lạc, muốn được hạnh phúc thì phải ý niệm được giá trị của sự nương tựa. Đời sống con người có 3 giai đoạn nương tựa: Giai đoạn ấu thơ, giai đoạn trưởng thành và giai đoạn tuổi già.

a)- Giai Đoạn Ấu Thơ:

Giai đoạn ấu thơ theo quan niệm phổ thông, nhất là ở Việt Nam ước lượng vào khoảng con người mới sanh ra cho đến 20 tuổi, có chỗ cho rằng khoảng 30 tuổi (gọi là tam thập nhi lập: nghĩa là con người lớn lên đến 30 tuổi thì mới đứng vững với đời). Trong giai đoạn này, con người có hai nơi nương tựa cho lẽ sống, để lớn lên, để mở mang kiến thức: nương tựa nơi cha mẹ và nương tựa nơi thầy tổ.

1)- Nương Tựa Nơi Cha Mẹ:

Cha mẹ nếu không ước mơ thì không cho chúng ta ra đời, cha mẹ nếu không mến thương thì không cho chúng ta no cơm ấm áo, cha mẹ nếu không hy sinh hạnh phúc riêng tư thì không cho chúng ta ăn học để thành danh với đời. Sự có mặt của chúng ta trong cõi đời này chính là sự hy sinh của cha mẹ quá nhiều cả thể xác và tâm hồn cho con cái của mình. Thế nên đối với ân nghĩa sanh thành của cha mẹ, phận làm con phải ghi sâu đậm nét vào tâm khảm để luôn luôn tưởng niệm tri ân và báo ân, nhất là về mặt tâm linh chúng ta đừng có thái



độ phủ phàng đối với đấng sanh thành vô tình làm tổn thương nơi lương tâm của cha mẹ đã chịu nhiều cay đắng và đau khổ suốt cả cuộc đời.

2)- Nương Tựa Nơi Thầy Tổ:

Cha mẹ chỉ sanh ra thân xác cho chúng ta, nhưng không thể sanh ra trí thông minh cho chúng ta. Chúng ta muốn có trí thông minh để sống với đời thì phải nhờ thầy tổ chỉ dạy. Thầy tổ là những ân nhân không thua cha mẹ, người đã tạo dựng trí khôn cho chúng ta có kinh nghiệm sống để bước chân vào đời khỏi bị vấp ngã. Chúng ta ngày nay được hạnh diện là một đơn vị quan

trọng đáng quý trong một xã hội văn minh tiến bộ với trình độ kiến thức sâu rộng chính là nhờ thầy tổ trao truyền sự kinh nghiệm lâu đời của họ. Giá trị tinh thần này chúng ta cũng phải ghi sâu vào tâm khảm để luôn luôn tưởng niệm ân nghĩa giáo dưỡng của thầy tổ cũng giống như tưởng niệm ân nghĩa sanh thành của cha mẹ. Ý niệm giá trị sự quan hệ này cũng là vấn đề trọng yếu trong sự bồi dưỡng tâm linh.

b)- Giai Đoạn Trưởng Thành:

Giai đoạn trưởng thành ước lượng vào khoảng 20 tuổi đến 60 tuổi. Ở giai đoạn này, con người đứng ra đủ tư cách dẫn thân vào đời và đủ trí khôn bước chân vào xã hội. Khi bước chân vào xã hội để vươn mình lên, con người cũng cần phải có chỗ nương tựa. Chỗ nương tựa của con người là gia đình và tôn giáo.

Gia đình là chỗ nương tựa cho đời sống con người và tôn giáo là chỗ nương tựa cho tâm linh của con người. Gia đình là đơn vị truyền thừa của gia tộc là nơi phát huy sự hiển vinh cho dòng họ muôn đời với tổ tiên. Gia đình là một xã hội nhỏ trong cộng đồng, bao gồm có chồng vợ con cái. Chồng vợ phải ý niệm được rằng là bạn đời cần thiết không thể thiếu để chia sẻ với nhau những cay đắng ngọt bùi trong mọi nẻo đường thăng trầm vinh nhục và cùng nhau xây dựng hạnh phúc an lạc thật sự cho đời sống. Tôn giáo là miếng ruộng phước để cho tâm hồn con người phát triển đạo đức làm người. Con người khi thân bệnh thì phải nhờ

bác sĩ trị liệu và con người khi tâm bệnh thì phải nhờ tôn giáo trị liệu, bác sĩ trị liệu tâm bệnh bằng y dược và tôn giáo trị liệu tâm bệnh bằng pháp dược. Cho nên con người muốn được lành mạnh thì phải cần đến bác sĩ và muốn được đạo đức nảy nở hạnh phúc thì phải cần đến tôn giáo. Chúng ta là người muốn sống có giá trị thì phải ý niệm rõ điều đó.

Có người quan niệm rằng họ không cần phải lập gia đình cho thêm khổ, chỉ nương tựa bạn bè là đủ sống an lạc rồi. Họ không hiểu rằng bạn bè chỉ giúp nhau trong giai đoạn ngắn, nhưng không hy sinh cho nhau đến đâu bạc rãng long. Hơn nữa bạn bè chỉ giúp nhau có tánh cách tạm bợ trong phạm vi giới hạn về đời sống vật chất nhưng không chia sẻ với nhau trên lãnh vực tâm linh, đúng với câu tục ngữ như sau: "Giúp lời giúp đũa, không ai giúp của giúp cơm"; chỉ có chồng vợ mới giúp của giúp cơm và giúp suốt cả cuộc đời.

Tóm lại, chúng ta phải lập gia đình làm chỗ nương tựa vững chắc cho đời sống cũng như cho tâm linh để có hạnh phúc an lạc thật sự. Chúng ta nếu như không lập gia đình sẽ buông thả theo dòng đời truy lạc xa hoa không định hướng, sẽ làm đau khổ cho mình khi tuổi về chiều, sẽ ô nhiễm tâm linh đen tối khi mình bước chân vào thế giới bên kia mờ mịt. Chúng ta nếu như không lập gia đình mà muốn cuộc sống thăng tiến thì phải xuất gia tu hành. Người xuất gia tu hành cũng phải nương tựa nơi Tăng Đoàn để tiến lên trên con đường giác ngộ và giải thoát khổ đau sanh tử. Nói cho cùng, con người muốn nếp sống có ý nghĩa phải tạo dựng cho mình một chỗ nương tựa vững chắc.

c)- Giai Đoạn Tuổi Già:

Giai đoạn tuổi già là giai đoạn kể từ 60 tuổi cho đến chấm dứt hơi thở cuối cùng của một sanh mạng. Đa số những người già cả, tâm trạng của họ không nhiều thì ít thường mang bệnh hay lo xa. Sự lo xa của họ tương đối gồm có:

*)- Tứ đại nơi thân thể của họ thường hay bất hòa, gây tạo cho họ nay đau mai yếu.

*)- Những ước mơ của họ chưa hoàn tất mà sức khỏe của họ không cho phép tiếp tục gánh vác trách nhiệm.

*)- Họ băn khoăn không biết sau khi họ chết, con cháu của họ có thương yêu chia sẻ và

đùm bọc với nhau hay không.

*)- Họ không biết sau khi họ chết con cháu của họ có đủ sức đương đầu với cuộc đời hay không.

*)- Họ tự cảm thấy buồn tủi khi họ không còn là cây đại thọ che mát cho con cháu trong cuộc đời.

*)- Tuổi họ càng già thêm thì tình cảm của họ càng lớn mạnh theo tỷ lệ nghịch, cho nên họ cảm thấy sẽ bị cô đơn rồi đây phải xa lìa con cháu khi họ bước qua bên kia cửa tử.

*)- Họ càng lo lắng khi họ chết, không biết con cháu có làm tròn bổn phận giúp đỡ họ những hành trang cần thiết đi vào thế giới bên kia hay không.

*)- Nhất là họ càng băn khoăn cho nẻo trước của họ quá mờ mịt, nghĩa là họ hoàn toàn không biết sau khi chết họ sẽ đi về đâu.

Đây là tâm trạng băn khoăn lo lắng tổng quát của người già. Tâm trạng băn khoăn lo lắng của họ có khi quá cực độ khiến cho họ trở nên quẫn trí, thường hay bộc lộ thái độ buồn phiền, gắt gỏng, bực dọc và cũng có người trở nên tình trạng tâm hồn bàng lảng. Những người con biết quý trọng đáng ân nghĩa sanh thành thì cần phải thể hiện chỗ nương tựa xứng đáng cho tâm hồn của cha mẹ trong khoảng đời còn lại, nghĩa là phải luôn luôn quan tâm đến tình trạng khủng hoảng của họ, thường xuyên chia sẻ, an ủi và tìm mọi cách giúp họ được an tâm cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Người nào làm tròn nghĩa vụ nói trên chính là kẻ ý niệm được giá trị của sự quan hệ sanh tồn nơi cuộc đời.

3. GIÁ TRỊ CHỨC NĂNG:

a) Định Nghĩa:

Chức năng là bổn phận, ý niệm chức năng nghĩa là ý niệm bổn phận. Chức năng của con người là sống phải có tình nghĩa. Tình nghĩa chính là tình cảm và ân nghĩa.

1)- Tình Cảm: nghĩa là tình thương yêu, biết chia sẻ buồn vui cho nhau. Tình cảm không phải là tình ái. Tình ái chính là tình yêu xác thịt, chỉ làm thỏa mãn cho thể xác đòi hỏi mà không có chút tình cảm ở trong. Tình yêu xác thịt thì dễ bị chán chê, bị quên lãng, nguyên vì theo Tâm Lý Học ăn mãi một món ăn thì dễ bị ngán ngẩm và thích muốn thay đổi món ăn mới cho ngon miệng hơn. Tình cảm đặt trên nền tảng nội tâm chỉ đạo thì tạo cho nhau sự cảm thông và đưa đến tình yêu lý tưởng. Đôi chồng vợ biết sống trên tình yêu lý tưởng là đôi chồng vợ đạt được hạnh phúc trọn vẹn đến đâu bạc rãng long.

2)- Ân Nghĩa: là bổn phận tri ân và báo ân. Con người có ân nghĩa là con người biết sống chung và có trách nhiệm với nhau trong mọi hoàn cảnh, biết gánh vác nghĩa vụ của mình trong gia đình, biết cùng nhau chia sẻ mọi sự thăng trầm vinh nhục của cuộc đời và biết ân đền nghĩa trả xứng đáng với những người đồng lao cộng khổ đang góp phần không nhỏ tạo dựng cho mình có một địa vị xứng đáng của một con người trong xã hội tiến bộ.

b) Ý Niệm:

Tình Nghĩa chỉ cho chức năng của con người đối với con người trong đó bao gồm cả tình cảm và ân nghĩa. Tình nghĩa của một con người chia làm ba lãnh vực: lãnh vực cha mẹ con cháu, lãnh vực chồng vợ, lãnh vực thầy trò.

1)- Lãnh Vực Cha Mẹ Con Cháu:

Tình nghĩa cha mẹ con cháu, nghĩa là giữa cha mẹ và con cháu phải sống có tình có nghĩa

với nhau. Con người phải ý niệm được rằng: cây phải có cội nước phải có nguồn, làm con người ai cũng phải có cha mẹ. Chúng ta đã có cha mẹ thì phải ý niệm được giá trị sự quan hệ tình nghĩa giữa cha mẹ và con cháu, đồng thời nên dạy dỗ con cháu của mình cũng phải ghi tâm khắc cốt giá trị tinh thần tình nghĩa đối với cha mẹ nói trên.

2)- Lãnh Vực Chồng Vợ:

Chồng và vợ mỗi người là một đơn vị trọng yếu không thể thiếu trong một gia đình và nếu như mất đi một người thì gia đình đó mất đi ý nghĩa trong cuộc sống lứa đôi trên con đường xây dựng hạnh phúc bền lâu. Sự quan hệ gắn bó chặt chẽ trong cuộc sống lứa đôi nơi một gia đình, giữa chồng và vợ, mỗi người phải xem mình như một phần thân thể về đời sống của người kia và mất họ mình cảm thấy dường như mất đi định hướng trên hành trình xây dựng hạnh phúc chung, cũng như mất đi trách nhiệm nối dõi tông đường trên con đường tiến bộ mà đôi chồng vợ đã tuyên thệ trước bàn thờ tổ tiên khi mới lập gia đình. Sự tương quan sanh tồn của một gia đình sẽ được trình bày ở sau. Trong tinh thần duyên sanh, con người ý niệm được giá trị tương quan sanh tồn giữa chồng và vợ của một gia đình thì mới có thể xây dựng được hạnh phúc chân thật.

3)- Lãnh Vực Thầy Trò:

Chúng ta đã ý niệm được giá trị sự quan hệ giữa thầy trò như đã trình bày ở trước với nhan đề "Nương Tựa Thầy Tổ" thì phải sống có tình nghĩa với nhau. Chúng ta làm tròn nghĩa vụ này đối với thầy tổ chúng tỏ rằng về phương diện tâm linh đã bồi dưỡng được một phần nào đạo đức của con người để làm hành trang cho sự xây dựng nếp sống an lạc.

Những dữ kiện đã trình bày tổng quát ở trên cũng đủ nói lên được tánh chất, giá trị và ý nghĩa sự quan hệ tình thần duyên sanh của một con người. Một con người sống trong trời đất nhất định không thể thoát ly khỏi sự ràng buộc của quan hệ này. Một con người sống chẳng những quan hệ với gia đình, mà còn quan hệ với gia tộc, với cộng đồng, với xã hội, chẳng những quan hệ với chồng vợ, mà còn quan hệ với cha mẹ con cháu, quan hệ với thầy trò. Chúng ta đã ý niệm được sự quan hệ giữa con người với gia đình, với gia tộc, với cộng đồng, với xã hội là trọng đại thì mỗi người trong gia đình muốn đem lại lợi ích cho nhau cần phải có chức năng, nghĩa là phải biết sống có tình nghĩa với nhau.

(còn tiếp)



MÙA VU LAN

*Mùa Vu Lan Thắng Hội về khắp chốn
Mọi người con nên báo hiếu mẹ cha
Tưởng tổ tiên xã hội với ông bà
Tứ trọng ân cần nhớ ghi đền đáp*

*Mùa Vu Lan năng lượng vừa thu nạp
Của chư Tăng vừa mãn hạ an cư
Đây hoan hỷ với vô lượng tâm từ
Vừa Tự tứ năng tiêu trừ nghiệp chướng*

*Mùa Vu Lan khắp nơi đều quy ngưỡng
Lực Tăng Già cứu độ các chúng sanh
Sách tẩn nhau tinh tấn việc tu hành
Mới giải thoát khỏi khổ đau chấp ngã*

*Mùa Vu Lan cô hồn đồng thác hóa
Nhờ các chùa Chấn Tế độ chư linh
Các oan hồn uẩn tử được nghe kinh
Biển thập phương pháp thực đồng cộng hưởng*

*Mùa Vu Lan giải nghiệp được sung sướng
Cứu đảo huyền xả tội độ vong nhơn
Hành buông xả không còn tính thiệt hơn
Cùng "thâm tín chư Phật giai sung mãn."*

thơ

**THÍCH VIÊN THÀNH
(HẠNH TRUNG)**

An Lạc thất,
Mùa Vu Lan Báo Hiếu, Bính Thân (2016)

PHẬT GIÁO TRONG BẢN ĐỒ VĂN HÓA VIỆT NAM

Trí Siêu Lê Mạnh Thát

Phật giáo ở đâu trên bản đồ văn hóa Việt Nam?

Đây là câu hỏi mà nhiều người thường hay nêu lên từ lâu lắm rồi, đặc biệt trong những thế kỷ mà những người Phật tử Việt Nam nắm trọn quyền chính trị, kinh tế và văn hóa của đất nước một cách minh nhiên và được công khai thừa nhận, thí dụ, từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XIV chẳng hạn. Đây là những thế kỷ mà mọi người đồng ý là Phật giáo đã chi phối toàn bộ cuộc sống của người Việt Nam.

Đến cuối thế kỷ thứ XIV, Lê Bá Quát soạn bia cho chùa Thiệu Phúc ở Bắc Giang vào năm 1370 đã phải than thở: *"Thuyết họa phúc của nhà Phật tác động tới con người, sao mà được người ta tin theo sâu sắc và bền vững đến như thế? Trên từ vương công dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, thì dầu đến hết tiền của cũng không sèn tiếc. Nếu ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như năm được khoán ước để lấy quả báo ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không bảo mà người ta vẫn theo, không thể mà vẫn tin. Chỗ nào có người ở thì nhất định có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu đài chiếm đến nửa phần so với dân cư. Đạo Phật hưng thịnh rất dễ mà được rất mực tôn sùng. Ta thử trẻ đọc sách, để tâm khảo xét xưa nay,*

cũng hiểu sơ sơ đạo của Thánh nhân để giáo hóa dân chúng mà rốt cuộc cũng chưa được một hương tin theo. Ta thường dạo xem sông núi, vết chân trên khắp nửa thiên hạ, đi tìm những học cung văn miếu mà chưa hề thấy một ngôi nào. Đó là điều khiến ta vô cùng hổ thẹn với tín đồ nhà Phật, bèn viết ra đây để tỏ lòng ta." [1]

Lê Bá Quát là học trò của Chu Văn An (?-1370), sống vào cuối thế kỷ thứ XIV, giai đoạn thường được cho là Phật giáo suy đồi. Tất nhiên, vào thế kỷ thứ XIV, căn cứ vào chính lời của Lê Bá Quát, Phật giáo chẳng có dấu hiệu gì là suy đồi cả. Không những thế, nó đã phát triển mạnh mẽ để chuẩn bị cho nhiệm vụ lịch sử mới là bảo vệ nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc (Lê Lợi) và phát triển về phương nam (Nguyễn Hoàng). Và cơ sở lý luận của nền Phật giáo này, như chính Lê Bá Quát đã chỉ ra, là thuyết họa phúc.

Trước đây, khi bàn về học thuyết nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, chúng tôi đã đề nghị học thuyết này không phải xuất phát từ tư tưởng nhân nghĩa của Khổng Mạnh mà từ đạo lý của dân tộc được bảo lưu trong *Lục độ tập kinh*. [2] Nói tóm tắt, khi Phật giáo truyền vào Việt Nam, thì Phật giáo đã biết tiếp thu những truyền thống tốt đẹp của dân tộc để chuyển tải những thông điệp của Phật giáo. Đây chính là điểm tạo tiền đề cho sự tồn tại của Phật giáo trên bản đồ văn hóa Việt Nam. Cũng trong chiều hướng phân tích này, chúng ta đi từ tư tưởng qua đến chính trị và kinh tế.

Thông thường người Việt Nam cho đến bây giờ vẫn nhắc nhở nhau là "có phước làm quan, có gan làm giàu." Đúng thế, có những người sinh ra bình thường, học hành cũng không xuất sắc lắm, nhưng lại làm quan to. Sự thành công của họ trong cuộc đời đã đặt ra nhiều vấn đề cho khoa nghiên cứu tâm lý hiện đại. Kể từ ngày Binet đề xuất cách đo trí thông minh của con người, gọi là IQ, trải qua cả trăm năm nghiên cứu về vấn đề này, người ta phát hiện ra những người có IQ cao nhưng chưa chắc đã thành công trong cuộc đời. Do thế gần đây, người ta đưa thêm vào chỉ số EQ để giải thích tại sao những người có chỉ số IQ cao nhưng không thành công. EQ là chỉ số tình cảm



Bên trong viện bảo tàng văn hóa Phật Giáo đầu tiên tại Việt Nam (Đà Nẵng)

cuốn hút mọi người của những cá nhân này. Và điều này thể hiện quan điểm dân gian của Việt Nam là có phước thì làm quan, tức là có sự may mắn, thể hiện qua những quan hệ xã hội của mình. Chính trị hay quyền lực thường đi đôi với kinh tế, cho nên trong ngôn ngữ Việt Nam người ta hay nói đến quyền và lợi. Và cũng trong nhận thức dân gian đó thì lợi xuất phát từ sự can đảm để làm giàu (có gan làm giàu).

Điều này hoàn toàn trái ngược với tư tưởng nhà Nho, mà cụ thể là Khổng Tử. Trong thiên Nhan Uyên của *Luận ngữ*, Tử Hạ nói: “*Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên.*” [3] Trong quan điểm này, giàu và sang là do trời. Đối lại với người Việt Nam thì sang là do có phước và giàu là do chính mình có can đảm làm ra chứ không phải do trời. Và điều này phù hợp hoàn toàn với quan điểm của Lê Bá Quát nói trên về thuyết họa phúc của đạo Phật đã tác động lên tâm thức của người Việt Nam qua lịch sử. Và đây là chỗ để chúng ta xác định vị trí của Phật giáo trong bản đồ văn hóa Việt Nam.

Lê Mạnh Thát

Tiến sĩ Triết học,

Giáo sư và nhà nghiên cứu Sử học và Phật học,

[1] *Đại Việt sử ký toàn thư VII*, tờ 36a3-3b4, Nội các quan bản, Hà Nội: NXB. Khoa học Xã hội, 1998. Cf. *Đại Việt sử ký toàn thư II*, Hoàng Văn Lâu dịch, Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội, 1998, p.153-54.

[2] Lê Mạnh Thát, *Về tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi* 1980

[3] *Luận ngữ*, 12.5



Chùa Diên Hựu được vua Lý Thái Tông cho khởi công xây dựng vào mùa đông tháng mười (âm lịch) năm Kỷ Sửu 1049, niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo thứ nhất. (Wikipedia—ảnh chụp năm 1896)



CÚI ĐẦU

*tôi kính cẩn nghiêng mình
trước mộ phần cha mẹ
những năm tro nhuộm tan
trong bình sành an ổn
những vóc hình bay bóng
nhẹ như gió như mây
bay ngang sông và biển
như núi cao nhìn xuống
suối cười đùa sớm mai
nắng nghiêng nghiêng vườn mộng
âm thanh cuộn vô hình
mẹ cha choàng áo mới
rảo bước theo lời kinh.*

*mưa buồn chi rất vội
vuốt ve tình hoài hương
tôi buồn thềm xưa lạnh
dĩ vãng tròn môi run
chuông ngân hồi bất tử
hiện hữu từng bước êm.*

ĐÊM NGHE GIÓ THỜ

*hom hem đôi mắt chớm mùa
rơi câu thơ vụn đông thừa thớt chồi
đường xưa rắng đỏ quy hồi
du âm nắng đợi chọc trời tựa lưng
hừng đông tỉnh giấc thanh xuân
lung linh bờ cỏ xoay tròn khứ lai
khuya nay nghe gió thờ dài
tàn hơi rệu rã ngược trời tro than.*

TV An Lạc tháng 7/2016

thơ

LÊ PHƯƠNG CHÂU



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH VU LAN PHẬT LỊCH 2560

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật tử,

Mùa Vu Lan Thắng Hội đang về trong tâm thức hiếu hạnh của người con Phật khắp nơi. Thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, xin thành tâm khấn thọ chư tôn Trưởng Lão, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni vừa được thêm một hạ lạp với đạo nghiệp tròn đầy, Phật sự thành tựu. Đồng kính chúc quý thiện nam tín nữ Phật tử giữ tròn đạo hiếu và luôn luôn tinh tấn trên con đường phụng sự Phật Pháp.

Tâm thức con người thời đại mà chúng ta đang sống có nhiều bất an, hỗn loạn và đảo điên. Những giá trị nền tảng cao quý của nhân loại về đạo đức, tôn giáo và văn hóa bị thách thức nghiêm trọng trước tâm thức thác loạn của con người. Những kẻ cuồng tín tôn giáo xem việc tàn sát tập thể đồng loại là công trạng để được lên cõi thiên đường huyền ảo. Học đường không chú trọng đến việc giáo dục con em lễ nghĩa làm người. Truyền thông phổ biến tràn ngập hình ảnh bạo động, giết chóc, thù hận. Xã hội đầy dẫy tình trạng tham nhũng, bóc lột, lừa gạt, cường hào ác bá, và xem việc kiếm tiền như mục đích cao cả và tối thượng của đời người bất chấp mọi hậu quả. Luân thường đạo lý và lòng hiếu thảo của con người đã không được tôn trọng đúng mức.

Vì lẽ đó, hơn lúc nào hết, thực hiện và hoàn thành Nhân Thừa của Phật Giáo là nhu cầu cần thiết để dựng lại những gì bị ngã đổ nơi mảnh đất tâm và nhân cách làm người. Lòng tri ân, báo ân và hiếu hạnh mà đức Phật đã dạy trên hai mươi sáu thế kỷ

trước, vì vậy, vẫn còn là những nguyên tắc đạo đức vô giá để xây dựng nền tảng nhân cách con người. Là con người, chúng ta không thể nào quên được công lao sanh thành và dưỡng dục cao dày của cha mẹ. Chúng ta cũng không thể nào quên ơn dạy dỗ khai thị của Thầy Tổ. Chúng ta lại càng không thể quên ơn quốc gia dân tộc là nơi chúng ta sinh ra và lớn lên trong cái nôi di sản và truyền thống cao đẹp. Và, khi sinh ra làm người trên thế gian này, chúng ta đã cư mang ơn nghĩa rộng lớn của tất cả mọi người trong xã hội, cũng như tất cả chúng sinh trên cõi đời. Từ đó, nhớ ơn và báo đáp ơn nghĩa là đạo lý làm người làm cho chúng ta trở thành con người cao đẹp, đáng yêu và đáng quý.

Trong tâm thức tri ân và báo ân đó, mỗi người đệ tử Phật xin hãy nỗ lực và làm hết khả năng của mình để báo đáp bốn ơn sâu trong đời: Tinh tấn tu học để báo đáp thâm ân Tam Bảo; hiếu thảo phụng dưỡng song thân đầy đủ để báo đáp ơn sinh thành dưỡng dục; tận khả năng góp phần vào việc làm cho dân giàu, nước mạnh để đền ơn quốc gia xã tắc; và dũng mãnh phát khởi bồ đề tâm cứu giúp chúng sinh thoát khỏi khổ đau vật chất và tinh thần để báo ân rộng lớn cho chúng sinh trong pháp giới.

Mùa Vu Lan Báo Hiếu cũng là cơ hội để người con Phật chúng ta suy nghiệm về con đường thực hiện hiếu đạo trong gia đình. Theo lẽ tương quan duyên, nếu muốn cho con cháu có lòng hiếu thảo, thì những bậc cha mẹ không phải chỉ dạy con cái mình đạo lý hiếu thảo không thôi, mà còn phải đích thân làm gương hiếu hạnh cho con cái soi. Cha mẹ không thể hiện lòng hiếu thảo với các đấng sinh thành của mình thì làm sao con cháu có thể làm tròn chữ hiếu với mình là cha mẹ của chúng. Hơn nữa, cha mẹ còn phải biết thương yêu và dưỡng dục con cái đúng mức. Chính nền giáo dục đúng mức và tình yêu thương vô

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát tác đại chứng minh.
Phật Lịch 2560, California, ngày 1 tháng 8 năm 2016,
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

TRỞ VỀ MỤC LỤC



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

ĐẠO TỪ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ VI

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Giáo Phẩm, chư vị Giáo Thọ, chư Tăng Ni và thiện tín.

Hai Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada nhất tâm cung đón tất cả chư liệt vị về tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ VI hôm nay. Sự có mặt của chúng ta để khẳng định năng lực và hiệp lực của cộng đồng Phật giáo Việt nam tại Bắc Mỹ trong trọng trách bảo vệ và phát huy một Phật Việt nơi xứ người.

Tu là tìm lại sự an bình trong mọi nhịp sống thường nhật của chúng ta. Sự an bình này là nguồn hạnh phúc vô lượng có sẵn trong mỗi tự thân. Khổ nổi, chúng ta quên hẳn nó đi để sống trong mơ ước về một hạnh phúc thật xa xôi nào đó. Học là để biết đường quay lại suối nguồn hạnh phúc ấy. Do vậy, khóa tu học Phật pháp này là một cần thiết cho chúng ta, đặc biệt là người đệ tử Phật phải tập sống an bình giữa cuộc đời vạn nỗi bất an nơi Bắc Mỹ.

Thế giới ngày nay tràn ngập tranh chấp từ Á Châu, Phi Châu đến các nước Trung Đông. Thêm nữa, khủng bố, biến loạn là những âu lo lớn hiện nay của nhân loại. Những ngọn lửa ấy đầy thù hận, bản ngã, độc tôn đang lăm le đốt rụi cả trái đất. Không lẽ tuổi thọ của loài người kết thúc sớm quá vậy sao. Xin chúng ta hãy hưng khởi niềm từ qua sự tu học này, để cầu xin thế chiến thứ ba không xảy ra, trong ấy có nhiều rủi ro đến mạng sống chính mình. Ai cũng biết rằng thế chiến đang chờ chực phát nổ. Cầu xin chư Phật hộ niệm cho loài người biết tự kiềm chế.

Giáo hội xin tán thán Ban Tổ Chức Khóa Tu Học, chư tăng ni đã nhiệt tình chung lo Phật sự quan trọng hàng năm này. Đặc biệt là cảm niệm tất cả chư học viên tham dự. Sự nổi bật của Khóa Tu Học năm nay là do chư Ni đảm trách. Điều ấy khẳng định rằng, Phật giáo Việt nam tại Bắc Mỹ lớn mạnh, trong ấy sự đóng góp của Ni giới thật lớn lao. Vị Trưởng Ban và Phó Ban Tổ chức ở tận tiểu bang Colorado và Taxes, nhưng nhờ sự điều hành tài giỏi và cả tấm lòng nhiệt thành, chúng ta có được Khóa Tu Học lần thứ 6 này. Xin toàn thể đại chúng tán thưởng công đức của Ban Tổ Chức bằng một tràng pháo tay thật lớn.

Chúng ta ý thức rằng sự an bình và bất an của mỗi cá nhân có ảnh hưởng đến hòa bình và chiến tranh của nhân loại. Chúng ta hy sinh tiền bạc, thì giờ và năng lực để có mặt hôm nay, chỉ vì sự an bình của ta và nhân loại.

Trân trọng kính chào.

Phật Lịch 2559, California ngày 22 tháng 07 năm 2016

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

thơ

NGUYỄN LƯƠNG VY

NHÂN CHUYỆN LARUNG GAR

1.

*học viện phật giáo larung gar
khiến cao xanh cũng phải xót xa
và cát bụi la thâm trong nắng
chúng phá chùa bức tử pháp tòa*

2.

*văn minh tàu mấy ngàn năm trước
tranh bá đồ vương rất hung tàn
từ xuân thu chiến quốc bạo ngược
đến đại hán tóm thâu lân bang*

3.

*bá đạo đường lữi bò biển đông
vừa đánh lừa vừa lộ cuồng nông
tòa la haye phán văn tỉnh rụi
vẫn mặt dày tuyên bố như không*

4.

*văn minh tàu trước sau vẫn thế
lớn lối xung cường quốc giả cây
cường mà ác thì thôi khỏi nói
khỏi bàn thêm nhân quả trùng vây*

5.

*chỉ biết niệm thời kinh đầu mùa
larung gar màu nắng nhẹ đưa
tịch lặng của vô sanh vô diệt
vô ưu vô úy tự ngàn xưa*

6.

*chỉ biết lắng lòng nghe tam muội
larung gar diệu pháp liên hoa
kim cương bát nhã âm thiêng gọi
chúng sanh đánh lễ giữa ta bà*

7.

*chỉ biết kính ngưỡng mạn đà la
larung gar lung linh sáng lòa
tây tạng vẫn rạng ngời tam bảo
vẫn điềm nhiên như thị sát na*

8.

*nắng đầu thu bay đi đâu vậy
mái hiên ngoài dãi mắt trông theo
phương xa cũng có quê mình đây
mặt đàng tà dương sóng biển reo*



9.

*nhân chuyện larung gar chạnh lòng
thêm đôi câu hát xâm hát rong
bâm gan tím ruột bao nhiêu nữa
thế kỷ người-ma bật khóc ròng.*

07.2016

Ghi chú: Ngày 20.07.2016 (theo múi giờ Tây Tạng), chính quyền Trung Quốc bắt đầu phá dỡ Học Viện Phật Giáo lớn nhất thế giới Larung Gar, Tây Tạng. Hiện nay, học viện có khoảng 10.000 tăng ni thường trú (nếu tính thêm tạm trú có thể gần 40.000 người), trong khi chính quyền Trung Quốc chỉ cho phép dân số nơi đây là 5.000 người. Đã có 60-70% ngôi nhà bị đánh dấu phá bỏ. Kế hoạch phá dỡ dự định vào ngày 25.07.2016, bắt đầu từ các khu nhà của chư Ni, đã có 9 khu bị đánh dấu phá bỏ. (Nguồn: RFA)

GIẢI TĂNG CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI TRONG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Tác giả: **SAMDHONG RINPOCHE**

Nguyễn Hạnh dịch

Đức Phật quả thực là người đầu tiên vạch ra những khái niệm căn bản về đời sống xã hội và các mối liên hệ nhân sinh. Tư tưởng của Ngài bao hàm ý tưởng cách mạng năng động độc đáo. Do đó, không có gì phải ngạc nhiên khi những học thuyết chủ nghĩa xã hội và dân chủ sau này dường như có dòng sinh lực từ những tư tưởng của Đức Phật. Có thể nói, mọi nguyên tắc dân chủ và xã hội chủ nghĩa trong lãnh vực chính trị và kinh tế xã hội đều bắt nguồn trong kinh Phật mặc dù sự khác biệt của nó ở đây là thuyết xã hội căn bản trong Phật giáo tương đối rộng hơn và có mục đích rõ ràng hơn những triết lý xã hội được các nhà xã hội học hiện đại áp dụng.

Triết học xã hội Phật giáo trội hơn những hệ thống tư tưởng khác ở chỗ cung cấp những phương pháp và nguyên tắc chỉ đạo tốt nhất cho sự thành tựu con người xã hội tốt đẹp. Thật đáng tiếc rằng những nhà tư tưởng hiện đại hầu như không bao giờ nhận ra và nắm bắt ý nghĩa sâu xa vốn có trong những tư tưởng của Đức Phật về các vấn đề kinh tế-xã hội, những tư tưởng vốn cao siêu như những lời dạy về tâm thức con người.

Trong thánh điển Phật giáo, thuật ngữ "xã hội" có nghĩa rộng hơn ý nghĩa thường chỉ gắn cho cõi người. Trong ý nghĩa Phật giáo, "Xã hội" được bao gồm sáu cõi và bốn sinh loại, như thế lãnh vực xã hội mở rộng đến toàn khối hữu tình chúng sinh.

Một điểm nữa, những nhà tư tưởng chính trị có thể chỉ nghĩ đến cuộc sống tốt đẹp hoặc hạnh phúc tạm thời, trong khi Đức Phật chỉ bày những phương pháp để đạt đến kết quả lâu dài. Ngài đã trao cho thế giới một phương pháp để mãi mãi thoát khỏi cội nguồn khổ đau.

Tam Thừa

Vì sự phát triển đạo đức của nhân loại, Đức Phật khai mở Tam thừa mà tôi xem như là những giai đoạn liên tiếp của sự phát triển xã hội. Theo Thịnh văn thừa, các pháp hành thuộc xã hội có thể được phân thành hai nhóm: một

nhóm là những pháp tu tập chung cho người tại gia và một nhóm khác dành cho người xuất gia. Giới căn bản (sila) phổ thông cho người tại gia liên quan tới quy luật đạo đức cấm ngăn mười ác nghiệp và nhấn mạnh về bất bạo động đối với chúng sinh hữu tình. Trong Giới Luật, bạo động đối với bất kỳ chúng hữu tình nào đều bị nghiêm cấm để mọi loài sống không tổn hại nhau, không xâm phạm các quyền lợi lẫn nhau và cùng nhau tồn tại tốt đẹp. Bạo động là căn nguyên gây ra khổ đau và xáo trộn xã hội, và việc loại bỏ bạo động nơi mỗi cá nhân (sẽ) một cách tự nhiên xây dựng nên sự lớn mạnh của kết cấu xã hội.

Trong Bồ tát hạnh của Đại thừa, bạo động hoàn toàn bị cấm, nhưng có trường hợp Đức Phật cho phép những vị bồ tát có thể có bày bất thiện nghiệp về thân và khẩu. Tự thân những hành động này rõ ràng là bạo động đối với kẻ khác, nhưng ở những tình huống đặc biệt Đức Phật cho phép các vị bồ tát thực hiện chúng vì phúc lợi của tất cả hữu tình. Nó bao gồm sự hy sinh để gánh chịu hậu quả của các ác nghiệp nhằm cứu nguy một nhóm người khỏi rơi vào khổ đau. Truyền tiền thân Sarthavaha Sattavana nổi tiếng gây sự chú ý của chúng ta về điểm này.



Trên chiếc thuyền chở hàng, tên ác nhân với gươm bén trong tay định giết những hành khách và cướp tài sản đã bị Sarthavaha Sattvavana giết vì tâm đại bi với cả tên cướp và những hành khách trên thuyền. Ngài có tâm đại bi đối với tên ác nhân để cứu anh ta khỏi hành động đại ác mà anh ta định thực hiện bởi với hành vi đó, anh ta sẽ gánh chịu hậu quả của ác nghiệp, và đối với những hành khách khác (là) để cứu tánh mạng và tài sản của họ.

Như đã nêu trên trong Bồ Tát thừa, Đức Phật chỉ cho phép ác hành chứ không bắt buộc; trong Kim Cang thừa, nó trở thành một phần trách nhiệm của các vị bồ tát thực hiện hành động hung tợn vì để loại bỏ những yếu tố phản xã hội, những yếu tố mà phương pháp bất bạo động không ngăn chặn được.

Ý nghĩa hy sinh dần dần đã mang chiều kích rộng hơn từ các thừa khác nhau này.

Cá Nhân và Xã Hội

Đức Phật nhằm vào sự duy trì và tăng trưởng cái nhân chính cho sự hài hòa xã hội. Với ý định chung cuộc này, Ngài đã ban hành các phép tắc cân bằng tốt và y cứ rộng. Vì những lợi ích và phúc lợi xã hội lớn hơn của đất nước, Ngài đã chú trọng nhiều đến quyền và lợi ích cá nhân. Những pháp phương tiện được mở ra nhưng không bắt buộc (tuân hành) mà do tự nguyện. Cách này là biện pháp duy nhất làm cho ôn hòa cân đối xã hội và có thể thực hiện mà không tổn thương bất cứ ai. Khi liên quan đến các quyền cá nhân, việc ngăn cấm 10 ác nghiệp chủ yếu được căn cứ vào sự bảo vệ quyền của mọi người trong xã hội.

Trong 10 chức giáo hội, nơi quyền hạn của một tăng-thân nào đó, nếu là một tăng sĩ đơn lẻ thì không quyết đoán bất cứ vấn đề gì



một cách cá nhân hoặc tước quyền biểu quyết của vị ấy, không có yết-ma tăng nào được tiến hành ngay cả hàng nghìn tăng sĩ đã tập hợp vì mục đích đó. Hành động như vậy được gọi là "sự phủ quyết" theo cách nói hiện đại. Nó vẫn còn sinh động cho thực tiễn xã hội và để tránh phương pháp thay thế thiểu số bởi đa số. Dạng tổ chức giáo hội này có thể trao quyền đại diện đến mỗi cá nhân và đến mọi người. Do vậy, nó là một đặc quyền vô song của Phật giáo vì nó không thể được so sánh với bất kỳ 'chủ nghĩa' hoặc giáo điều nào lấy đi quyền cá nhân của con người. Khuyết điểm lớn nhất của các hệ thống dân chủ và xã hội ngày nay là sự đại diện của con người là đường một chiều, và các ý kiến và quyền của thiểu số luôn luôn bị thay thế bởi đa số.

Trong Bồ Tát hạnh của Đại thừa, mọi cá nhân có vị trí và quyền thích hợp trên nền tảng hỗ tương lẫn nhau. Theo cách này, sự hài hòa xã hội thực sự được thực hiện trong Phật giáo trong khi nó bị phớt lờ trong tư tưởng chính trị ở thời đại chúng ta.

Trong Luật của Hữu Bộ, từ 10 giới của người tại gia đến 253 giới của người xuất gia, tầm quan trọng của sự bảo vệ các quyền cá nhân và sự duy trì hài hòa xã hội là sự tập trung vào việc tránh bạo lực. Bồ Tát giới của Đại Thừa không chỉ cấm ngăn bất bạo động mà bao gồm cả bốn phạm ban phát niềm vui và làm lợi lạc cho tha nhân. Trong Kim Cang thừa, ý nghĩa của sự quên mình và sự bình đẳng của con người nhất là bình đẳng giới rất được nhấn mạnh. Những viễn cảnh xã hội, như thế, có thể được tóm tắt vào sáu ba-la-mật:

1. "Bố thí ba-la-mật" có thể được lấy làm phương tiện phân bố của cải đồng đều.
2. "Giới ba-la-mật" nghĩa là hòa hợp con người xã hội qua sự thực hành tránh bạo lực.
3. "Nhân nhục ba-la-mật" nghĩa là bao dung với bạo động và phê phán. Nếu hành động hung bạo bắt đầu từ một bên, nó chắc chắn được chinh phục từ phía bên kia và không khiến cho nghiêm trọng thêm.
4. "Tinh tấn ba-la-mật" nghĩa là làm việc không ngừng vì phúc lợi xã hội.
5. "Thiền định ba-la-mật" nghĩa là thanh tịnh tâm, làm cho tâm phù hợp để mang lại sự hài hòa xã hội.
6. "Trí tuệ ba-la-mật" nghĩa là thành tựu trí tuệ để khiến một người có được khả năng hiểu những điều đúng - sai và làm lợi ích cho xã hội.

Học Thuyết Nhà Nước

Những nỗ lực của cá nhân vì phúc lợi xã hội được gia cố bởi các mối ràng buộc thông thường của nhà nước. Đức Phật đã phác thảo trong những thuật ngữ rõ ràng về học thuyết nhà nước - nguyên tắc và tổ chức của nó (là) vì duy trì phúc lợi, luật pháp và trật tự xã hội.

Trong thánh điển Đại thừa như *Địa Tạng Thập Luân Đại Thừa Kinh* (Dasa-Cakra-ksti-

garbhanama-Mahayana sutra) dạy về “thập luân” liên hệ đến việc Chuyển pháp luân của Đức Phật trong suốt năm giai đoạn của kỷ nguyên Ca Lợi (kali).

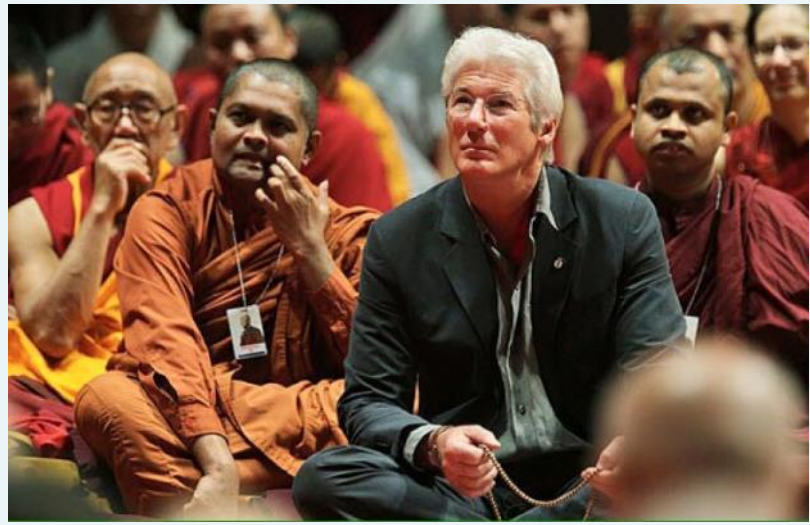
Pháp Thập Luân tuyệt hảo của Phật được so với việc cai quản quốc gia. Những ví dụ bánh xe (luân) cung cấp sự thúc đẩy lớn cho việc điều hành tốt đẹp của nhà nước.

Luân thứ nhất nói về phương pháp chọn người lãnh đạo đất nước hoặc nhà cầm quyền. Đức Phật dạy rằng sự thiếu vắng nhà nước tương đương với sự mất trật tự xã hội và vì vậy, phận sự của người dân là chọn người lãnh đạo. Kinh điển tả thời gian chọn những tiêu chuẩn của người dân cho việc bầu người lãnh đạo. Nó nhấn mạnh về tuổi tác, học vấn, trí tuệ và tính vô tư của cử tri. Đức Phật gợi ý thêm rằng ai là một công nhân chuyên cần với nền công nghiệp đồ sộ, phán xét công bằng, thể tạng tốt, có học vấn, trí tuệ, có nhân cách và lòng bi mẫn thì nên được bầu làm người lãnh đạo đất nước.

Luân thứ hai hướng tới nhiệm vụ của người lãnh đạo. Vị ấy nên suy ngẫm thấu đáo về những yếu kiện đã qua, yếu kiện hiện tại lẫn tương lai, và đề ra chính sách để xây dựng và phát triển đất nước. Kinh trình bày tỉ mỉ rằng chính sách chính phủ phải thu hút tất cả người dân trong nước vào nhiều loại ngành nghề. Đức Phật dạy, những người dũng cảm nên dẫn thân vào ngành nông nghiệp, cầu đường và dẫn thân vào các đề án xây dựng để cung cấp thực phẩm và phương tiện truyền tin, và nhóm thứ ba nên được bao gồm vào thương mại và có kiến thức về nghệ thuật và thủ công chuyên môn để bổ dụng vào phúc lợi công nghiệp. Trong những thuật ngữ rõ ràng, Kinh cũng chỉ rõ về cách loại trừ thất nghiệp và phát triển đất nước.

Về *luân thứ ba*, Đức Phật đề cập đến sự chuẩn bị những rường cột và tước hiệu thích hợp cho những người có học thức, thông thạo và khéo léo, hoặc những người can đảm với sự rèn luyện đúng mực trong quân sự (kỹ thuật tác chiến) bất kể người đó là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá hay Thủ-đà-la. Về việc làm, các tiêu chuẩn giáo dục và tài năng được nhấn mạnh. Điểm đáng chú ý nữa, Kinh cũng nhắc đến việc giao việc làm thích hợp với nhu cầu và năng lực cho những người ít hiểu biết, thất học hoặc kém thông minh. Kinh này đặc biệt vì bao gồm phương sách dự trừ sinh kế cho người thiếu năng để họ không mất quyền lợi vì bị gò ép tùy tiện với việc làm chỉ dành cho người có học thức và năng lực. Tuy nhiên, những người lười nhác, trốn việc, và bản tính ác; những kẻ làm ác và đi vào những hoạt động phản xã hội thì nên bị trừng phạt theo mức phạm tội của họ. Đây là vì quyền lợi của đất nước, giữ gìn kỷ cương và hòa bình.

Về *luân thứ tư*, Đức Phật nói rằng nếu vì tín ngưỡng vào thần linh và nữ thần hoặc tôn giáo và triết lý sống khác nhau mà người dân



trong nước bị phân chia thì nhà nước cố gắng mang tất cả lại cùng nhau và đặt họ vào sự hợp tác thực sự để tránh xung đột và chia rẽ. Nhà lãnh đạo đất nước phải luôn luôn tham khảo ý kiến các bậc trưởng bối hoặc những người có văn và quyết định mọi việc với sự hội ý đầy đủ nhất; đây là theo tính chất nghị viện trong đời sống chính trị hiện đại.

Về *luân thứ năm và sáu*, Đức Phật đề nghị rằng nhà nước nên bảo vệ các thành phố, thị trấn, và làng mạc bằng các hành rào kiên cố, được trông coi bởi các lực lượng hùng hậu bao gồm cả người chăn gia súc cũng có thể tham gia vì mục đích đó. Các phương pháp phòng vệ được tiến hành để tránh những thế lực thù địch của quốc gia đáng nói vì tính khôn ngoan và sự sắc sảo chính trị. Điều khác biệt của luân thứ năm và sáu là luân thứ năm nhấn mạnh phương sách bảo vệ hộ tài sản của người dân và du khách, trong khi luân thứ sáu nói về cách bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ.

Về *luân thứ bảy*, Đức Phật nhắc nhở rằng nhà nước nên thường xuyên trông nom các phong trào của dân chúng trong các thành phố, thị trấn, làng mạc, núi non, thung lũng, đồng bằng, nơi các khu vườn, rừng, nơi các con đường và sông rạch và những nơi khác của lãnh thổ. Trong trường hợp có bất cứ nguy cơ ngoại xâm hay thiên tai họa hoạn nào, trách nhiệm của nhà nước càng nặng nề hơn. Kinh chỉ ra phương pháp phòng bị thiên tai và ngoại xâm qua việc cung cấp phương pháp đối trị và các sở tình báo.

Trong *luân thứ tám*, Đức Phật nói rằng người lãnh đạo đất nước luôn phải nhớ lại vị trí của mình, thời niên thiếu, bối cảnh chào đời, thuở ấu thơ và sự học vấn của mình trong sự đồng cảm với trải nghiệm về con người và những sự kiện trong nước. Vị ấy không được rơi vào cái bẫy của cảm dỗ tội lỗi hay bị mù quáng bởi quyền lực; nói cách khác, ông ta phải nhận thức đầy đủ rằng mình hàm ơn to lớn về mọi thứ từ đất nước.

Về *luân thứ chín*, Phật dạy rằng nhà cầm quyền phải trông nom tất cả người dân trong nước và nên có sự hiểu biết về vị trí, tài năng, đẳng cấp, nghề nghiệp, mối liên lạc xã hội, tín

ngưỡng và phong tục của họ cũng như lối suy nghĩ của họ về đất nước. Kinh chỉ ra các phương pháp giáo dục giới trẻ và xem xét kỹ về đạo đức và vật chất mang lại phúc lợi toàn thể dân chúng.

Luân cuối cùng nói rằng một nhà nước đi theo các luân trên thì sẽ được toàn nhân loại kính trọng. Quyền lực pháp lý của nhà nước đó sẽ được mở rộng mà không cần đấu tranh hay bạo lực. Các chính khách hiện đại có thể tìm thấy ý tưởng về một chính thể toàn cầu dựa trên những nguyên tắc đạo đức trong trí tuệ cổ xưa này.

Sự ghi chép về các luân còn được thảo tỉ mỉ hơn trong nhiều tài liệu Đại thừa khác. *Bồ Tát Cảnh Giới Phần Tấn Pháp Môn Đại Thừa Kinh* (Arya bodhisattvacarya -gocaropaya- vi-saya- vikurvana-nirdeśanama- mahayana sutra) cung cấp lời luận bàn chi tiết về 'praja' (người dân), về "prajapala" (người bảo hộ) của một đất nước và về những trường hợp nên ban hành các điều luật nhà nước. Kinh trình bày chi tiết về cơ cấu tổ chức xã hội, về sự lãnh đạo, về tòa án, về tám lãnh vực mà vị nguyên thủ quốc gia và chính phủ phải lưu tâm, về phòng thủ chiến tranh và về các vấn đề liên minh.

Cơ Cấu Tổ Chức, Sự Lãnh Đạo và Bộ Máy Tư Pháp

Bài Kinh trích dẫn trên cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự phân bổ đồng đều lợi ích và của cải. Trong trường hợp rủi ro do xét xử sai lầm mà một cá nhân bị tịch biên toàn bộ tài sản, nhà nước chỉ nên tiếp quản một phần tài sản của cá nhân hoặc gia đình đó, kết hợp với tài sản quốc gia để sử dụng nhằm tạo ra lợi tức thương mại dưới sự giám sát của nhà nước. Bằng cách này tài sản của mỗi cá nhân và gia đình được bảo vệ và tăng lên trên nền tảng hợp tác đúng đắn. Theo tôi, nó có vẻ là tiền thân của tất cả hệ thống hợp tác, hợp đồng lâu dài và hiệu quả rộng lớn.

Kinh dạy, vị nguyên thủ quốc gia phải có hai đức tính cho việc điều hành thích hợp. Đó là tính thận trọng và tình thương. Có tính thận trọng để không bị quyền lực dẫn dắt mà luôn ghi nhớ rằng quyền lực, địa vị và ngay cả bản thân là nhất thời và vì vậy chỉ dùng quyền hành một cách thích hợp. Tình thương hướng đến tất cả người dân trong nước, nhất là những người đang gặp khó khăn do bệnh dịch và mất mùa hoặc các thiên tai nạn họa khác.

Với những người biển thủ, Kinh có những chỉ dẫn về cách trị phạt bằng tình thương chứ không bằng giận dữ hay với thái độ báo thù. Theo đó, có năm điều cơ bản cho sự trừng phạt. Chúng được gọi là 'đúng tội,' 'đúng thời,' 'có mục đích,' 'mềm dẻo' và 'nhả nhặn.' "Đúng tội" nghĩa là sự trừng phạt nên được giáng cho người phạm tội thực sự. "Đúng thời" nghĩa là thời gian hoặc hoàn cảnh thích hợp để quan tòa có thể phán quyết hình phạt, và bị cáo có

thể lãnh án. "Có mục đích" nghĩa là sự hối cải rõ ràng trong những hành động của phạm nhân qua việc lãnh án. "Mềm dẻo" phải là tính chất của sự trừng phạt: không nên dựa trên sự quy kết cứng nhắc. Tốt nhất là giúp phạm nhân hối cải bằng cách răn nhắc. Mặt khác, quan tòa phải cố gắng áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất có thể. Sự hành hình và đóng cọc xuyên qua người bị nghiêm cấm trong nguyên tắc trừng phạt này. "Sự công bằng nhả nhặn" nghĩa là sự đối xử có lòng trắc ẩn đối với phạm nhân. Như thế, đó phải là phương pháp trừng phạt như cách cha mẹ phạt con của mình.

Kinh nói rằng vị nguyên thủ quốc gia hoặc chính phủ luôn cần có tám việc suy ngẫm trong tâm. Tám việc đó là:

- 1) Suy ngẫm để xem công dân trong nước như những người con trai và con gái của ông ta;
- 2) Suy ngẫm để xem những kẻ vô lại như bệnh nhân;
- 3) Suy ngẫm để nhìn những người khổ như đối tượng cần tình thương và lòng nhân ái;
- 4) Suy ngẫm để vui mừng khi thấy những ai được khá giả thành đạt.
- 5) Suy ngẫm để tìm cách xóa bỏ nguyên nhân hận thù đối với kẻ thù địch.
- 6) Suy ngẫm để làm tăng thêm quyền lợi chính đáng của bạn bè.
- 7) Suy ngẫm để sử dụng tài sản như phương thuốc của đời sống; và
- 8) Suy ngẫm để bản thân sống không vị kỷ.

Đấu Tranh Vì Phòng Vệ

Bản kinh chiếu ánh sáng quan trọng về cách hành động thế nào trong chiến tranh. Đức Phật khuyên rằng tình huống chiến tranh nên được giải quyết qua **ba giai đoạn và ba nỗ lực sáng suốt**.

Ở *giai đoạn thứ nhất* nỗ lực trước tiên là nhằm vào việc mang lại sự thỏa hiệp giữa hai bên hoặc giữa các đảng phái tham chiến mà không đổ máu, dù là cả hai bên có thể phải từ bỏ vài quyền lợi. Nếu chiến tranh vẫn không thể vẫn hồi bằng cách ngồi lại để thương thuyết thân mật, đền bù bằng phẩm vật hay thỏa thuận theo tối hậu thư, chỉ khi đó chính quyền mới bắt đầu cho cuộc chiến.

Ở *giai đoạn thứ hai*, nỗ lực tiếp theo là đối phó cuộc chiến, hy sinh thân mình. Điều này được giải thích: người dân trong nước ở thế nguy hiểm của ngoại xâm, vì thế bản thân buộc phải chiến đấu và, với ý định cứu nguy cho dân tộc, vài người sẽ sẵn sàng gánh chịu hậu quả của ác nghiệp.

Trong cuộc chiến, nên xem mình mạnh hơn địch, và phải nuôi dưỡng niềm tin chiến thắng. Tuy nhiên, với một cuộc chiến đang hồi gay go, nên tìm cách nào đó để giảm thiểu hậu

quả chém giết và giảm thiểu tổn thất nhân mạng của cả hai bên.

Ở giai đoạn thứ ba, nỗ lực ứng dụng tất cả những nguyên tắc kể trên một cách khéo léo và quả cảm trong các hoạt động đấu tranh với mục đích phòng ngự.

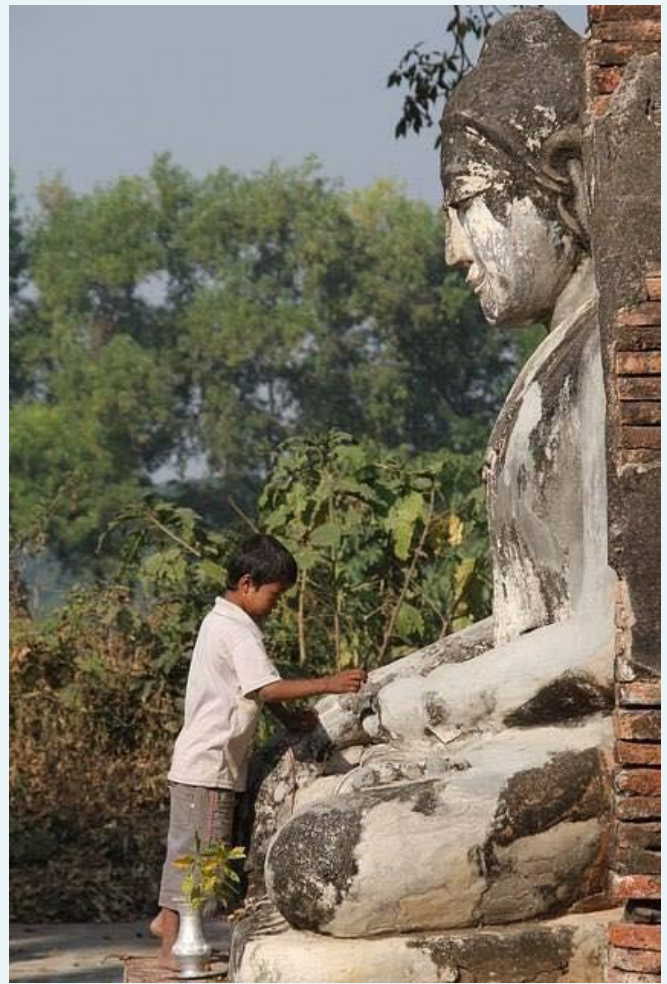
Như chúng ta biết, mục đích của chiến tranh chưa bao giờ được cho là phá hoại hoặc vì danh tiếng của bên thắng trận; nó được trù định nhằm vào việc bảo vệ quyền và quyền ích của dân tộc. Điều này làm nhẹ bớt kết quả của tội ác theo ý nghĩa đạo đức. Hơn nữa, không chỉ trong kinh Đại thừa mà trong các kinh của Hữu Bộ, Đức Phật cũng không phản đối cuộc chiến vì chủ quyền quốc gia. Có nhiều thí dụ như lần nọ vua Ba-tư-nặc của Kiền-tát-la giao chiến một thời gian dài. Theo yêu cầu của nhà vua, Đức Phật đã cho vài vị tỳ kheo đến doanh trại của vua để giảng pháp cho vua và quân lính. Điều này cho thấy rằng nếu Đức Phật phản đối cuộc chiến thì Ngài sẽ không phải bắt cứ tăng sĩ nào đến doanh trại của vua làm chỗ nương tựa tinh thần cho họ. Đức Phật rất có ảnh hưởng đến vị vua này, Ngài có thể ngăn vua khỏi cuộc chiến một cách dễ dàng. Nhưng không nên hiểu lầm điều này là khuyến khích bảo lực vì mục đích vị kỷ. Nếu vì mục đích vị kỷ, Đức Phật không bao giờ cho phép bạo hành giáng xuống những sinh vật nhỏ nhất dù để bảo vệ mạng sống của ai đó. Tương tự, các tăng sĩ bị nghiêm cấm tất cả hành động bạo lực dù bất cứ hoàn cảnh nào.

Hy Sinh Vì Sự Hòa Hợp Xã Hội.

Một kinh khác có tựa đề *Cổ Âm Long Vương Kế Kinh* (Nagaraja-Bheri-Gatha). Kinh nói rằng vì lợi ích của gia đình nên hy sinh bản thân, vì lợi ích của đất nước, (nếu cần) nên hy sinh thành phố. Nguyên tắc này về sau được nhiều chính khách và nhà cải cách xã hội tán thành, Mahatma Gandhi là một trong những người có quan điểm như thế.

Tóm lại, ở mọi góc độ, Đức Phật đều chạm đến các lãnh vực triết học về kinh tế xã hội và chính trị. Những tư tưởng của Ngài hoàn toàn mới trong thời Ngài tại thế nhưng lại đúng khá vững trong thời đại ngày nay. Hiện giờ, những lời Ngài dạy về sự bình đẳng dựa trên những nguyên tắc xóa bỏ giai cấp, xóa bỏ những thành kiến sắc tộc và phân biệt giới tính đang là những mục tiêu hướng đến của nhiều quốc gia trên thế giới. Đức Phật đã biết về những khó khăn theo sau nếu có sự xuất hiện của Ni giới trong Tăng đoàn, nhưng Ngài vẫn cho phép thành lập giáo đoàn Tỳ kheo ni vì lợi ích của người nữ và vì sự bình đẳng giới (nam và nữ giới).

Trong một thế giới mà các khái niệm đạo đức luôn thay đổi, tôi muốn bác những quan niệm sai lầm của vài học giả cho rằng nguyên tắc bất bạo động là nguyên nhân suy tàn của lực lượng quân đội quốc gia, và xem giáo đoàn Tỳ kheo, Tỳ kheo ni như là mối tổn thất cho



nền kinh tế đất nước, là gánh nặng đối với xã hội. Sự thực rằng những quan điểm sai lầm này dựa vào những niềm tin thành kiến và nghiên cứu gièm pha Phật giáo.

Phật giáo và sức mạnh quân sự phát triển nhanh trong thời đại của vua A Dục ở Ấn Độ. Ở Tây Tạng, quyền lực thế tục lớn mạnh bên cạnh Phật giáo vào thời đại của Tùng-cán-can-bổ (Srong-tsen Gampo), Ngật-lật-song-đề-tán (Tri-song Deu-tsen) và Xích-tổ-đức-tán (Ralpachen), ba vị vua vĩ đại đã mở rộng vương quốc của họ và cũng đã phát triển kinh tế và xã hội nhanh chóng. Sự kết hợp chặt chẽ với Phật giáo đã đặt cơ cấu xã hội Tây Tạng trên nền tảng vững vàng. Từ khi Phật giáo được truyền đến Tây Tạng, không có sự bất hòa xã hội hay thống khổ nào được tìm thấy cho đến khi đất nước bị Trung Cộng thôn tính vào những thập niên gần đây.

Do ảnh hưởng Phật giáo nên giữa người giàu và người nghèo, đẳng cấp cao và đẳng cấp thấp không có khoảng cách lớn nào tồn tại trong lịch sử Tây Tạng. Ngay cả dưới chế độ quân chủ, người dân vẫn hưởng đầy đủ những đặc quyền dân chủ. Công dân có cơ hội ngang nhau. Giáo đoàn Tỳ kheo và Tỳ kheo ni là nguồn cảm hứng bất tuyệt và là niềm hạnh phúc đối với xã hội. Hơn nữa, ngay khi bất kỳ người con trai hoặc con gái nào trong gia đình xuất gia, vị ấy đã từ bỏ tất cả của cải và tài sản mà một thành viên trong gia đình được sở hữu.

Như thế tất cả thành viên còn lại trong gia đình được hưởng phần của vị đó. Hầu hết công tác phục vụ xã hội như nghi lễ tôn giáo, đứng lớp ở các trường học và cung cấp trợ tá y khoa đều được các vị tăng và ni đảm trách tận tình mà không trông đợi thù lao. Truyền thống sống chung với nhau trong các cơ sở tu viện của tu sĩ đã là một trong những nguồn thuận lợi lớn nhất của lực cổ kết xã hội.

Lại có lời chỉ trích khác rằng Phật tử Tây Tạng nói riêng và hàng Phật tử nói chung e ngại đón nhận lối sống hiện đại, hoặc cho rằng niềm tin Phật giáo cản trở sự phát triển xã hội. Đây là quan điểm sai lầm về một giáo đoàn lớn nhất. Người Tạng không ngại áp dụng hoặc tiêu hóa lối sống mới, đổi với người Tạng; chừng như có những dây neo cố định họ trong các nguyên tắc lâu đời của Phật giáo.

Cho đến bây giờ, tự do ý chí hoạch định xã hội và tiếp nhận niềm tin là điểm quan trọng nhất trong Phật giáo làm cho chúng ta chỉ cảm thấy tự hào và khác biệt với các xã hội khác. Đức Phật nhấn mạnh lợi ích của tự do tư tưởng và tự do lý luận nơi tự thân mỗi người và nhấn mạnh rằng không nên đơn thuần tin vào bất cứ điều gì, ngay chính những lời dạy của Ngài. Đây là một khía cạnh tuyệt vời của Phật giáo – khía cạnh tôn trọng tự do tôn giáo của cá nhân. Trong các thừa khác nhau, hầu hết kinh điển đầy các cuộc thảo luận và tranh biện về giới luật. *Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa Kinh* (Arya Mahaparinirvana-nama sutra) đặc biệt lặp lại lý lẽ mạnh mẽ nhất của chúng đệ tử với Đức Phật, điều mà tôi cảm thấy tác động mạnh mẽ hơn những cuộc tranh biện nghị viện thời nay. Nó chứng tỏ rằng Đức Phật hoàn toàn khuyến khích chánh ngữ và thảo luận về mọi lãnh vực và cho phép phê bình với tâm hòa ái chứ không phải với cảm giác khó chịu.

Thường được biết đến với Tạng ngữ "Denpa-shi", Pháp Tứ thánh đế do Đức Phật thuyết giảng đã mở ra đường lối hành động vững chắc nhất vượt thoát khổ đau. Đó là Trung đạo. Thực tập theo pháp này tất loại trừ tất cả sự nghèo nàn, thất nghiệp, nổi loạn và chiến tranh vốn dĩ là những nỗi bất hạnh của xã hội. Căn nguyên của những bất hạnh này là vô minh và sân hận. Chúng phải được nhổ tận gốc rễ bởi giáo lý từ bi, bao dung và trí tuệ của Phật. Sự công nhận về sự thật này có ý nghĩa rất nhiều đối với thế giới, trong quá khứ, hiện tại và cả trong tương lai.

Nguyễn Hạnh dịch

Nguồn: <http://samdhongrinpoche.com/en/the-social-and-popitital-strata-in-buddhist-thought/>



KẺ Ở NGOÀI ĐÊM

*đôi diện cùng khoảng lặng
đôi mắt thâm sâu
đôi mắt khai từ những bóm dính dị ứng
truy đuổi tận cùng ngôn ngữ màu và bàn tay
tạo tác
người đeo đá năm xưa lên đường tìm huyền
thoại
trí nhớ mơ hồ người theo hướng núi
núi gọi rừng cần lối
người phăng ra biển
biển trời phong ba
đứng giữa mệnh mông hai tay ôm ngực
vực im thốn thức người hoang hốt bụng tìm
ném bỏ hoài nghi người đi về phố
màu phố cổ nghìn xưa hoang lạnh
ướt đêm đêm trầm tích
cháy rụi cánh đồng khát vọng
người ôm hoang mang bơi qua dòng dịch
chuyển
điệu kèn chiêu hồn về cõi khác
thèm một lần cuồng say
một lần cuồng quay đêm tạo tác
người chạy vào sa mạc
hủ gọi tiếng xa xăm
tiếng trăm năm lạc lõng
người khản tìm dấu chân
quán tự tại bỏ tất hành thâm... (*)
kẻ độc hành trên đường về chợt nhận ra
mình là kẻ khác.*

thơ CHIM HẢI

(*) Câu đầu trong Tâm Kinh Bát Nhã

DÍNH MẮC TÀI VẬT THẬT LÀ KHÓ BỎ

Quảng Tánh

Biểu hiện đầu tiên của tu tập là phát tâm buông xả. Sơ tâm hùng tráng là nguyện buông hết. Người xuất gia thì từ bỏ gia đình, sự nghiệp thế gian dẫn thân trên đường đạo. Người tại gia thì nhờ buông bỏ mà trở nên nhẹ nhàng với mọi thứ, không còn cố bám víu hơn thua giành giật như xưa. Nếu giữ vững được sơ tâm như vậy thì quý hóa biết bao.

Chỉ tại cái tâm vô thường, nguyện xưa không chắc, nên có người chỉ buông được lúc đầu. Vì nhiều nguyên nhân, về sau họ lại dính mắc, thích đủ thứ, nên đường đạo lại lắm nỗi gian truân. Khoan nói đến những dính mắc nhỏ nhiệm vô hình khó biết như bám víu bản ngã, những thứ bình thường như tài vật, lợi danh một thời phù phiếm nhẹ hơn tơ nhưng nay lại cột chặt vào mình. Nên Thế Tôn, tuy dạy chúng Tỳ-kheo mà như tự sự về những trải nghiệm "Dính mắc tài vật thật là khó bỏ."

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, nếu có một người nghĩ điều gì, Ta đều biết rõ. Về sau người này ở trong đại chúng, không vì ăn uống mà nói lời hư vọng, nhưng hoặc vào lúc khác, Ta xem thấy người này vì sanh tâm nhiễm trước, nghĩ nhớ tài vật nên ở trong đại chúng nói lời hư dối. Sở dĩ như thế, này các Tỳ-kheo, vì dính mắc tài vật thật là khó bỏ, khiến người đọa vào ba đường ác, chẳng được đến chỗ vô vi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đã sanh tâm này liền nên rời bỏ, dù người chưa sanh chớ có khởi lòng dính mắc tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm 11, Bất đãi, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.125)

Tất cả cũng "vì sanh tâm nhiễm trước, nghĩ nhớ tài vật" nên thành ra dính mắc. Tâm tham nhiễm vốn là bản chất của chúng sinh. Được huân tập từ nhiều đời kiếp nên tham ái

rất sâu dày. Khi phát nguyện dũng mãnh, hay những lúc tâm an tịnh với chánh niệm cao độ, hoặc những khi tuệ vụt lóe sáng thì tham ái tạm thời lắng xuống. Tuy vậy, tất cả chỉ như lấy đá đè cỏ tranh, nếu không duy trì chánh niệm thường trực thì tham ái lại trôi dậy, mọi hệ lụy cũng bắt đầu từ đây.

Trong pháp thoại này Thế Tôn đã chỉ rõ. Một vị Tỳ-kheo nguyện làm khất sĩ thanh bần với ba y và một bát nhưng rồi vì tham đắm tài vật mà nói lời hư dối. Từ tham sinh ra dối trá, từ hư dối nên sợ hãi, ưu phiền. Trong quá trình hành đạo, sự hư dối thọ phù mình và người đều dễ nhận ra.

Nhưng có những sự tham đắm và hư dối chính mình cũng khó nhận biết vì tự huyễn rằng đó là phương tiện, làm đạo cần như thế. Thành ra không ít người, vì xây dựng kiên cố hay những dự án kỷ lục mà rơi vào nợ nần, thất hứa khiến tin đồn mất niềm tin, bản thân thì lo âu, phiền não.

Lời cảnh tỉnh "Dính mắc tài vật thật là khó bỏ" của Thế Tôn vốn lặp đi lặp lại nhiều lần trong các giáo huấn của Ngài nhưng xem ra vẫn là công án cho rất nhiều người. Ở thời đại mà vật dục lên ngôi, đời sống xã hội được nâng cao, sự cứng đường hậu hĩ thì thực hành "muốn ít, biết đủ" càng trở nên khó khăn gấp bội. Đành rằng, tài vật rất cần cho sự tu tập và hành đạo nhưng cũng đừng để dính mắc, vì dính mắc "khiến người đọa vào ba đường ác, chẳng được đến chỗ vô vi."

Tự dặn lòng, tâm tâm niệm niệm, hãy cố gắng, chuyên cần, tinh tấn nếu "đã sanh tâm này liền nên rời bỏ, chưa sanh chớ có khởi lòng dính mắc tài vật." Được như vậy thì đời tu trở nên nhẹ nhàng. Giữ được sơ tâm buông xả thì đường đạo sẽ thành thơi. Ta đi với cuộc đời từ hai bàn tay trắng và chắc chắn sẽ ra đi với bàn tay không. Chẳng ai mang theo được thứ gì ngoài nghiệp lực của mình. Nhẹ thì nổi lên cao, nặng thì chìm xuống là lẽ đương nhiên. Ai khéo tu, không dính, không nặng, không chìm thì sẽ sang bờ kia.



SỰ ĐÓN TIẾP NÔNG HẬU VÀ CƠ HỘI CHIA SẺ PHẬT PHÁP

TỶ KHEO NI THUBTEN CHODRON

TN. Giới Châu dịch

L.T.S.: Tỳ Kheo Ni Thubten Chodron trở thành vị nữ tu sĩ Phật Giáo kể từ năm 1977, là đệ tử của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Ni trưởng là tác giả của nhiều cuốn sách bán chạy nhất, gồm "Buddhism for Beginners" [Phật Giáo Cho Người Sơ Cơ]. Nhận lời mời của Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 6, Ni trưởng đảm nhận giảng dạy các lớp Phật Pháp cho giới trẻ và một buổi thuyết giảng mở rộng cho toàn thể Tăng Ni và Phật tử học viên khóa tu. Sau đây là bài tóm lược ý chính do chính Ni trưởng viết lại và Ni sư Giới Châu chuyển dịch.

A WARM WELCOME AND AN OPPORTUNITY TO SHARE TO BUDDHADHARMA

By *Bhiksuni Thubten Chodron*

From July 21 to 24, a retreat was held by the Vietnamese community at the Hilton Hotel in Orange County, California. About 500 people attended—monks, nuns, and lay followers—and they were taught by several well-respected and learned Vietnamese masters. I was invited to teach the English Dharma class and to give a talk to a plenary session on the last day. As an American-born nun who is a disciple of H.H. the Dalai Lama and a practitioner of Tibetan Buddhism, I was delighted to accept their kind invitation that gave me the opportunity to share what is most important to me in life, the Buddha's teachings.

The participants in my class were mostly Vietnamese young adults as well as some American and Vietnamese adults. I was delighted when the organizers welcomed my sister and nephew to attend the talks too. My talks focused on the Buddhist worldview—the mind as the source of our happiness and pain, karma and its effects, and how rebirth occurs—as well as on how to subdue disturbing emotions such as anger. Everyone listened attentively, and the young people especially asked thoughtful questions. In the last session, we got into a stimulating discussion on applied

ethics, discussing the Buddhist view on euthanasia of pets, business ethics, and other topics relevant to life in a modern society. We also discussed how to improve communication in families, and the importance of children appreciating their parents and parents and children listening to each other's concerns.

I've always been grateful to Asian immigrants and their American-born children who brought Buddhism to this country. People in the USA need to hear the Buddha's teachings, and you are giving them that opportunity. On the walls of the main hallway of our area in the Hilton Hotel were many pictures of Vietnamese temples located all over the USA. Although this display encompassed only a small portion of the Vietnamese temples, I was impressed by how many there were in very diverse locations of the country. The faith the Vietnamese community has in the Three Jewels is evident, as is their dedication to making the Dharma available to many people. I hope you will continue this noble work. I encourage young people to join the sangha so that you can practice these teachings that will help you in your life, and I encourage more sangha members to learn English so that you can spread the teachings to your own young people and beyond your own community to others in America. I have great respect and gratitude for your virtuous activities.



SỰ ĐÓN TIẾP NÔNG HẬU VÀ CƠ HỘI CHIA SẺ PHẬT PHÁP

Từ ngày 21 đến 24 tháng 7, khoá tu do Cộng Đồng (Phật Giáo) Việt Nam tổ chức tại khách sạn Hilton, ở Quận Cam, California. Khoảng 500 người tham dự — Chư tăng ni và nam nữ Phật tử được dự những lớp học do Quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, và Ni Sư uyên thâm Phật Pháp giảng dạy. Tôi được mời dạy lớp Phật Pháp tiếng Anh và thuyết giảng trước số đông Phật tử trong ngày cuối khóa. Là nữ tu sĩ người Mỹ, đệ tử của His Holiness the Dalai Lama, tu tập theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng, tôi rất hoan hỷ nhận lời mời của ban tổ chức, mà đã cho tôi cơ hội để chia sẻ những lời Đức Phật dạy quan trọng nhất đối với tôi trong đời sống.

Những học viên trong lớp tôi phần lớn là thanh thiếu niên Việt Nam, cũng có vài người Mỹ, và vài người Việt lớn tuổi. Tôi rất vui mừng khi ban tổ chức đón mời em gái tôi và cháu trai tôi đến tham dự những buổi tôi giảng. (Trong lớp học) Tôi chú trọng vào thể giới quan Phật Giáo — Tâm là nguồn hạnh phúc và đau khổ của chúng ta, nghiệp và hậu quả của nghiệp, và sự tái sanh sanh khởi như thế nào — tôi còn đề cập làm thế nào để dịu bớt những tình cảm rối loạn của tâm như sân giận. Học sinh chăm chú lắng nghe, đặc biệt những em trẻ tuổi hỏi nhiều câu hỏi đầy ý nghĩa. Buổi học cuối, chúng tôi rất phấn khởi thảo luận về đạo lý thực dụng, quan điểm của Phật tử về việc chích thuốc cho người bệnh sắp chết được chết tử từ trong cơn ngủ mê không bị đau đớn hoành hành, đạo lý về nghề nghiệp, buôn bán, kinh doanh, và những đề tài liên quan tới đời sống trong xã hội hiện nay. Chúng tôi cũng thảo luận làm thế nào để cải thiện sự trao đổi bằng lời nói hoặc suy nghĩ trong gia đình. Điều quan trọng của trẻ em là chúng biết cảm ơn cha mẹ, và cha mẹ và con em trong gia đình cố gắng lắng nghe những ưu tư lo lắng của mỗi người.

Tôi luôn luôn cảm ơn những người di dân Châu Á và con em của họ sinh ra và lớn lên tại Mỹ đã mang Phật Giáo đến đất nước này. Người Mỹ cần phải nghe lời Đức Phật dạy, và



quý vị đã cho họ cơ hội đó. Trên những bức tường ở hành lang chính trong khu vực chúng ta sinh hoạt ở khách sạn Hilton, có nhiều bức tranh của nhiều chùa Việt Nam tọa lạc khắp nơi trên Hoa Kỳ. Mặc dầu buổi triển lãm bao gồm một phần nhỏ của nhiều chùa Việt Nam, tôi rất cảm kích bởi có quá nhiều chùa ở nhiều nơi khác nhau trên Hoa Kỳ. Tín tâm của Phật tử Việt nam đối với Tam Bảo thật rõ ràng, đó là sự cống hiến của họ đã và đang mang Phật Pháp đến với nhiều người. Tôi hy vọng rằng chư Tăng Ni và Phật tử tiếp tục làm công việc quý báu này. Tôi khuyến khích những người trẻ tuổi nên gia nhập Tăng Đoàn (xuất gia) để các bạn có thể thực hành những lời dạy quý báu mà chúng sẽ giúp các bạn trong đời sống. Và tôi cũng đã khích lệ những tu sĩ nên học Anh văn, sau đó quý thầy cô có thể giảng dạy Phật Pháp cho những con em của quý vị, và cho những người Mỹ khác ngoài cộng đồng Việt Nam. Tôi vô cùng kính trọng và cảm ơn những sinh hoạt đạo hạnh của quý vị.





**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU**

BAN TỔ CHỨC

Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp Liên Châu 2016, Phật Lịch 2560

TU VIỆN PHỐ ĐÀ SƠN

11 Chemin Katimavik, Val Des Monts, Quebec. J8N 5E1 CANADA

Tel: (819) 665-0259, (514) 575-9425, (905) 712-8809

THÔNG BẠCH

VỀ VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI GIÁO DỤC VÀ HOẰNG PHÁP NĂM 2016

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Trong Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 9 được tổ chức từ ngày 13 tới 16 tháng 8 năm 2015 tại Chùa Khánh Anh, Pháp Quốc, được sự khuyến thỉnh của chư Tôn Đức Lãnh Đạo các GHPGVNTNHN Tại Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan, GHPGVNTNHNK, GHPGVNTN Âu Châu, và GHPGVNTNHN Tại Canada, chúng con/chúng tôi gồm các Đại Diện của các Tổng Vụ Giáo Dục và Hoằng Pháp của 4 GHPGVNTN thuộc Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu đã thảo luận và quyết định tổ chức Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp nhân dịp Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 10 tại Tu Viện Phố Đà Sơn, Ottawa, Canada vào Thứ Sáu, ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Đại Hội Giáo Dục Và Hoằng Pháp nhằm mục đích gặp gỡ và trao đổi kinh nghiệm hành đạo, thuyết trình và thảo luận về những vấn đề liên quan đến Giáo Dục Hoằng Pháp, và đề ra các Phật sự cụ thể và khả thi để góp phần vào công tác hoằng dương Chánh Pháp của Đức Phật nơi xứ người. Đại Hội sẽ bắt đầu từ sáng đến chiều Thứ Sáu, ngày 7 tháng 10 năm 2016, tức là một ngày trước Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn 10. Đại Hội sẽ có 2 khoảng đại chính: khoảng đại buổi sáng thuyết trình và thảo luận về Giáo Dục, khoảng đại buổi chiều thuyết trình và thảo luận về Hoằng Pháp.

Ngoài các bài thuyết trình được các diễn giả trình bày ngay trong Đại Hội, Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi kính xin chư tôn Thiện Đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức Phật tử tại hải ngoại có quan tâm, thao thức đến vấn đề Giáo Dục và Hoằng Pháp thì xin hoan hỷ viết tham luận và gửi về cho Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi ở địa chỉ: Niệm Phật Đường Fremont, 4273 Solar Way, Fremont, CA 94538, hoặc địa chỉ email: thaisieu@yahoo.com. Tất cả những bài thuyết trình, tham luận và tin tức hình ảnh của Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp sẽ được in trong Kỳ Yếu Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp sau Đại Hội này. Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi rất mong đón nhận và chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm quý báu của quý vị về giáo dục và hoằng pháp.

Nửa thế kỷ có mặt tại hải ngoại, Tăng, Ni và Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam đã nỗ lực thực thi sứ mệnh Giáo Dục Hoằng Pháp một cách uyển chuyển và thành công. Nhưng con đường hoằng dương Chánh Pháp tại hải ngoại còn dài vì vậy, cơ hội gặp gỡ, trao đổi, thảo luận và đề ra những công tác cụ thể về Giáo Dục Hoằng Pháp là quý báu và cần thiết.

Chính vì vậy, Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi thành kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni và kính mời quý Cư Sĩ hoan hỷ về tham dự Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp trong dịp Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 10 tại Tu Viện Phố Đà Sơn, Ottawa, Canada.

Kính chúc chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự viên thành; đồng kính chúc quý Thiện Nam Tín Nữ Phật tử bỏ đề tâm kiên cố, thân tâm thường an lạc.

Nay kính thông bạch và cung thỉnh,

Phật Lịch 2560, Hoa Kỳ, ngày 7 tháng 5 năm 2016

Chánh Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu
Kiêm Trưởng Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn lần 10
HT. Thích Bồn Đạt

Đại diện các Tổng Vụ Giáo Dục và Hoằng Pháp
GHPGVNTN Các Châu và Quốc Gia
HT. Thích Thái Siêu

LỄ CÚNG THÍ THỰC THEO TINH THẦN KINH NIKAYA

Thích Đức Trí

Ở bài này, chỉ dựa trên cơ sở Kinh Nikaya để xác minh ý nghĩa lễ cúng thí thực vốn có nguồn gốc trong hai truyền thống Phật Giáo. Nếu không hiểu rõ ý nghĩa tích cực và phương pháp lễ cúng này và nếu áp dụng lễ cúng thí thực theo kiểu Tế Đàn cực đoan của Bà La Môn giáo và ngoại đạo thì chắc chắn không có phước báo tốt đẹp. Một lễ cúng đầy đủ ý nghĩa cần có thực phẩm hiến cúng và dùng pháp ngữ khai thị hương linh, ngạ quỷ nhận thức đạo lý để xả ly chấp thủ, luyến ái và sớm được giải thoát tự tại. Vấn đề ở đây cần nhận thức rõ ràng tinh thần người hiến cúng và đối tượng được hiến cúng trong pháp thí thực một cách có trí tuệ, mới có sự lợi lạc.

1. Người Hiến Cúng

Người hiến cúng bằng pháp bất thiện

Người hiến cúng thí thực bằng pháp bất thiện sẽ mắc nghiệp xấu, vì giết hại sanh linh lấy thịt cúng tế sẽ tạo ba thứ ác nghiệp tử thân, miệng và ý, chắc chắn sẽ đưa đến kết quả không như ý muốn. Điều này được ghi lại trong Kinh Tăng Chi qua Phẩm Tế Đàn, khi Đức Phật đã trả lời cho Bà La Môn này có ý định đốt lửa, dựng trụ tế đàn, giết hàng trăm con bò, con cừu, con heo làm thực phẩm hiến cúng để cầu mong được quả phước lớn. Đức Phật đã thẳng thắn phê phán, cho đó là hành động bất thiện chỉ đưa đến quả khổ trong đời này và đời sau, Ngài dạy như sau: *"Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ba cây kiếm này, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực."* (1) (Dựng lên ba cây kiếm là dụ cho ba nghiệp xấu ác của thân, miệng và ý, vì đã giết hại sanh linh để làm thực phẩm cúng tế một cách mù quáng). Qua đó chúng ta hiểu rằng, trong dân gian Việt Nam, nếu cá nhân gia đình, hay truyền thống làng và họ, với bất kỳ nghi lễ

cúng tế nào mà sát sanh, hại vật đều đưa đến quả khổ chung cả người cúng tế lẫn đối tượng được cúng.

Cúng thí thực bằng pháp thiện

Người hiến cúng bằng pháp thiện sẽ đưa đến phước lành, họ không sát hại sanh linh để lấy thịt hiến cúng, dùng phẩm vật thanh tịnh cúng tế. Pháp hiến cúng này thể hiện được phẩm hạnh tử bi giúp các sanh linh thoát khỏi cảnh giới đói khổ. Trong kinh Tăng Chi Đức Phật giải thích rõ cho các người Bà La Môn như sau: *"Này Bà-la môn, tại những tế đàn nào, trong ấy không có bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gà heo bị giết, không có các loài sinh vật khác bị giết hại. Này Bà-la môn, Ta tán thán loại tế đàn không có sát sinh như vậy, tức là làm bố thí, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình. Những loại tế đàn không có sát sinh như vậy, này Bà-la môn, các A-la-hán và những ai đi trên con đường hướng đến A-la-hán, có đi đến."* (2) Qua đoạn Kinh trên, nội dung khẳng định rõ ràng, cúng tế không sát hại sanh linh là có quả báo tốt đẹp, đáng được tán thán.



2. Đối tượng được cúng

Sanh được làm người là khó (Ý nghĩa này mang tính chất pháp thí, trong pháp ngữ của nghi cúng mà hương linh- ngạ quỷ cần nhận biết)

Thuật ngữ Hương Linh, Vong Linh chỉ cho người thế tục qua đời. Thuật ngữ Giác Linh là chỉ cho người có giới đức và phẩm hạnh qua đời. Ở đây, các bậc thánh giả, thoát ly luân hồi chúng ta không bàn tới trong chuyện cúng thí. Theo tuệ giác của Phật thì, những hạng người không tu tập thiện pháp, người sát sanh, trộm cắp, tà hạnh và ác khẩu, khi chết không được sanh thiên giới, không được tái sanh làm người, phần đông sanh vào cảnh giới thấp như địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Đức Phật dạy: *"Này*

các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ (3). Những chúng sanh trong loài quỷ này, đa số chịu nhiều sự đói khát và có hình thù quái lạ, phần nhiều cầu mong sự cúng thí thực phẩm của người đời. Phẩm vật hiến cúng và đời tương thọ nhận phải có sự tương ứng. Trong văn hóa cúng bái nhân gian Việt Nam, mỗi khi cúng, người ta thiết hai bàn, bàn thượng và bàn hạ. Bàn thượng cúng hương hoa, bông trái và nước trong thanh khiết dành cúng cho chư thiên và các chúng sanh ở cảnh giới cao, gọi là bàn Thiên. Bàn hạ là cúng thức ăn thông thường như người đang sống thường dùng, như cơm, cháo, bánh trái để cúng cho các hương linh, gọi là bàn hương linh. Trong nghi thức chẩn tế và siêu độ thì đàn tràng được thiết lập theo triết lý Mật Tông. Người cúng thỉnh sư đọc tụng chân ngôn, cầu sự gia trì của Phật và Bồ tát, giúp cho chúng hương linh (ngạ quỷ) được thọ dụng no đủ và thoát khổ.

Sự hiến cúng thực phẩm, vì sao cần khai thị hương linh trong lễ cúng

Theo kinh Phật dạy, các hương linh đó nếu thọ dụng được thức ăn hiến cúng đó, tương đương chúng sanh trong cảnh giới ngạ quỷ. Cho nên hương linh là ngôn ngữ nhân gian, có thể thọ nhận được sự hiến cúng phẩm vật. Kinh chép rằng: *"Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi ngạ quỷ. Món ăn của chúng sanh ngạ quỷ như thế nào, tại đây, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Món ăn nào các bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc bà con, hoặc người cùng huyết thống từ đây muốn hướng cúng cho vị ấy, tại đây vị ấy sống với món ăn ấy; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Nay Bà-la-môn, đây là tương ứng xú, trú ở đây, vị ấy được lợi ích của bố thí ấy* (4). Thực chất cảnh giới chúng sanh trong loài quỷ có nhiều loại, tùy theo phước báo và nghiệp lực sai biệt, nên sanh vào trong loài quỷ cũng có nhiều loại. Thức ăn chúng ta hiến cúng, tương ứng với nghiệp lực loài đó, thì có sự thọ nhận. Kinh điển Phật Giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa thường nhắc đến loài quỷ có phước và oai lực, loài quỷ thiếu phước khổ đau và đói khát. Có loài quỷ thường xuất hiện trong không gian, chỉ có người có tuệ nhãn mới thấy. Điều này được ghi nhận trong Kinh Nikaya ghi rất rõ ràng, khi tôn giả Mục Kiền Liên (Maha Moggallana) trông thấy có nhiều loài quỷ quái dị mà người bình thường không thể thấy, và Đức Phật xác nhận điều ấy qua đoạn Kinh sau: *"Xưa kia, này các Tỳ-kheo, Ta đã thấy chúng sanh ấy nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài."* (5)

Có những người qua đời tái sanh trong loài quỷ vẫn còn lưu luyến người thân. Một chi tiết trong Kinh Tăng Chi thuật về cuộc đối thoại

của nữ cư sĩ Velukantakì và tôn giả Sàriputta chứng minh điều đó. Kinh chép như sau: *"Ở đây, thưa Tôn giả, người chồng của con, khi mạng chung, sanh vào loại Dạ-xoa, và vị ấy hiện lên trước mặt con, với một tự ngã như lúc trước. Nhưng thưa Tôn giả, con rõ biết, không vì nhân duyên ấy, tâm của con có đổi khác.* (6) Như vậy, dù qua kiếp khác, nhưng ấn tượng về những gì trong đời trước vẫn còn, nên các loài quỷ còn bám víu người thân và hoàn cảnh sống quá khứ. Cho nên, ngoài phẩm vật cúng thí, còn dùng giáo nghĩa Phật dạy, khai thị cho hương linh, ngạ quỷ nhận thức để xả ly sự chấp thủ các yếu tố tham ái để được giải thoát là điều cần thiết.

3. Kết luận

Phật giáo không phải thiết lập mục đích sự chứng ngộ thông qua nghi lễ cúng tế. Nhưng thực hiện nghi thức cúng thí thực cho người đã khuất bằng phẩm vật thanh tịnh, không giết hại sanh linh làm phẩm vật cúng tế là được Đức Phật tán thán. Pháp thí thực như vậy không phải xuất phát từ tín ngưỡng ngoại đạo mà có. Vì thông qua pháp ngữ trong lễ cúng, chư hương linh-ngạ quỷ nhận chân được chân lý Phật dạy.

Chúng ta nên xem những chúng sanh bị đọa lạc trong cảnh giới khổ đau, có thể họ đã từng là cha mẹ, tổ tiên, thân bằng quyến thuộc của chúng ta nhiều đời kiếp, họ đáng được báo ân và thọ nhận sự bố thí cúng dường. Đó là việc làm thiết thực và có quả phước lành đáng được tôn trọng.

Trong cuộc sống hiện đại, con người chạy theo những giá trị vật chất, dễ dàng quên đi cái ân nghĩa đối người thân thuộc đã qua đời. Thực hiện bố thí trong đó có Pháp Thí luôn nuôi dưỡng và khơi dậy tinh thần cứu khổ và ban vui của đạo Phật đối với chúng sanh ngay trong đời này và các đời sau.

Ghi chú:

- 1) Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, Chương VII - Bảy Pháp, Phẩm Tế Đàn ĐTKVN, Tăng Chi Bộ, chương 4, phẩm Bánh xe, phần Ujjaya, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr. 629
- 2) Kinh Tương ưng bộ, tập 2, HT.Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.830.
- 3) Kinh Tăng chi bộ, tập 2, HT.Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.720.
- 4) Kinh Tương ưng bộ, tập 1, HT.Thích Minh Châu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2015, tr.599-606
- 5) Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, Phẩm Tế Đàn, Phần: Mệ Của Nanda

THIÊN SƯ VÀ MẸ

Ngài giờ là một thiên sư,
Cha ngài từ thuở già từ trần gian
Ngài còn đang ở đạo tràng
Học thiên, tắm gội ánh vàng Thế Tôn,
Mẹ già lâm cảnh cô đơn
Cho nên ngài phải kẻ luôn bên bà
Luôn trông kỹ, chẳng rời xa
Lúc vào tịnh thất, khi ra thiên đường,
Mẹ con quán quyết thân thương;
Riêng nơi tu viện chừ tăng quây quần
Mẹ ngài không thể ở gần
Nên ngài cất một thảo am cho bà
Ngay trong vùng cũng không xa
Tới lui chăm sóc, vào ra đỡ đần.
Kiếm tiền sinh sống độ thân
Ngài nào quán ngại nhận phần chép thuê
Chép kinh kệ, luyện tay nghề
Lo sao cho mẹ mọi bề được yên.
Ngài thường đi chợ làng bên
Mua cho mẹ cá, đậu phỉn hà chi,
Người ta mai mỉa cười chê:
"Ông thầy phá giới, còn gì tu thân!"
Ngài nghe nhưng chẳng quan tâm
Tuy nhiên mẹ lại vô ngân buồn đau
Thấy con mang tiếng biết bao
Vì mình ăn mặn, ai nào cảm thông.
Sau cùng mẹ quyết một lòng
Theo con nương chốn "cửa Không" an lành
Ăn chay, xuống tóc, tu hành
Con tu mẹ cũng trở thành ni cô.

Thiên sư thích nhạc vô bờ
Ngón đàn thầy đã dạy cho nhiều người,
Mẹ ngài đàn cũng biết chơi
Nhiều đêm thanh vắng ngoài trời sáng trăng
Mẹ con hứng chí hòa đàn
Tiếng đàn trầm bổng âm vang nhịp nhàng.
Một đêm có khách đi ngang
Dừng chân nghe tiếng nhạc vàng vắng xa
Lòng cô xúc động chan hoà
Cô mời ngài đến thăm nhà đêm sau
Mong nghe đàn giữa canh thâu,
Nhận lời chơi nhạc ngài đâu ngại ngần.
Ít ngày ngài gặp giữa đường
Cảm ơn cô gái chẳng vương ý gì,
Người ta chê nhạo cười chê:
"Sư quen gái đứng đường! Kỳ lạ thay!"



Thiên sư rời mẹ một ngày
Đi xa diễn thuyết, đó đây thỉnh mời
Vài tháng sau về tới nơi
Mới hay tin mẹ qua đời vừa đây,
Báo tin ngài rõ khó thay
Xa xôi cách trở ai hay chốn nào
Người quen chẳng biết tình sao,
Đúng ngày tang lễ ngài vào kịp bên
Thiên sư bước đến lặng yên,
Rồi dùng thiên trượng gõ lên quan tài
Người ta nghe tiếng của ngài:
"Mẹ ơi! Con mẹ về nơi đây rồi!"
Thay cho mẹ ngài trả lời:
"Con về mẹ cảm thấy vui vô cùng!"
Tự ngài lại cất tiếng mừng:
"Mẹ ơi! Con cũng vui không kém gì!"
Quay qua người đứng quanh kia
Thiên sư nói: "Chẳng còn chi phải chờ
Lễ tang tốt đẹp vô bờ
Thi hài chôn cất, thế là xong xuôi!"

Thiên sư sống đến già đời
Tháng năm chồng chết tuổi trời thật mau
Biết mình chẳng sống thêm lâu
Ngài kêu đệ tử họp vào sáng nay
Nói rằng đến buổi trưa này
Là ngài viên tịch! Từ đây vắng ngài!
Ngài dâng hương, khói chơi vui!
Trước đi ảnh mẹ và người thầy xưa
Ngài bèn viết một bài thơ
Tâm tư dàn trải trên tờ giấy hoa:
"Trong năm mươi sáu năm qua
Sống cho tốt đẹp đời ta góp phần
Lang thang khắp nẻo dương trần
Tiếng mưa giờ chẳng còn ngân rì rào
Mây đang trôi khuất tầng cao
Trăng tròn xuất hiện trên bầu trời xanh"

Các môn đệ đứng vây quanh
Tiễn thầy bằng tiếng tụng kinh nguyện cầu.

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa phỏng theo Shoun And His Mother
trong tập truyện văn xuôi 101 ZEN STORIES
của Nyogen Senzaki và Paul Reps)

TỪ BI TRONG HÀNH ĐỘNG

(COMPASSION IN ACTION)

TN. Hạnh Từ

Nói đến đạo Phật là nói đến từ bi, lòng từ bi, tâm thương yêu, tâm thương xót, lòng nhân từ, lòng khoan dung độ lượng, v.v... Tinh thần từ bi của đạo Phật thật rộng khắp vô biên và không phân biệt kẻ sang người hèn, kẻ thân người sơ, cấp bậc, giai cấp, màu da, sắc tộc, tôn giáo, v.v... Tinh thần từ bi đó ban rải đến khắp muôn loài chúng sanh, từ các loài động vật, muôn thú cho đến cỏ cây hoa lá, núi rừng, thiên nhiên hoang dã, v.v...

Như thế, nói đến đạo Phật chính là nói đến đạo từ bi, hay từ bi là căn bản của đạo Phật. Nhưng từ bi đó luôn luôn được đặt trong hành động cụ thể chứ không phải chỉ là lời nói suông. Ngay từ ban đầu, Đức Phật cho thấy là lời nói của Ngài thường đi đôi với việc làm (tri hành hợp nhất). Ngài tuyên bố rằng: *"Ta làm những gì Ta giảng nói và giảng nói những gì Ta làm."* (1) Ngài cũng khuyên bảo các đệ tử của mình hãy làm y như Ngài. Trong kinh Saccaka, hay kinh Kalama thuộc Trung Bộ, điều Đức Phật luôn quan tâm đó là sự nhất quán giữa lời nói và hành động. Ngài chỉ trích những đạo sư, nhà ngoại đạo, nhà tranh luận nói và làm không hợp nhất, trước sau không giống nhau, ngụy biện, quanh co với mục đích tự khen mình chê người để thu hút quần chúng(2). Do đó, nếu ai đó khẳng định một tuyên bố là sự thật nhưng hành động như thể nó là sai hay chỉ đúng một phần thì hành động đó được xem là mâu thuẫn với tuyên bố đã đặt ra.

Tuy nhiên, trong đạo Phật, từ bi luôn đi cùng với trí tuệ, trí tuệ soi sáng bản chất của sự vật hiện tượng. Đức Phật cho biết trong Kinh Vương Tử Vô Uy rằng: *"Như Lai tuyên bố đúng lúc những lời mà Như Lai biết là chân thật, hiện hữu, lợi ích, dù người nghe có ưa thích hay không ưa thích, dễ chịu hay khó chịu."*(3)

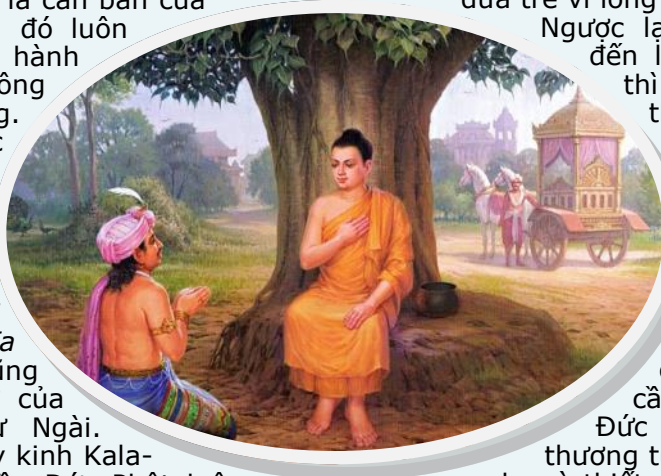
Lập trường của Đức Phật là nói và làm

những gì đưa đến lợi ích cho mọi người, dù điều đó không được ưa thích, khó nghe, nhưng nếu nó có ích thì Ngài vẫn nói. Tính thực nghiệm trong giáo pháp của Phật luôn là chủ đề xuyên suốt và bao quát. Nó không chỉ liên quan đến những vấn đề chân thật, lợi ích, đồng thuận, dễ chịu đối với mọi người, mà đôi khi cần phải tuyên bố những vấn đề gai góc, khó chịu nhưng sẽ là tốt đẹp cho mọi người miễn là có thể gỡ trừ những khối đau lâu dài như thể lấy ra một cái xương bị mắc kẹt trong cổ họng của một đứa trẻ vì lòng thương và an ổn cho nó.

Ngược lại, những gì không đưa đến lợi ích hay sự giải thoát thì Đức Phật không bao giờ thảo luận. Ví dụ cho thấy, các vấn đề về siêu hình (kinh Kalama) Đức Phật hầu như không đề cập. Rồi Ngài lấy ví dụ "một người bị trúng mũi tên độc" (kinh Malunkya-putta) để nói lên tính cấp bách của khổ đau và cần mau chóng diệt trừ nó.

Đức Phật ra đời cũng vì lòng thương tưởng đối với tất cả chúng sanh mà thiết yếu nhất là loài người. Vì sao Ngài thương tưởng chúng sanh như thế? Bởi vì Ngài biết rằng, nhưn sanh thống khổ. Chúng sanh do vô minh lăm lặc, chịu đau khổ trong chốn địa ngục, nạ quý, súc sinh, trôi lặn trong lục đạo, chịu cảnh luân hồi khổ sở, không nhận ra được chân lý sự thật, phải chịu cảnh đời sanh lão bệnh tử. Do đó, trách nhiệm của bậc giác ngộ là "độ nhất thiết khổ ách," nghĩa là khiến cho mọi người luôn được hạnh phúc an lạc.

Như vậy, từ bi là động lực chính khiến Đức Phật từ bỏ hoàng cung, xuất gia tìm đạo, giáo hóa chúng sanh. Kinh *Phạm Võng Bồ Tát Giới* dạy rằng từ bi là hạnh của Bồ tát; còn đối với Bồ tát tại gia là giới. Còn theo kinh *Hoa Nghiêm*, từ bi chính là bản chất của Bồ đề tâm, vì thế tất cả Bồ tát đều coi Bồ đề tâm là lý do tồn tại của Bồ tát. Người phát Bồ đề tâm là để thành tựu Phật quả và giáo hóa chúng sanh.



Đây chính là đường đi của Bồ tát.

Từ bi trong đạo Phật luôn đi liền với tinh thần bất hại, bất bạo động (ahimsa): không làm tổn hại, không làm thương tổn chúng sanh hay loài vật nào. Do đó mà Đức Phật chế ra Năm giới cho người Phật tử thọ trì, tu tập cũng là tinh thần từ bi bất hại. Giới thứ nhất dạy rằng, không chỉ không giết hại chúng sanh mà còn không gây đau khổ cho chúng như là đánh đập, ngược đãi chúng sanh, mà phải có thái độ thương yêu chúng sanh. Giới thứ hai cho chúng ta biết ngoài việc không lấy cắp đồ vật của cái của người khác, mà còn không xúi dục hay vui theo khi thấy người khác có hành vi trộm cắp. Giới thứ ba quy định về việc không tà dâm chính là sự tôn trọng không xâm phạm trinh tiết của người khác cũng như vì sự an ổn cho gia đình họ. Giới thứ tư là ngoài việc tuân giữ không nói dối, lường gạt gây đau khổ và tổn hại cho người khác mà còn phải giữ gìn những điều đi kèm như nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác sẽ làm đau khổ rất lớn cho người khác. Ngoài ra, giới thứ năm tuy không trực tiếp gây tổn hại đến người khác nhưng sẽ gây ra sự thiếu sáng suốt, mất kiểm soát do hành vi say sưa không làm chủ được mình mà gây ra biết bao hậu quả nặng nề, có khi lại phạm hết thảy cấm giới như thường thấy trong kinh điển để cập.

Tinh thần bất bạo động là không làm tổn hại ai, dù họ có thù nghịch, có ý đồ xấu ác với ta. Câu chuyện tôn giả Punna (Phú-lâu-na) đi giáo hóa phương xa đã nói lên điều đó khi tôn giả trả lời những chất vấn của Phật:

- Nay Punna, Sunaparanta là xứ hung bạo. Nếu họ mắng nhiếc, nhục mạ thì ông phải làm sao?

- Dạ, bạch Thế tôn, con nghĩ là họ thật hiền thiện vì họ không dùng tay đánh đập con.

- Nếu họ đánh đập ông, thời ông nghĩ sao?

- Con nghĩ, họ còn hiền thiện vì không dùng đất đá ném con.

- Nếu họ lấy đất đá ném ông thì sao?

- Con nghĩ, họ thật hiền thiện vì không lấy gậy đánh đập con.

- Nếu họ lấy gậy đánh đập ông thì sao?

- Con nghĩ, họ thật hiền thiện vì không lấy dao gươm đánh đập con.

- Nếu họ dùng dao gươm giết hại con thì con nghĩ sao?

- Con nghĩ là họ thật hiền thiện, vì như vậy sẽ sớm kết thúc tam thân giả tạm, ưu phiền, nhàm chán và ô uế này.

Từ bi bất hại đó lan rộng không chỉ con người và các loài động vật, mà còn cả với cỏ cây hoa lá (thực vật, thiên nhiên) trên hành tinh này: không vô cớ chặt phá cây cối, đào bới đất đai, phá rừng, đốt rẫy... làm ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài chúng sanh, hủy hoại sinh thái và làm ô nhiễm môi trường sống của tất cả chúng sanh mong muốn được sống trong môi trường an toàn, tốt đẹp.

Tuy nhiên, vì loài người đã khai thác đến mức tột cùng của nó cho sự phát triển, khiến cho không một thứ gì có thể bảo tồn một cách bền vững và an toàn cho tất cả chúng sanh. Hơn nữa, những tranh chấp, xung đột xuất phát từ những đòi hỏi quá mức từ lòng tham của con người đã dẫn đến rất nhiều tranh chấp, xung đột, chiến tranh... càng làm hủy hoại và phạm tày nguyên sống đã trở nên ít ỏi trong thế giới ngày nay.

Với tinh thần ban vui cứu khổ của đạo Phật, các phong trào hòa bình, các tổ chức từ thiện, cứu tế, giúp đỡ nạn nhân chiến tranh và giúp giải quyết các hậu quả nặng nề của nó v.v... đã phát khởi một cách mạnh mẽ từ nhu cầu thực tế khổ đau của con người gắn liền với tinh thần từ bi của đạo Phật.

Tóm lại, từ bi trong hành động luôn là vấn đề cốt lõi của đạo Phật. Mọi hành vi cử chỉ luôn xuất phát từ tâm từ bi. Từ đó, mọi việc làm đều nhằm đem lại lợi ích cho mọi người, sống vị tha, đồng cam cộng khổ, cảm được cái khổ của mọi người, lấy tâm từ bi làm trọng yếu. Từ bi như thế là tinh thần lợi tha của Bồ tát, là con đường hành Bồ tát đạo, hướng đến Phật quả và giáo hóa chúng sanh. Từ bi trong hành động luôn là ý thức của một bậc minh sư soi sáng chính mình. Mọi lời nói, cử chỉ, việc làm đều nhằm giúp cho những người đệ tử của mình luôn phát khởi thiện tâm, niềm hân hoan và phát khởi trí tuệ nhằm tháo gỡ những vướng mắc và khúc mắc cho họ. Tinh thần từ bi đó là tinh thần từ bi không tham cầu, luôn bình đẳng từ căn bản là không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh của một vị từ bi khéo đệ tử của Phật.

Ghi chú:

- 1) Itivuttaka.122: yathāvādī tathākārī, yathākārī tathāvādī.
- 2) Kinh Saccaka; Kinh Kalama.
- 3) Kinh *Abhayarājakumāra*. M.i.395.



THÂN VÔ THƯỜNG, BẤT TỊNH

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Huỳnh trưởng,

Giáo lý căn bản mà chúng ta được học là Vô thường, Vô Ngã, Khổ. Từ khi đức Phật thành đạo cho đến nay giáo lý của ngài vẫn như thế; nhưng tại sao ngày xưa đệ tử Phật nhiều người chứng ngộ còn thời nay không có ai đạt đến quả vị A la hán? Đó là câu hỏi nhiều người đã đặt ra và đã có câu trả lời: ngày xưa khi dạy điều này, đức Phật không chỉ lý luận suông mà còn chỉ cho thấy tướng tận, ví dụ chư vị đệ tử Phật quán bất tịnh bằng cách ra tận nghĩa địa, quán sát xác chết với mùi hôi thúi, xác bị rửa nát, v.v... chứ không phải chỉ học trên sách vở như chúng ta bây giờ.

Kính Pháp Cú kể câu chuyện sau đây: Thuở ấy, ở thành Vương xá có một người kỹ nữ tên là Siri sắc đẹp tuyệt trần, nàng lại hay làm thức ăn dâng cúng cho các vị tỳ kheo đệ tử Phật đi khất thực nữa. Một vị tỳ kheo trẻ tuổi nghe tiếng nàng mới tháp tùng những người hâm mộ nàng, ghé nhà nàng chơi, hôm ấy nàng bệnh nhưng vẫn gắng gượng ra tiếp khách và đem thực phẩm ra cúng dường. Vị tỳ kheo trẻ nhìn ngắm nàng, thấy rằng dù bệnh nhưng vẻ đẹp thật sắc sảo, bèn khởi tâm yêu mến nàng.

Vài hôm sau Siri trở bệnh nặng rồi chết. Đức Phật yêu cầu mang thi thể nàng Siri ra nghĩa địa nhưng khoan mai táng đã, và để trong vòng 3 ngày canh chừng đừng để

thú rừng hay điều hâu đến ăn thit. Đến ngày thứ 4, đức Phật cùng chư Tăng, Vua và các quan cùng dân chúng đi ra nghĩa địa. Vị tỳ kheo trẻ cũng có trong đoàn nhưng chưa biết tin nàng Siri đã chết. Đến nghĩa địa, đức Phật đến gần thi thể nàng Siri và mọi người đứng chung quanh. Đức Phật bảo một người lính xuống lên rằng: ai muốn được ở với nàng Siri một đêm thì chỉ cần trả 100\$, rồi 10\$ rồi 1\$ thôi...; mọi người nhìn thi thể tái nhợt nằm sóng sượt ra đó, chẳng ai buồn đáp, kể cả vị tỳ kheo trẻ tuổi cũng im lặng. Bấy giờ đức Phật mới nói: Nay chư Tăng, hãy nhìn nàng Siri, trước kia khi còn sống, ai muốn gần nàng một đêm phải trả cả ngàn đồng tiền vàng; nay nàng nằm đó, chẳng ai muốn cả, dù chẳng phải tốn kém gì. Thân thể con

người, ai cũng vậy, suy yếu, già lão rồi tàn tạ như vậy thôi!

Rồi đức Phật nói lên bài kệ sau đây :

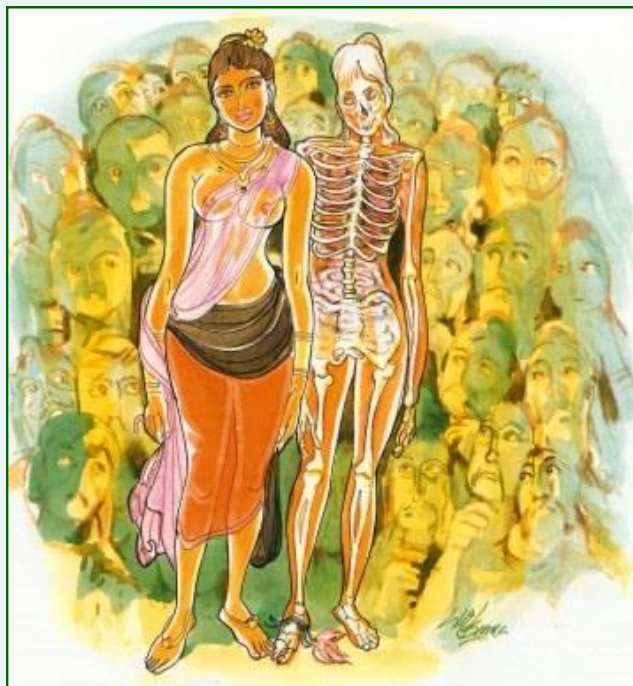
**Hãy nhìn thân, bề ngoài
xinh xắn
Còn bên trong, một đồng
vết thương
Gây khổ đau, sao còn
wướng bận
Thân này đâu bền vững,
hằng thường?**
(Pháp Cú, 147)

Phạm Thiên Thư dịch:
**Quán tướng tâm thân
này
Khung thịt xương tật
bệnh
Lắm tướng kho vàng
châu
Mãi sinh lòng tham giận.**

Thật vậy, bài học thực tế thật thấm thía, chúng ta cứ o bế tấm thân này, lo ăn ngon mặc đẹp, nhà cao cửa rộng... suốt đời lo kiếm tiền để phục vụ cái thân này... đâu biết rằng thân này vô thường, có đó mất đó, nên cứ chạy theo nó để rồi "tham giận kiêu căng si mê lầm lạc" càng ngày càng xa cái tâm thanh tịnh ban đầu.

Thân kính chúc Anh Chị Em Huỳnh trưởng chúng ta luôn tinh tấn tu học, tu tập, phục vụ đàn em để khi vô thường đến thì không còn gì để hối tiếc nữa.

Trân trọng,
BBT





TÌM LẠI CHÍNH MÌNH

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam, Chúng ta thường nghe nói Tăng đoàn của đức Phật có đến 1250 người. Có người thắc mắc: ngày xưa phương tiện giao thông khó khăn mà làm sao đức Phật tập trung được một số đông đệ tử như thế? - Thật ra đó là do những vị đệ tử Phật như tôn giả Ca Diếp đã lãnh đạo một đạo chúng gồm mấy trăm vị rồi tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, mỗi vị đều đem đoàn người đồng tu với mình về quy y Phật. Ngoài ra có những đoàn thanh niên tinh cờ được gặp Phật, chuyện trò với ngài và được ngài đánh thức tuệ giác của họ, thế là họ xuất gia...

Ví dụ như câu chuyện sau đây: một hôm đức Phật đang ngồi tĩnh tọa trong rừng thì thấy một đám thanh niên chừng 30 người, con nhà giàu vì thấy ăn mặc sang trọng và có nhiều người cầm nhạc cụ trong tay... Họ đang đi hăng hái chợt thấy đức Phật, họ dừng lại hỏi thăm: "Sa môn, Ông có thấy một cô gái mới chạy ngang qua đây không?" Đức Phật hỏi: "Các bạn tìm cô gái ấy để làm gì?" Người cầm đầu đám thanh niên kể đầu đuôi câu chuyện của họ: họ vào rừng để tổ chức một cuộc chơi văn nghệ và ăn uống với nhau từ sáng sớm... Họ đem theo nhiều nhạc cụ và một cô vũ nữ. Ăn uống ca hát xong, cả bọn mệt rồi nên tìm chỗ ngã lưng nghỉ trưa một chút. Trong khi mọi người ngủ trưa thì cô gái đã lấy cắp nhiều châu báu và đồ trang sức quý giá của các thanh niên này, vì vậy họ đang lùng bắt cô gái đó.

Đức Phật nhìn các chàng trai và trầm tĩnh nói với họ: "Này các bạn! trong giờ phút này, các bạn nên đi tìm cô gái

ấy hay nên đi tìm chính mình?"

Câu hỏi quá đặc biệt, bất ngờ đập mạnh vào tâm thức họ, làm họ giật mình tỉnh ngộ, họ cùng nhau ngồi xuống vây quanh đức Phật. Cậu thanh niên đầu đàn nói:

"Bạch Sa môn, có lẽ chúng con nên đi tìm chúng con trước."

Đức Phật nói: "Sự sống chỉ có mặt trong giây phút hiện tại; nhưng Tâm ta ít khi an trú trong hiện tại mà cứ dong ruổi về quá khứ hay vọng tưởng đến tương lai. Vì thế ta chưa bao giờ tiếp xúc với chính ta cả. Cách duy nhất để tiếp xúc với mình, tìm lại chính mình, đó là trở về với giây phút hiện tại. Lúc đó chúng ta mới có cơ hội tìm lại chính mình. Rồi đức Phật hướng dẫn cho họ thực tập hơi thở, giảng cho họ về 4 sự Thật cao thượng, về con đường 8 nhánh (Bát Chánh Đạo); nghe xong các chàng thanh niên đồng lòng xin xuất gia để sống nếp sống y như đức Phật.

Thưa Anh Chị Em,

Câu chuyện của hơn 2 ngàn 5 trăm năm trước bây giờ đã được lặp lại tại đây; Thầy Thái Hòa kể lại rằng trước đây có một đoàn gồm những phi công Âu Châu ghé Huế thăm chùa Từ Hiếu, gặp và xin được gặp để nói chuyện với Thầy về sự tu tập Phật Pháp. Sau khi lắng nghe họ nói và đặt những vấn đề to lớn, Thầy hỏi họ: "Quý vị nói với chúng tôi bao nhiêu là vấn đề bao la như vậy, từ chuyện vũ trụ, thế giới đến chuyện quốc gia xã hội, nhưng quý vị đã biết rõ hơi thở của quý vị chưa? Quý vị làm chủ thế giới mà không

làm chủ được hơi thở của mình thì thế giới của quý vị chỉ là ảo tưởng mà thôi! Cái biết của quý vị mênh mông nhưng lại không biết hơi thở của mình thì xem như quý vị không có cơ sở nào để bảo vệ môi trường, môi sinh... một khi không biết hơi thở của mình thì làm sao biết những chuyện cao xa hơn; hơi thở gắn liền với môi trường chung quanh, với người thân, với cha mẹ, ông bà tổ tiên... Hơi thở của mình gắn liền với hơi thở của thế giới, gắn liền với hơi thở của mọi người, mọi loài trên trái đất này." Vì vậy, Thầy khuyên họ phải tiếp xúc với hơi thở của mình từng ngày, từng giờ. Mỗi ngày chịu khó bỏ ra từ 5 đến 10 phút tập trung theo dõi hơi thở để thấy được sự nhiệm mầu của cuộc sống...

Chúng ta, những Huynh trưởng GDPT, chúng ta đã may mắn học Đạo Giải thoát, đã biết được thế nào là "Phép lạ của Sự Tỉnh Thức" nên việc tiếp xúc với hơi thở, thực tập Chánh niệm, tập trung đếm hơi thở vào/ra giúp chúng ta được an lạc qua đời sống "ít muốn, biết đủ" và thanh lọc Tâm, Ý.

Thân mến kính chúc Anh Chị Em an lạc trong từng hơi thở!

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





BỐN HẠNG NGƯỜI Ở ĐỜI

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương,
Người xưa có xếp loại 3 hạng người dựa vào “con mắt” của họ—không phải là con mắt thật mà là con mắt của sự hiểu biết, của trí tuệ.

- **Hạng người không có mắt** (nghĩa là không có con mắt Đời và Đạo) việc Đời cũng dở mà việc Đạo càng dở hơn);

- **Hạng thứ hai là hạng người “chột”** (nghĩa là chỉ có một con mắt Đời—hạng này thành công trong đời về kiến thức, về sự nghiệp nhưng không biết bổ thí, tri giới, nhẫn nhục, không biết phát triển tâm linh...)

- **Hạng thứ ba là sáng cả hai mắt Đời và Đạo**, nghĩa là về Đời cũng thành công, có kiến thức cao có sự nghiệp lớn mà về Đạo cũng đạt được trí tuệ căn bản của một người sống Đời vui Đạo, làm lợi ích cho mọi người.

Đối với nhà Phật, việc đánh giá con người rõ ràng hơn, căn bản hơn, không dựa trên sự thành công hay thất bại mà dựa trên cái Tâm của Người ấy.

Đức Phật dạy: ở đời có 4 hạng người:

hạng người chuyên làm khổ mình

- hạng người chuyên làm khổ người
- hạng người chuyên làm khổ người và khổ mình
- hạng người chuyên làm lợi mình, lợi người.

Có người nói: số 3 là tập hợp của số 1 và 2, tại sao phải để riêng?

Xin thưa, vì hạng thứ nhất chỉ chuyên làm khổ mình chứ không làm khổ người, hạng thứ hai chỉ chuyên làm khổ người khác chứ không làm khổ mình. Đó, chỉ có một chút xíu thôi, nếu không khai triển vẫn có người không hiểu, lại thắc mắc.

Thế nào là “chuyên làm khổ mình”? - Đó là hạng người chìm đắm trong dục lạc thế gian, quên hết trời đất, thiên hạ, chỉ biết hưởng thụ và tiêu phí tuổi trẻ, tiền bạc... vào những “cuộc vui suốt sáng, trện cười thâu đêm” để đến khi thức giấc vì bệnh hoạn, nghèo nàn, không ai ngó tới thì đã quá muộn màng, thân bại danh liệt! Đó là lý do mà đức Thế Tôn gọi thế gian này là “ngôi nhà lửa” - nhưng thế gian lại ham chơi, không chịu chạy ra khỏi để đến khi biết ngôi nhà đang cháy thì đã hết một đời!

Thế nào là “chuyên làm khổ người”? - Đó là hạng người ích kỷ, thấy người khác vui thì mình buồn, thấy họ khóc thì mình vui nên chuyên tìm chuyện hại người; ví dụ ăn cắp của cải của người khác mà lại nói ngược là người ta ăn cắp của mình, hờ một chút là đòi bản bỏ, thủ tiêu,

vu oan giá họa cho người khác những tội mà người ta không hề có còn phần mình thì “tội mê mê như kê lộn đầu” nhưng cứ “đấu tranh miêng lưỡi” lộng giả thành chơn, cả vú lấp miệng em... dùng đủ thủ đoạn để hạ uy tín người khác nhằm để tự nâng mình lên v.v... (nhưng tự nâng thì đâu có được!)

Thế nào là “chuyên làm khổ người và khổ mình”? - Đó là hạng người thiếu trí tuệ, dễ bị mua chuộc, đi vào con đường xấu mà không tự biết. Tại sao dễ bị mua chuộc? - Tại vì ham danh lợi, địa vị hay tiền tài, sắc đẹp... đến khi bị “sập bẫy” rồi ăn năn cũng không kịp, đã lỡ hại người tốt, đã lỡ nhúng tay vào chàm, đâu có nói năng gì được nữa! Đến lúc đó, khóc cũng không ai thương, cười thì cười ra nước mắt! Đúng là làm khổ mình và đồng thời cũng làm khổ người một cách thiếu trí tuệ.

Hạng thứ tư là hạng người hiếm quý giữa xã hội nhiều nhương này; đó là hạng người biết quý y Tam Bảo, biết giữ Giới như giữ gìn cặp mắt của mình, chỉ cần giữ 5 Giới của người Phật Tử tại gia cũng đủ góp phần làm cho thế giới hoà bình chúng sanh an lạc rồi. Thật vậy, người giữ Giới không sát sanh thì không bao giờ hại người hại vật; vì sát sanh không chỉ là dùng gươm dao đâm chết người mới gọi là sát sanh mà có thể sát sanh bằng lời nói ác độc, lời nói vu oan giá họa cho người ta, lời nói gây chia rẽ nội bộ của người ta, làm cho anh chị em người ta nghi ngờ nhau, ghét nhau, xa rời nhau, lời nói vu khống, làm cho thiên hạ tưởng thật xúm vào tấn công người ta v.v... những thứ đó đều là hình thức sát sanh cả. Hạng người thứ 4 không bao giờ làm những điều ác đức như vậy. Họ không những không sát sanh mà còn phóng sanh, không trộm cắp mà còn bố thí, v.v...



nghĩa là đem niềm vui và hạnh phúc đến cho người khác cho nên không bao giờ hại người, không xúc phạm đến người khác, không lấy của người khác. Các bạn có nghe chữ “đạo văn” hay không? Đạo văn là ăn cắp văn của người khác, sao chép lại (copy) của họ mà nói của mình, đó là một hình thức của trộm cắp, không cần phải đào tường khoét vách mới gọi là ăn trộm đâu. Hạng người thứ 4 không bao giờ làm những chuyện mất tư cách đó. 5 Giới thì tất cả Phật tử đều biết cả rồi, huống gì anh chị em huynh trưởng chúng ta thì đã thuộc lòng tường không cần nhắc thêm.

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,

Chúng ta là huynh trưởng, nhiệm vụ chính là giáo dục thanh thiếu niên, tuổi trẻ Phật giáo hải ngoại hay trong nước, cũng đều có cùng một tâm niệm, đó là “vì đàn em thân yêu.” Chúng ta không được ai trả lương, không được ai bổ dụng, nhưng hàng hàng lớp lớp đều tự nguyện qua những lớp huấn luyện để trở thành huynh trưởng GDPT phục vụ tuổi trẻ như các Anh Chị của mình đã từng phục vụ mình. Người Huynh trưởng GDPT không những không được trả lương mà còn phải đưa đón các em đi sinh hoạt bằng xe riêng của mình, mua thức ăn cho các em nếu các em kêu đói bụng bằng tiền túi của mình, tổ chức sinh nhật tại Đoàn, Gia Đình... cho các em cũng đều tự túc, điều này không chỉ xảy ra một vài ngày mà đã từ hơn mấy chục năm nay với truyền thống “gia đình” như vậy. Ở trong nước, người huynh trưởng GDPT còn tự nguyện đi xây những căn nhà tình thương cho những người già cả yếu đuối không có nhà ở, cơm ăn, còn vào bệnh viện giúp những bệnh nhân cô quả cô đơn mà quá nghèo, v.v...

Chúng ta hãy tự soi rọi lại mình xem thử mình là hạng người thứ mấy trong 4 hạng người trên đây và “nhanh chân” trở lại hạng thứ 4 vốn là hạnh nguyện của anh chị em chúng ta, nếu chúng ta đã lỡ một lần lạc bước vào các hạng kia!

Còn nói về “con mắt” hay cách nhìn thì học Phật Pháp chúng ta cũng đã biết, có 5 thứ mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

Nhục nhãn là con mắt thường của mỗi Người, ở trên mặt / trên thân thể con người, của chúng sanh ở cõi Dục giới.

Thiên nhãn là mắt / cái thấy của chư Thiên hay các vị tu thiên định ở cõi Sắc giới.

Huệ nhãn là mắt / cái thấy bằng trí tuệ của hàng Thanh Văn Duyên Giác.

Pháp nhãn là cái thấy bằng trí tuệ sâu hơn của chư Bồ Tát với hạnh nguyện cứu độ chúng sanh.

Phật nhãn là cái thấy của chư Phật, thông suốt pháp giới.

Thân kính chúc Anh Chị Em tinh tấn trong tu học và tu tập để thân tâm thường được an lạc.

Trân trọng,

BBT

DÁNG TIÊN



*Nhẹ nhàng trong gió dáng tiên
Bóng mênh mông đổ xuống hiên nắng vàng
Dáng tiên chợt đến khẽ khàng
Mà lòng con bỗng ngập tràn an vui
Dòng đời nghiệt ngã cuộn trôi
Con mê lặn ngụp cuộc chơi hão huyền
Phước duyên con có Mẹ hiền
Vuốt ve xoa dịu ưu phiền tan bay
Bao lần vấp ngã đắng cay
Dáng tiên sừng sững dang tay đón về
Khi con được mắt nặng nề
Mẹ cười một nụ bốn bề ngọt thơm
Con còn nặng nợ áo cơm
Lời ru thuở ấy vẫn còn âm vang
Cho con vững bước trên đường
Lung linh sáng ánh trăng vàng thiêng liêng
Con còn được thấy dáng tiên
Là niềm hạnh phúc vượt trên mọi tầng
Trời khuya thấp nén nhang trầm
Cầu cho mẹ sống trăm năm tuổi đời...*

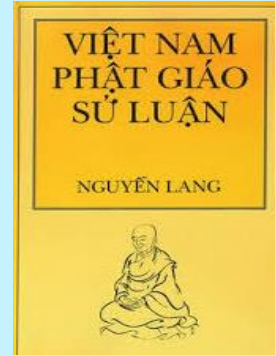
thơ

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

THIÊN SƯ PHÁP LOA (1248-1330)

(Chương XIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

YẾU TỐ MẬT GIÁO TRỞ THÀNH QUAN TRỌNG

Ở Trung Hoa lúc bấy giờ, nhà Nguyên đang trị vì và có khuynh hướng ủng hộ Mật Giáo. *Đại Tạng Kinh* chùa Phổ Ninh chắc hẳn chịu ảnh hưởng nhiều về Mật Giáo, nghĩa là có thêm nhiều kinh bản về hệ thống giáo lý thần bí này. Phật Giáo đầu đời Trần đã không bị ảnh hưởng của Mật Giáo nhiều như ở đời Lý: tác phẩm của Thái Tông và Tuệ Trung chứng tỏ điều đó. Thiên học trong thời đại của Thái Tông, Thánh Tông và Nhân Tông tuy có thiên về sự học hỏi và có khuynh hướng văn chương, nhưng về ảnh hưởng Mật Tông đã nhẹ. Bắt đầu từ đời Anh Tông và Pháp Loa, ảnh hưởng này trở thành nặng nề trở lại. Năm 1318, vua Anh Tông xuống chiếu đi tìm vị tăng sĩ Ấn Độ tên là Ban Đê Đa Ô Sa Thất Lợi về dịch một cuốn kinh Mật Giáo tên là *Bách Tán Thần Chú Kinh*. Pháp Loa để rất nhiều thì giờ vào việc trì chú (*Tam Tổ Thực Lục* nói: Sư thường ngày đêm trì chú lễ Phật). Ông cũng có phân tích và chú thích một kinh văn có khuynh hướng Mật Giáo gọi là *Kim Cương Trường Đà La Ni Khoa Chú*. Năm 1311, có một vị tăng sĩ Ấn Độ tên Du Chi Ba Lam tới, xưng là 300 tuổi, theo Mật Giáo, có thể ngồi xếp bằng nổi lên mặt nước. Vị tăng này có một cô con gái tên là Đa La Thanh, được vua Anh Tông tuyển vào làm cung phi. Vào đời vua Minh Tông cũng có một vị tăng Mật Giáo Ấn Độ tên là Bồ Đề Thất Lý sang, cũng có thể nổi lên mặt nước. Vua Anh Tông có vẻ ưa chuộng Mật Giáo. Vua được Pháp Loa làm lễ quán đĩnh năm 1320 trước khi băng. Nhiều người khác như Văn Huệ Vương và Uy Huệ Vương cũng đã xin nhận lễ quán đĩnh, một nghi thức Mật Giáo.

ANH TÔNG VÀ PHÁP LOA

Sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép rằng ngày Anh Tông ốm nặng sắp băng, Bào Tử hoàng thái hậu cho người đi mời Phổ Tuệ Tôn Giả tới làm phép quán đĩnh và lập đàn chay cầu nguyện (Phổ Tuệ là tôn hiệu mà vua Anh Tông ban tặng Pháp Loa vào tháng chạp năm Mậu ngọ (1318) sau khi Pháp Loa giảng xong

bộ *Tuyệt Đâu Ngũ Lục*. Chính vua tự tay viết bốn chữ Phổ Tuệ Tôn Giả để ban tặng cho Pháp Loa). "Vua Anh Tông bệnh nặng. Phổ Tuệ xin vào để tỏ bày sự sống chết. Anh Tông sai trả lời rằng: nhà sư hãy ở đây, khi ta chết rồi, quan gia (tức là vua Minh Tông) có sai làm thế nào thì nhà sư tự làm, còn như việc sau thì nhà sư cũng chưa chết, biết đâu mà đem việc chết bày tỏ với ta." *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép như vậy, sợ lầm. Anh Tông đối với Pháp Loa thường cung kính xưng là đệ tử. Sau khi thụ tại gia Bồ Tát Giới, Anh Tông rất thao thức muốn làm tròn bổn phận của một ông vua hộ pháp. Năm 1311, Anh Tông giao cho Pháp Loa trách nhiệm tục san *Đại Tạng Kinh*, một công trình Phật sự lớn lao mà nếu nhà nước không tích cực ủng hộ thì giáo hội Trúc Lâm ít có cơ thực hiện nổi. Anh Tông cũng đã từng thỉnh mời Pháp Loa vào cung Tư Phúc giảng *Đại Tuệ Ngũ Lục* (1312) và vào cung Thiên Trường để giảng *Truyền Đăng Lục* (1318). Anh Tông cũng đã chuẩn bị để xuất gia nhưng chưa kịp thì hành thì lâm bệnh. Năm 1318 vua đã bắt đầu ăn chay. Sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép: "Bây giờ thượng hoàng có ý muốn xuất gia, bảo cung nhân ăn chay. Cung nhân có người ngại, duy có nữ quan Nguyễn Thị Diên chặt ngón tay đem dâng. Thượng hoàng ngợi khen, ban cho 40 mẫu ruộng để làm lương ăn tu hành sau này. Sau Nguyễn Thị Diên quả nhiên xuất gia hiệu là ni sư Tịnh Quang." Những chi tiết trên cho biết là Anh Tông thực tâm tin đạo Phật và rất quý trọng Pháp Loa. Lời nói hắt hủi Pháp Loa gán cho Anh Tông có lẽ được một sử thần nho gia ghét đạo Phật thêm vào. Có thể vì Anh Tông mệt quá không thể nói chuyện được với Pháp Loa muốn được nghỉ yên đôi chút trước khi nhắm mắt nên đã lắc đầu không muốn Pháp Loa vào, thế thôi. Trong trạng thái đó, bảo người ra nhắn một câu nói vô lễ, đó không phải là phong độ của một người như Anh Tông.

TƯ TƯỞNG THIÊN HỌC CỦA PHÁP LOA

Như trước đã nói, những tác phẩm của Pháp Loa để lại ngày nay không còn, duy chỉ có một phần của sách *Tham Thiên Yếu Chỉ* còn giữ lại dưới nhan đề *Thiên Đạo Yếu Học*, in trong sách *Tam Tổ Thực Lục* ngay sau phần nói về đời

Pháp Loa. *Thiền Đạo Yếu Học* có lẽ đã được ghép vào trong sách *Tam Tổ Thực Lục* trong một ấn bản tương đối gần đây. Xét nội dung và nhất là lời ghi chú phía sau, ta có thể nói *Thiền Đạo Yếu Học* là chính do Pháp Loa viết. Nhưng lời ghi chú ấy như sau:

"Sư tịch năm 47 tuổi, được nổi dòng sau 23 tuổi theo tông môn của Dương Kỳ, năm chỉ ý của Viên Ngộ, ngày ngày đàm thiền thuyết pháp trong tinh thần "vô nhất pháp nhi khả đắc," nơi nơi tiếp xúc độ sinh, theo tinh thần "phi chúng sinh nhi bất lợi." Khi đi thì thấy trầy đã rỗng mặt trăng, khi đứng thì nghe ngựa gỗ hí gió; ngồi thì dựa vào gốc cây không bóng, nằm thì nghỉ lưng nơi không giường chiếu, nào ai có thể biết được sự tuyệt vời của đời ngài. Kinh *Chư Sơn Lâm* nói: "Thiền tông chớ sáng" tức là nếu gặp ý chỉ ngoài ngôn ngữ thì không nên dính vào kiến văn, chớ kẹt vào nghĩa huyền diệu trong văn cú. Hãy khai mở tư duy một cách thông thả, nhiên hậu mới có thể hưởng về tông môn, đạt tới chuyển ngộ, mới có thể nắm tay tổ cùng đi... Nếu không thì cũng chỉ làm một cuốn sách một gặm mà thôi vậy... Tôi tuy có duyên may kim cái, được gặp sách báu này, vẫn hồ thẹn là không có tài thổ phụng, để lạm biên vào thánh tích. Nhưng nhờ ở chút công đức nhỏ mọn {khắc bản} này mà mong báo được từ ân, và phụ mẫu nhiều đời. Mong nhờ một câu nói huyền diệu mà tất cả đều được thành chính giác. Ôi! Gớm kia vì bất bình mà ra khỏi vỏ báu, thuốc kia vì trị bệnh mà giốc khỏi bình vàng, cho nên có kệ rằng:

*Ma cường pháp nhược, đạo suy vi
Phật tổ xưa kia đã liễu kỳ
Còn có lời vàng làm mẫu mực
Ai người đạt ngộ khỏi tìm chi."*

Những lời trên cho ta thấy người viết đã có cái may mắn gặp được cuốn *Thiền Đạo Yếu Học* của Pháp Loa (Pháp Loa mất năm 47 tuổi được đặc pháp năm 23 tuổi) trong một thời đại Phật pháp suy vi (có lẽ cuối thế kỷ thứ mười bốn hay trong thế kỷ thứ mười lăm). Ông ta mong công đức khắc bản cuốn sách này sẽ báo được



Chùa Quỳnh Lâm nằm trên đồi trong dãy núi vòng cung Đông Triều, thuộc xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. (Yeudulich.vn)

bổn ân, và hy vọng đời sau có những người đọc sách của Pháp Loa mà đạt ngộ. Tiếc là ta không thấy nghe tên người khắc bản và ngày tháng mà người ấy viết những dòng trên.

Thiền Đạo Yếu Học là một tập mỏng, gồm có những bài sau đây:

1) Lời khuyến lệ kẻ xuất gia tinh tấn hành đạo.

2) Kể lại một buổi khai đường đại tham của Trúc Lâm năm 1304.

3) Lời khuyến cáo đại chúng về tam học của thượng thừa.

4) Yếu thuyết về đại thừa.

5) Phải am tường học thuật.

Trong lời *Khuyến lệ kẻ xuất gia tinh tấn hành đạo*, Pháp Loa có nói về việc tìm thầy học đạo, phân biệt chân ngụy và thiện ác. Trong bài "Kể lại một buổi khai đường đại tham của Trúc Lâm năm 1304," Pháp Loa chỉ thuật lại những lời của Trúc Lâm khai thị đại chúng về tự tính thanh tịnh sẵn có của mọi người và ghi lại vài mẩu vấn đáp ngắn giữa Trúc Lâm và môn đệ. Bài *Lời khuyến cáo đại chúng về Tam Học của Thượng Thừa* có thể nói là tư tưởng của Pháp Loa về Thiền học. Trong bài này ông đề cập đến vấn đề kiến tính, về vấn đề có không của tâm ý, về vấn đề tham cứu thoại đầu và đưa ra những lời khuyến lệ tu tập. Bài *Yếu Thuyết Về Đại Thừa* là một bài ngắn nói về trình tự nghe đạo, tư duy đạo và thực hành đạo (văn, tư, tu). Bài *Phải Am Tường Học Thuật* nói về nhu yếu phải học trước khi hành động và những điều thiết yếu thực tiễn trong đời tu đạo: chọn bạn tốt để thân cận, học kinh pháp tìm nơi thu học thuận lợi.

Tuy nhấn mạnh đến nhu yếu tìm học kinh điển nhưng Pháp Loa vẫn không quên đặt vấn đề *kiến tính* lên hàng đầu. Và theo đúng truyền thống Tuệ Trung, ông đặt vấn đề kiến tính trên căn bản *Không chủ thể không đối tượng*:

"Người học Phật phải chú trọng trước hết đến vấn đề kiến tính (thấy được bản tính mình). Thế nào gọi là thấy tính? *Thấy* đây là thấy cái không thể thấy. Cho nên thấy được cái thấy-không-thấy tức là chân tính hiện ra. Cái *thấy* về thể tính vốn vô sinh cho nên không có sự phát sinh của cái *thấy* ấy. Tính cách thực hữu của *Tính* chính cũng là không, nhưng cái thấy chân thực lại không thay đổi, cho nên nói là thấy tính một cách chân thực."

Pháp Loa chỉ bày phương pháp thực tiễn nhiếp tâm giữ ý (gọi là *tịnh giới*) như sau:

"Thế nào là tịnh giới? là trong 24 tiếng đồng hồ một ngày, các điều kiện ngoại cảnh không dây động, các điều kiện nội tâm không lung lay. Tâm không lung lay, thì cảnh đạt tới trạng thái như nhàn. Nhãn căn (mắt) không phải vì đối tượng mà hướng ra ngoài, nhãn thức (cái thấy) không phải vì đối tượng sở duyên mà hướng vào bên trong. Ý thức được rằng ra và vào không giao tiếp liên hệ cho nên đạt được trạng thái điều chế ngưng chỉ. Tuy gọi là điều chế ngưng chỉ mà không phải là bất động. Đối

với các thứ khác như nhĩ, tỷ, thiết, thân và ý cũng vậy. Đó gọi là Đại Thừa Giới, là Vô Thượng Giới, và Vô Đẳng giới. Tịnh giới này, từ một vị tiểu tăng cho đến một vị đại tăng, ai cũng có thể duy trì và an trú trong đó được. Nhờ duy trì tịnh giới mà kiên cố không dao động. Sau đó mới tập thiền định, buông xả cả thân và tâm cùng một lúc.”

Về phương pháp tham cứu thoại đầu, Pháp Loa dặn dò:

“Tham thoại đầu thì chớ để gián đoạn, phải nên tham cứu liên tục không xen kẽ một ý niệm nào khác. Giữ đừng để nghiêng ngã, không trạo cử cũng không hôn trầm (73), hoạt bát như ngọc lẫn bàn thạch, sáng sủa như gương chiếu trên đài. Đạt đến chỗ đó thì đi cũng vậy mà đứng cũng vậy, ngồi cũng vậy mà nằm cũng vậy, nói cũng vậy mà lặng thình cũng vậy, không lúc nào mà không ở trong trạng thái thiền. Như vậy mới giải phẫu tam cú, tam huyền, tam yếu, ngũ vị, tìm hiểu tứ liệu giản, tứ tân chủ, tứ chiếu dụng và những điểm thiết yếu khác của các vị thiền tổ.” (74)

Pháp Loa có làm nhiều bài thơ và kệ tụng. Nhưng tất cả bài kệ tụng của ông viết trong *Thạch Thất Mị Ngữ Niêm Tụng* đã mất theo tác phẩm. Chỉ còn lại ba bài thơ: Một bài ca tụng Tuệ Trung thượng sĩ còn tìm thấy ở *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*, một bài *Thị Tịch* còn ghi chép ở sách *Tam Tổ Thực Lục* và bài “Lưu Luyến Cảnh Núi Xanh” còn được chép ở trong *Toàn Việt Thi Lục*. Bài ca tụng Tuệ Trung của Pháp Loa có thể gọi là ngắn gọn và hay nhất trong những bài khác cùng ca ngợi Tuệ Trung mà ta thấy ở *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục* - Bài ấy như sau:

A!
 Gang ròng nhồi lại
 Sắt ống đúc thành
 Thước trời đất
 Gió mát trắng thanh
 A!

Bài thơ *Lưu Luyến Cảnh Thanh Sơn* như sau:

*Dòng thu gầy hun hút
 Núi cáo soi nước trong
 Ngửng đầu nhìn bất tận
 Đường trước nối muôn từng.*

Bài kệ *Thị Tịch* ông viết trước khi qua đời hồi năm 47 tuổi:

*Vạn giây cắt đứt tẩm thân nhàn
 Hơn bốn mươi năm mộng đã tàn
 Già biệt! Xin đừng theo hỏi nữa
 Bên kia trăng gió rộng thênh thang.*
 (Vạn duyên tài đoạn nhất thân nhàn
 Tứ thập niên dư mộng huyền gian
 Trần trọng! chư nhân hưu tá vấn
 Nả biên phong nguyệt cảnh man khoan).

Vua Minh Tông nghe Pháp Loa đã tịch, liền ban hiệu cho ông là *Tịnh Trí Tôn Giả*. Đời ông là



đời một vị chân tu đầy hoạt động. Lúc sanh thời ông có bài văn phát nguyện, mà toàn văn không còn, trừ ra một vài câu còn trích lại trong *Tam Tổ Thực Lục*. Trong bài văn kia ông nói “Chư Phật và chư Bồ tát có những hạnh nguyện nào, tôi đều thiết tha xin học và làm theo. Dù chúng sinh có khen chê khinh trọng, dù bồ thí hay xâm đoạt, thì khi mắt thấy tai nghe cũng đều xin cứu độ khiến cho tất cả đều lên được nấc thang giác ngộ...”

Pháp Loa bị bệnh tại An Lạc Tàng Viện do thiền sư Kiên Đức trú trì. Nơi đây ông đã từng giảng kinh *Hoa Nghiêm* nhiều lần. Sau đó ông được trở về chùa Quỳnh Lâm. Vua Minh Tông có ngự giá đến đây để thăm ông khi ông lâm bệnh và có sai ngự y chẩn mạch hết thuốc cho ông. Sau khi ông mất, Minh Tông ngự bút ban ông hiệu *Tịnh Trí Tôn Giả* và có làm thơ sau đây để tán dương ông:

*Tay đuổi trần hoàn rũ sạch duyên
 Giác hoàng sự nghiệp đã nên truyền
 Chân mộ núi xanh mờ cỏ dại
 Xác ve cây biếc tỏa sương mềm
 Giảng đường dọi bóng trăng kim cổ
 Thiền thất mờ sương khói nhị biên
 Tiếc duyên kim cái ngày xưa đó
 Chuốt một bài thơ khóc bạn thiền.*
**(Thùy thủ trần hoàn dĩ liễu duyên
 Giác hoàng kim lữ đắc nhân truyền
 Thanh sơn mạn thảo quan tàng lý
 Bích thọ thâm sương xác thuế thiên
 Dạ yếm giảng đường kim cổ nguyệt
 Hiểu mê trượng thất hữu vô yên
 Tương đầu châm giới ta phi tích
 Trác tự ai chương thể lệ huyền).**

Sách *Toàn Việt Thi Lục* của Lê Quý Đôn chép bài này của vua Anh Tông. Kỳ thực Anh Tông chết trước Pháp Loa. Các sách *Tam Tổ Thực Lục* và *Thánh Tông Đẳng Lục* đều chép rằng tác giả bài *Văn Pháp Loa Tôn Giả Đề Thanh Mai Tự* là của vua Minh Tông.

(73) Trạo cử là trạng thái lay động, hôn trầm là trạng thái mê muội

(74) Đây là những nguyên tắc thiền đạo của phái Lâm Tế, do Lâm Tế thiền sư sáng tạo.

Nhẹ như tơ!

HUỆ TRẦN

Trong chương cuối, Kinh Bốn Mươi Hai Chương, có giai thoại về Quốc sư Huệ Trung. Ngài từ bỏ mọi lợi lộc triều đình ban cho, một mình lên núi Bạch Nhai ẩn tu ngót bốn mươi năm. Một lần, Vua cho người lên rước về thăm. Vua hỏi:

- Thưa Quốc sư, bốn mươi năm trên núi, Ngài đã chứng được những quả vị gì?

Quốc sư nhìn lên trời, chỉ những đám mây đang lững lờ bay ngang và hỏi lại nhà Vua:

- Tâu bệ hạ, những đám mây kia, ai đóng đỉnh mà dính trên không vậy?

Vua bảo:

- Không ai đóng đỉnh cả. Mây tự vậy thôi. Chúng tự tại, tự, rồi tan.

Quốc sư điềm đạm:

- Tôi cũng thế. Tôi như mây. Không có gì để chứng. Không có gì để đắc. Tôi là một thầy tu thành thời xó núi, chẳng dựa vào đâu và cũng chẳng gì trói buộc được. Vậy thôi!

Một vị Quốc sư đạt được sự an lạc, thành thời đến thế, sao không truyền dạy lại cho nhân gian cùng hưởng, lại lên núi thông dong một mình?

Hắn là Quốc Sư cũng nương lời Phật dạy mà ra khỏi được những ràng buộc của thế gian, nhưng chắc cũng không quên giai thoại khi Đức Phật vừa tìm ra Đạo Cả thì Ma Vương tới khuyên Ngài hãy nhập Niết Bàn, hưởng sự vui thú thắng vi diệu, chớ ở lại chốn Ta-bà chấp chùng khổ lụy này làm chi! Nhưng Đức Phật thương chúng sanh vô minh nên phát đại nguyện sẽ hoằng pháp độ sanh ngay nơi đời ác ngũ trước này.

Vậy, Quốc sư chứng được sự tự tại thành thời, sao không xuống núi truyền dạy lại cho chúng sanh?

Nếu có tự hỏi, chắc cũng phải tự quán rằng, là phạm phu như chúng ta đây, nhìn sao thấu chiều sâu của tâm đại sỹ mà khởi trách Quốc sư lên núi an nhiên một mình! Tổ Đạt Ma còn lặng lẽ chín năm diện bích, Tổ Huệ Năng còn âm thầm ẩn thân mười sáu năm cùng bọn thợ săn, trước khi ánh sáng trí tuệ hội đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa mà tỏa sáng. Mỗi vị đều còn tùy vào môi trường và hoàn cảnh xã hội khi đó mà hoằng đạo.

Vả chẳng, ai dám bảo Quốc sư Huệ Trung không hoằng pháp? Suốt thời gian Ngài tu trì trên núi, ai biết được có bao nhiêu chúng sanh tình cờ thấy được Pháp-thân Ngài mà bừng tâm hoan

hỷ, thăng hoa kiếp sống nhân sinh!

Ngài Xá Lợi Phất, trước khi gặp Phật, cũng chỉ tình cờ thấy khất sỹ Assagi ôm bát, khất thực trong thành mà bị ngay nhân dáng đó thu hút. Năng lượng của Pháp-thân mạnh đến mức Ngài Xá Lợi Phất đã đi theo Assagi, chờ vị khất sỹ khất thực xong, ra ngoài cửa thành rồi mới dám đến bên, chấp tay cung kính hỏi:

- Thưa đạo sỹ, Ngài đã tu học những pháp gì? Và vị thầy hướng dẫn Ngài là ai mà Ngài đạt được phong thái uy đức và an nhiên như vậy?

Đó là thiện duyên giữa Ngài Xá Lợi Phất với một, trong năm đệ tử đầu tiên của Đức Phật.

Tư thái thông dong tự tại của Quốc sư Huệ Trung khi về thăm triều đình chẳng là hoằng pháp bằng Pháp thân sao? Biết đâu sau lần viếng thăm ấy, nhà Vua chiêm cảm được niềm an lạc của hạnh xả ly, mà tình thương đối với dân chúng sẽ tăng trưởng bằng hành động ban phát, chia sẻ áo cơm cho người nghèo đói.

Chỉ cần khơi dậy được thiện ý, sẽ dễ dàng biến thành thiện sự, nhất là khi người đó lại có phương tiện, có quyền hành.



Trên đường tu, nếu có phước được chiêm ngưỡng Pháp thân của những vị Thầy, mà từ nhân dáng ấy đã là những bài pháp-không-lời, chúng ta chớ để lỡ duyên may. Hãy cùng nhau vận dụng trí tuệ để quán chiếu, vì khi cảm nhận được, thì pháp ấy sẽ thấm thía, sâu sa hơn vạn lời.

Đó là sức mạnh thầm lặng của Pháp thân.

Sơ cơ như tôi, nay tọa thiền được phần nào an lạc là nhờ hình ảnh Thầy "*ngồi yên như núi*." Ngọn núi đó vững vàng mà không cứng ngắt, vô cảm. Trái lại, năng lượng thoải mái, thông dong luôn tỏa rạng tràn đầy trong không gian quanh Thầy, trở thành tha lực tuyệt vời cho đại chúng.

Với tôi, được chiêm ngưỡng Thầy tọa thiền là một hạnh phúc lớn, dù đôi khi tự hổ thẹn sự yếu kém của mình mà thăm trách "*không biết đến bao giờ mình mới ngồi được như vậy!*"

Rồi tôi bắt mình phải tập. Thân ngồi yên. Tương đối dễ. Nhưng tâm đâu? Hối rồi sẽ thấy ngay, là cái tâm viên ý mã này, không những không ngồi yên mà nó còn đang rong ruổi tít mù! Nó luôn luôn chuyển nhay, hết cảnh buồn tới cảnh vui, hết người thương tới người ghét. Chẳng phải dễ để cột được cái tâm vô hình vào cái thân hữu hình, dù cái thân có ngồi bất động như tượng đá! Khổ nỗi, cái tâm vô hình đó mà lằng xằng chộn rộn thì nó lại thể hiện ra ngay, trên cái thân hữu hình. Ngồi như thế thì ngồi làm chi!

Không ít hành giả đã thất vọng khi không cột được cái tâm ưa chạy nhảy! Tất nhiên tôi cũng ở trong số đó. Cho tới một lần thính pháp, đề tài về một chương trong kinh Đại Thừa Duy Ma Cát, khi Thầy nói "*Chỉ là ngồi yên thôi*," thì năm tiếng đó bỗng như năm ngón sao xẹt, lập tức dính vào cái đầu u tối của tôi.

Sao điều gì nơi Thầy cũng dường như quá đơn giản vậy? "*Chỉ là ngồi yên thôi*". Có phải ngồi như thế chỉ là ngồi, không mong cầu gì, dù là



mong cầu ngồi yên, không chờ đợi dấu hiệu chứng đắc gì, dù là dấu hiệu an lạc.

Chỉ là ngồi yên, thì dù vọng khởi, vọng cũng sẽ đi. Không vui nào bất tận mà buồn không len tới. Không khổ đau nào suốt kiếp mà chẳng có lúc hoan ca. Nếu ta chỉ nhận diện mọi đến và đi, ta sẽ không phải biến mình thành bãi chiến trường để lâm chiến với vọng tưởng, dù vọng đó là gì!

Năng lượng từ Pháp thân Thầy và những lời Thầy dạy như năng gió trong không gian, cứ tự nhiên, nhưng thầm lặng thấm thấu, đã giúp tôi kiên nhẫn luyện tâm.

Như người đi mãi dưới sương khuya, thế nào rồi cũng sẽ ướt áo. Phải có niềm tin đó để khởi từ hành động tự giác, là sửa đổi những sai lầm của chính mình. Tâm có tạm lắng yên, rồi hãy mon men tới lời Đức Phật dạy Trưởng lão Tu Bồ Đề trong Đại Thừa Kim Cang Kinh "*Bao nhiêu thứ tâm niệm của tất cả chúng sanh, Như Lai đều biết rõ. Bởi vì sao? Vì Như Lai nói, các thứ tâm đều chẳng phải-tâm, đó gọi là tâm.*"

Tôi đang may mắn có thời gian nhập thất để dưỡng bệnh. Tôi cũng thầm cảm ơn mấy hạt sạn vó vẩn nào, đã lang thang đi lạc vào quả thận bên trái, để tôi được có thêm kinh nghiệm về bệnh.

Nơi am thất, nương theo

lời dạy của quý thầy, tôi tự soạn thời khóa hàng ngày với tiêu đề "3 T", là Tự-Tĩnh-Tu, gồm những phương thức hành trì như tụng kinh, niệm Phật, thiền tọa, thiền hành, học nội điển, đọc sách, viết lách, dọn dẹp nội thất, chăm sóc tiểu viên... v.v...

Chính thời gian này, vì không có tha lực của đại chúng, tôi đã nhận rõ tự lực nhỏ nhoi của mình mà cố gắng hơn. Như lời dạy trong một bài pháp về người biết sống một mình, là người ấy phải biết an trú trong chánh niệm, chứ không phải sống một mình là không có người khác xung quanh.

Con đường tu tập là những tiếp nối của từng chặng hành trì. Khi sống trong chánh niệm, hành giả sẽ bất ngờ khám phá ra những gì hằng kiếm tìm, là những gì vẫn thường biết, mà lại không biết rằng mình đã biết!

Có lẽ, điều rất mực thâm sâu mà lại vô cùng đơn giản từ các bậc chân tu là ngay điểm này chẳng? Vì các Ngài đã đạt "*Có gì mới lạ đâu! Ngay nơi tâm rộng rang này thôi mà!*" Rồi các Ngài thông dong, tiêu dao khắp chốn mây ngàn gió núi mà hàng hậu học chúng tôi vẫn còn túi bụi bặm bộn, đào đào, xới xới cái tâm thiên hình vạn trạng, dù đã từng đọc tụng "*Quả khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.*"

Đường thiền hành trong

khu chung cư là những hàng cây cao, như khuynh diệp, phượng tím, thông xanh; là những giòng suối róc rách điểm hoa súng đủ màu, uốn lượn quanh các lối mòn. Có lẽ vì đa số cư dân trong chung cư này là người Á Đông nên Ban Giám Đốc đã thực hiện cảnh trí nhiều nét đặc thù như thế.

Mỗi sáng và chiều, khi thiền hành, tôi hay nhặt những chiếc lá, những bông hoa trên đường và quán chiếu theo lời thầy dạy để thấy, không chiếc lá, không bông hoa nào rơi xuống mà không có sự âm thầm tiếp sức của toàn thân cây, của nắng, của gió, của mặt trời, mặt trăng...

Cả vũ trụ đều có mặt trong chiếc lá đó, trong bông hoa đó, thì nơi mỗi bước chân thiền hành này, sao không thấy được là chúng ta đang bước cho Tổ Tiên, cho Ông Bà, cho Cha Mẹ, cho bằng hữu, cho những người còn đây hay đã xa

Cảm nhận được như thế, hành giả sẽ không chỉ "độc hành, độc bộ" mà sẽ như được cùng đoàn thiền hành "đồng du Niết Bàn lộ" (*)

Lành thay! Có ai nhìn những hàng cây mùa thu trở trụi lá, mà thấy được sự chịu đựng dũng mãnh của vạn hữu trước mùa đông dài băng giá. Mùa đông đó chắc chắn sẽ đến, và không dung tha những gì mong manh, yếu ớt, những gì bé bỏng, phù du (**)

Thấy, để tập an trú trong chánh niệm, để tập bước những bước chân vững chãi, để tiến tới thong dong

"Bước đi nghe cỏ động,
Đi mãi thành Tâm
Không" (***)

Huệ Trân

(Tào-Khê tịnh thất - sau một thời thiền hành)

(*) Ý từ Chứng Đạo Ca

(**) Ý từ lời giảng của

Thầy Nhất Hạnh

(***) Thiên lý độc hành, thơ Thầy Tuệ Sỹ

The Story of a Bikkhu

Dhammapada—Verses 222

While residing at the Aggalava stupa in the city of Alavi, the Buddha uttered Verse (222) of this book, with reference to a Bhikkhu.

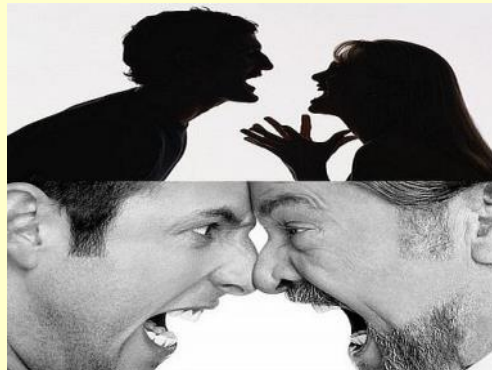
Once, a Bhikkhu from Alavi wanted to build a monastery for himself and so he began to cut down a tree. The deva dwelling in that tree (rukkha devata) tried to stop him, saying that she and her infant son had nowhere to go. Failing to stop the Bhikkhu she put her son on a branch, hoping that it would stop him from felling the tree. By then, the Bhikkhu was already swinging his axe and he could not stop it in time and unintentionally cut off an arm of the child. Seeing her child being harmed in this way, the mother flew in a rage and was about to kill the Bhikkhu. As she raised her hands to strike the Bhikkhu, she suddenly checked herself and thought, "If I were to kill a Bhikkhu, I would be killing one who observes the moral precepts (sila); in that case, I would surely suffer in niraya. Other guardian devas of the trees would be following my example and other Bhikkhus would also be killed. But this Bhikkhu has a master; I must go and see his master." So she went weeping to the Buddha and related all that had happened.

To her the Buddha said, "O rukkha devata! You have done well to control yourself."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 222: *He who restrains his rising anger as a skilful charioteer checks a speeding chariot, him I call a true charioteer; other charioteers only hold the reins.*

At the end of the discourse the deva attained Sotapatti Fruition, and for her dwelling place she was offered a tree near the Perfumed Chamber of the Buddha. After this incident, the Buddha forbade Bhikkhus to cut vegetation, such as grass, plants, shrubs and trees.



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



BÁT NHÃ LÀ ĐÂY

*Bát nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Ngào ngạt hương trầm bay theo gió
Chuông khuya mở sớm lời kinh nguyện
Thế giới thanh bình dạ vui thay.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Nhưng tình nhân loại ấm lòng ta
Viện chủ đơn sơ cười mộc mạc
Mặc đời thế sự đôi lòng thay.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Văn phòng Điều Hành của Giáo Hội
Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ
Trải bao sóng gió vẫn hiên ngang*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Về Nguồn, Phật Đản, hạ An Cư
Đại Tăng phật tử đều quy tụ
Chư Phật chứng minh phật sự thành*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Trụ trì kẻ thủ xin cung thỉnh
Các Hòa Thượng niên cao lạp trưởng
Thuận thế vô thường niết bàn an*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Thầy trò vui chung một mái chùa
Giả sử mai sau ngàn cách biệt
Pháp lữ tình thân nguyện tu trì.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Vun bồi thế hệ trẻ tương lai
Phật tử Gia Đình nguồn vui đạo
Trẻ nhỏ con thơ dân đến đoàn.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Tăng Ni thế hệ trẻ truyền thừa
Phật pháp lưu truyền giòng sứ Việt
Tre tàn măng mọc mãi vươn cao.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Công phu công quả chẳng nề hà
Lặt rau rửa chén lòng vui nhộn
Bảy mươi tám chục vẫn cười tươi.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Kinh hành niệm Phật lòng thanh thản
Tăng trưởng niềm tin vào chánh đạo
Bỏ lại bên ngoài những thị phi.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Đạo tràng niệm Phật bát quan trai
Lương Hoàng sám pháp ngày chủ nhật
Xin mời các bạn đến cùng tu.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Nhịp tim tiếp nối những bàn tay
Tay trong tay xây dựng đạo tràng
Tứ chúng chung lòng chẳng sỡn phai.*

*Bát Nhã là đây ngôi chùa nhỏ
Ngôi chùa thì nhỏ lòng không nhỏ
Một giọt công đức xin hồi hướng
Pháp giới chúng sanh thành Phật đạo*

*Cuộc thế mai này bao thay đổi
Trong tim Bát Nhã vẫn còn tươi
Trí nguyện soi rọi chốn u minh
Tuệ mãi sáng ngời như trăng chiếu.*

thơ THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH



TRỞ VỀ MỤC LỤC

THỂ VẬN VÀ THIỀN TẬP

Nguyễn Giác



Phương châm của Thế Vận đưa ra từ năm 1894 là "Nhanh Hơn, Cao Hơn, Mạnh Hơn." Trong tiếng Anh là "Faster, Higher, Stronger" – tất cả đều chỉ về thành công trong các môn thi thể lực. Nghĩa là, không có vẻ gì liên hệ tới thiền tập. Tuy nhiên, phương pháp thiền tập đang được nhiều lực sĩ Thế Vận luyện tập hàng ngày, và xem như một phần quan trọng trong các thành công có thể có.

Riêng đối với đội tuyển Thế Vận Úc Châu, thiền tập được luyện tập để dùng thay cho thuốc ngủ, lý do được phóng viên Mary Gearin của thông tấn ABC.net.au ghi nhận vì có lệnh cấm sử dụng thuốc ngủ Stilnox – và từ đây, và cũng vì Thế Vận Rio 2016 xét nghiêm y tế về độ thuốc tăng lực rất gắt gao, đội tuyển Úc châu sẽ không dùng bất kỳ thứ thuốc gì hết, thay vào đó sẽ là tập thiền.

Thêm nữa, các lực sĩ đội tuyển Úc châu sẽ có những trận thi vào giờ gần nửa đêm, và sau những thử nghiệm thuốc tăng lực và sau khi trả lời phỏng vấn với truyền thông, họ có thể chỉ vào giường ngủ lúc 3 hay 4 giờ sáng, trong khi ngày kế tiếp có thể là những cuộc thi chung kết.

Khi rời bỏ tất cả các loại thuốc, đội tuyển Úc châu quyết định sử dụng thiền tập.

Vận động viên bơi lội Josh Beaver nói rằng anh ưa thích thiền chánh niệm (mindfulness), "Tôi thấy rất là hiệu quả, chỉ cần tập thiền chánh niệm 10 hay 15 phút, cũng tương đương với một giờ ngủ trưa, với tôi là thế."

Trong cách riêng, tất cả các tôn giáo đều lo chăm sóc cho các lực sĩ tín đồ của họ. Báo The Gospel Herald kể rằng Làng Thế Vận 2016 tại Rio de Janeiro, Brazil, sẽ có những đền thờ, nơi cầu nguyện dựng lên cho các lực sĩ, và sẽ có tu sĩ thuộc năm tôn giáo tại các nhà nguyện này. Các tôn giáo này là: Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Do Thái Giáo, Ấn Độ Giáo, và Phật Giáo. Báo này không nói rõ có bao nhiêu nhà sư, chỉ nhắc tới tên nhà sư Nhật Bản Jyun Sho Yoshikawa trong lực lượng tuyên úy các tôn giáo này.

Một điểm có thể nhận ra giữa dị biệt hai chế độ Hoa Kỳ và Nga: trong khi chính phủ Mỹ mang tính thể tục thực sự, vì là đất nước của nhiều tín đồ tôn giáo dị biệt và cả vô thần, nhà nước Nga chỉ là thể tục hình thức, vì Tổng

Thống Vladimir Putin có chính sách dựa riêng vào Chính Thống Giáo Nga.

Bản tin Interfax cho biết Đức Giám Mục Andrey Alexeyev được Đức Giáo Trưởng Kirill bổ nhiệm làm Cha tinh thần (Spiritual father) của đội tuyển Thế Vận Nga. Ngài Alexeyev cũng sẽ là Linh mục giải tội (father-confessor) cho đội tuyển Nga trong suốt thời gian Thế Vận ở Rio.

Trong khi đó, Đức Giáo Trưởng Kirill đã tiếp đón và an ủi các lực sĩ Nga bị Thế Vận Rio cấm tranh tài vì cho là có sử dụng thuốc tăng lực. Khoảng 135 lực sĩ điền kinh Nga trong đó có những người bị Thế Vận Rio cấm, sẽ tranh tài trong một Thế Vận Thu Hạp ở sân Znamensky Brothers Stadium tại Moscow.

Trong khi TT Putin nói rằng lực sĩ Nga bị Thế Vận Rio kỳ thị, Đức Giáo Trưởng Kirill thực hiện thánh lễ ngày 27-7-2016 tại thánh đường Cathedral of the Kremlin để tiễn đưa phái đoàn lực sĩ Nga dự Thế Vận, và nói rằng "đọc kinh đối với họ sẽ là một công cụ quan trọng trong thành quả [Thế Vận] của họ." (prayer for them will be an important tool in their performances)

Đó cũng là một dị biệt với các lực sĩ lựa chọn thiền tập: tất cả các pháp thiền đều lặng lẽ, không dùng tới ngôn ngữ và suy nghĩ. Chỉ có sự lặng lẽ, chăm chú tinh thức.

Theo lịch trình chính thức của Thế Vận Rio 2016, lễ khai mạc là ngày 5 tháng 8-2016, bế mạc là ngày 21-8-2016. Tuy nhiên, một số cuộc thi đấu, trong đó có bóng đá (vàng, môn thể thao này còn gọi là túc cầu, hay bóng tròn - - bộ môn đa số dân Việt say mê) đã thi đấu từ ngày 3 tháng 8-2016.

Khẩu hiệu chính thức của Thế Vận 2016 là: Một thế giới mới. Vì Brazil sử dụng ngôn ngữ Bồ Đào Nha, khẩu hiệu này viết là: Um mundo novo.

Dự kiến sẽ có đội tuyển 207 quốc gia tham dự. Số lực sĩ tham gia dự kiến sẽ là hơn 10,500 lực sĩ.

Sẽ có 306 trận cuộc thi tài trong 28 bộ môn thể thao.

Hình như có một lý do khác để đội tuyển Úc Châu chọn thiền tập làm phương thuốc thay thế tất cả các phương thuốc. Có phải vì các thiền sư lúc nào cũng nổi tiếng là khổ hạnh tuyệt vời? Như thế, khổ hạnh sẽ tiện dụng khi bước vào Làng Thế Vận Rio 2016?

Thông tấn ESPN kể rằng Đội trưởng Đội

tuyển Thế vận Úc châu Kitty Chiller nói với các phóng viên hôm Chủ Nhật 31-7-2016 rằng phái đoàn 700 lực sĩ và viên chức thể thao sẽ cư ngụ bên ngoài Làng Thế Vận ít nhất là 2 ngày, lý do vì ngôi làng này có quá nhiều thử thách khổ hạnh...

Chiller nói rằng đây là kỳ tham dự Thế Vận lần thứ 5 của bà, nhưng chưa từng thấy ngôi Làng Thế Vận nào kinh dị như Làng Thế Vận Rio 2016, vì (lúc đó) chưa có đủ điện và nước.

Làng Thế Vận Rio 2016 gồm 31 căn build-ings, dự kiến là nơi ở cho 18,000 lực sĩ, viên chức và phóng viên thể thao các nước.

Chiller và phát ngôn viên đội tuyển Úc Mike Tancred nói rằng Làng Thế Vận có vấn đề về ống dẫn nước, các vòi nước rỉ nữa, điện cũng thiếu ánh sáng ở một số cầu thang, "Hôm Thứ Bảy 30-7-2016, chúng tôi có thử vận nước và giặt nước nhà vệ sinh, thế là nước trào ra chảy xuống các mếp tường."

Dù vậy có vẻ như câu chuyện điện, nước vẫn là chuyện khổ hạnh rất nhỏ, nếu so với các tu viện dưới rặng núi Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng nhiều lực sĩ lo ngại là chuyện dịch bệnh Zika.

Trong khi đó, báo New York Times ghi rằng các chuyên gia y tế tại Brazil đưa ra lời khuyên cho các lực sĩ tranh tài ở các môn thi liên hệ tới nước hồ, nước sông, nước biển...

Lời khuyên đó là: Hãy ngậm miệng lại... chớ để nước vào miệng.

Các viên chức thủ nhận rằng thành phố biển Rio de Janeiro đẹp tuyệt vời, nhưng hệ thống lọc nước công vẫn chưa ổn.

Báo New York Times ghi lời các nhà hoạt động môi trường, trong đó có các nhà nghiên cứu ở Federal University of Rio, nói rằng nước ở thành phố Rio, và cả hai vùng bờ biển Ipanema và Leblon gần đó, những nơi các lực sĩ và khán giả sẽ đi tới lui thăm cảnh giữa các trận thi đấu, đều ô nhiễm và kháng thuốc, có "siêu vi khuẩn" có thể gây ra tiêu chảy và ói mửa; người có hệ miễn nhiễm yếu, có thể chết.

Do vậy, lời khuyên do New York Times đưa ra là: ngậm miệng lại, chớ để nước vào.

Đó là phóng viên Andrew Jacobs trên báo New York Times ngày 26-7-2016 chơi chữ, nói ngay ở tựa đề "Keep Your Mouth Closed: Aquatic Olympians Face a Toxic Stew in Rio" (Ngậm miệng quý vị lại: Lực sĩ Thế Vận các môn thi dưới nước gặp nước canh độc ở Rio).

Nhảy xuống hồ là thấy liền nước canh, nhưng nước vô bụng là bệnh liền.

Bởi vậy, mới cần tới thiền sư... Ngậm miệng? Phải chăng đây cũng là một kiểu nhà Thiền, nếu chúng ta nhớ tới một thiền sư Trung Hoa xưa từng nói rằng hãy để cho khóe miệng lên mốc?

Bản dịch của Thầy Thanh Từ ghi về Thiền sư Thanh Liễu Chơn Yết đời thứ 14 sau Lục Tổ Huệ Năng, trích:



"Sư thượng đường: Bên khóe miệng lên meo trắng, mới được vào cửa; khắp chân thối nát đi, mới biết có việc trong cửa. Lại phải biết có cái chẳng ra cửa. Sư bảo: - Gọi cái gì là cửa?" (1)

Đó là pháp môn Vô Môn Quan, Không Cửa Vào, thời thời Thấy Tánh ngay trước mắt, ngay bên tai... nơi tất cả "niệm có và niệm không, niệm lành và niệm dữ" vừa hiện lên trong tâm là biến mất vào lặng lẽ của pháp tánh Như Thị.

Nhìn chung, các lực sĩ quốc tế ngày càng dựa nhiều vào thiền tập.

Lực sĩ bơi lặn Anh quốc Tom Daley, 22 tuổi, nói rằng, phương diện tinh thần là điều quan trọng dẫn tới huy chương. Daley từng thắng huy chương đồng trong Thế Vận 2012 London Olympics về môn nhảy xuống hồ từ dàn cao 10 mét, nói rằng có thể nói 70% là thể lực, nhưng 30% là khả năng tinh thần để kiểm soát những gì chúng ta có thể làm khi tranh tài.

Daley cũng là vô địch thế giới năm 2009, nói rằng, "Khi nói Thế Vận, bạn chỉ có một cơ hội mỗi 4 năm. Nếu bạn không thể cầm giữ áp lực trong cái khoảnh khắc đó, trong một cú nhảy cầu lặn đó, thì, hoặc bạn thắng huy chương, hoặc bạn cuốn gói về nhà."

Daley nói rằng mỗi buổi sáng, anh tập 10 phút thiền chánh niệm và như thế có lợi vô cùng.

Lực sĩ Hoa Kỳ Sam Mikulak cũng thấy như thế. Anh Mikulak là nam lực sĩ Hoa Kỳ về môn thể dục dụng cụ vĩ đại nhất trong thế hệ của anh, 4 lần đoạt giải vô địch toàn quốc Hoa Kỳ.

Bản tin AP ghi rằng 15 phút quan trọng nhất trong lịch rèn luyện hàng ngày của Sam Mikulak là sáng sớm, sau khi anh rời giường. Anh ngồi lặng lẽ, để tâm lặng lẽ, không để bất kỳ thứ gì khởi lên trong tâm. Không bận tâm gì về Thế Vận sắp tới, không bận tâm gì về chuyện phải luyện tập ra sao. Mikulak nói, "Khi một niệm khởi lên trong đầu tôi, tôi nhận ra niệm đó, và tôi dùng mắt nhìn để quét niệm kia biến mất đi. Và rồi tôi trở về niệm hơi thở, và vào một nhịp điều đều đặn có thể tập cho tôi làm biến mất bất kỳ niệm nào không cần thiết khi tôi tranh tài ở sàn đấu lớn."

Lực sĩ Mã Lai Nauraj Singh Randhawa, 24 tuổi, chuyên về môn nhảy cào - từng thắng huy chương vàng Đông Nam Á Vận Hội 2013

và 2014 – học thiền tập từ huấn luyện viên người Úc Alex Stewart.

Nauraj nói rằng anh thực tập câu thần chú nhà Thiền "Chop wood, carry water" (Chẻ củi, xách nước) – mà anh nói có nghĩa là hãy đặt toàn tâm, toàn trí, toàn lực thông minh và toàn bộ tâm hồn vào từng hành vi nhỏ nhất.

Trong khi đó, báo Asahi Shimbun kể về lực sĩ Kazuki Yazawa, cũng là một nhà sư 27 tuổi, sẽ đại diện Nhật Bản thi đấu trong môn chèo xuồng K1 (còn gọi là K-1 kayak slalom = chèo xuồng đơn, một người; K2, K3, K4 là thi chèo loại xuồng 2 người chèo, 3 người chèo, 4 người chèo). Yazawa từng đứng vị trí thứ 9 toàn cầu khi thi môn chèo xuồng K1 trong Thế Vận London 2012, nhưng rồi sau đó quyết định xuất gia.

Trong bộ môn thi chèo xuồng, hầu hết các huy chương là về tay các vận động viên Châu Âu, do vậy tuy đứng thứ 9, lực sĩ Yazawa vẫn là vô địch Nhật Bản môn thi K1 Kayak, và là nhà vô địch Nhật Bản năm 2015.

Yazawa xuất gia ở chùa Zenkoji Daikanjin Temple, tỉnh Nagano, được các vị sư cao cấp trong chùa chấp nhận cho tiếp tục sự nghiệp tranh tài Thế Vận, tuy rằng nhà sư Yazawa không còn xem chuyện trần gian hay huy chương là quan trọng nữa.

Yazawa thức dậy khi mặt trời chưa mọc, tu tập các thời khóa nhà chùa cho tới 3 giờ chiều, lúc đó lực sĩ cởi áo nhà sư và mặc trang phục thể thao ra dòng sông gần đó để luyện môn chèo xuồng K1 khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ, sau đó là tập chạy bộ hay vào phòng gym tập các môn thể thao khác.

Yazawa xuất gia năm 2013, và nói là không hề có ý nghĩ quân bình giữa 2 phần đạo và đời, mà thuận tụy nghĩ là nhiệm vụ chính yếu phải là tăng sĩ, và chỉ còn chèo xuồng khi nào rảnh thôi.

Nhưng khi Yazawa thắng giải vô địch chèo xuồng K1 năm 2015, cả nước đều thấy rằng nhà sư này phải thay mặt Nhật Bản trong môn này ở Thế Vận Rio 2016.

Em gái nhà sư Yazawa là cô Aki, 24 tuổi, cũng là một lực sĩ Thế Vận Rio 2016. Báo Nhật không nói rõ là cô thi bộ môn nào.

Thế đấy, năm 2016 cũng là lần đầu tiên báo chí quốc tế chú ý về hiện tượng: thiền tập trở thành một công cụ luyện tâm và thân cho nhiều lực sĩ Thế Vận.

Như thế, chúng ta có thể đề nghị ghi thêm vào phương châm Thế Vận để thành:

Nhanh Hơn, Cao Hơn, Mạnh Hơn, và Lặng Lẽ Tĩnh Thức Hơn.

Nguyễn Giác

GHI CHÚ:

(1) <http://thuvienhoasen.org/a9889/doi-thu-muoi-bon-sau-luc-to>

NHỮNG ÁNG MÂY TRẮNG

Tôi nhớ mãi một buổi chiều,
Mẹ ngồi bên thềm sân,
Cúi xuống, thoang thoang một nét buồn.

Tôi hỏi: "Sao mẹ buồn?"

"Không, mẹ không buồn, mẹ sợ.

Mẹ sợ những áng mây trắng đang bay.

Trông kia, con thấy chẳng, xa xa những áng
mây thật nhẹ?

Sao trông giống những áng mây một thuở nào.

Ngày xưa mẹ hay tựa cửa ngắm mây,

Bà ngoại máng: 'Con gái không được mơ
màng!'

Ông ngoại bảo: 'Bà cam đi, con gái cần những
ước mơ để lớn'.

Từ ngày xa mẹ, tôi thường hay ngửa mặt nhìn
theo những áng mây trắng,

Nhẹ bay xa tới một phương trời.

"Hôm nay, mẹ có biết không, con đã lớn,

Trông kia, mẹ hãy ngược lên!

Con đã hóa thành một áng mây thật nhẹ,

Một áng mây trắng đẹp nhất trong những giấc
mơ của mẹ,

Một ngày xưa".

Bures-Sur-Yvette, 15.07.16
(Vu Lan một vần thơ gửi mẹ)

thơ

HOANG PHONG



ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA HÀNH THIỀN

Tuệ Uyển chuyển ngữ

Phòng hành thiền của Đức Đạt Lai Lạt Ma được tắm trong ánh nắng dịu dàng của buổi sáng. Những tủ đựng đồ bằng gỗ chạm trổ tinh vi đứng dọc bên tường, ở giữa chúng tôi có thể thấy nhiều bức tượng bằng đồng và vô số sản phẩm thủ công tôn giáo. Cả kho kinh điển Tây Tạng gói trong những tấm vải vàng và găm thêu kim tuyến chõng chất đầy những kệ sách được làm theo truyền thống. Trung tâm của phòng được chiếm ưu thế bởi một bàn thờ trang trí công phu. Một bức tượng - cao không quá hai bộ được đặt trong một ngôi điện nhỏ nhỏ bằng gỗ và thủy tinh - thật là một nơi đáng ngưỡng mộ. Không gian trầm lặng tuyệt đẹp, một sự thanh lịch bình dị.

Tenzin Taklth ra dấu cho tôi ngồi gần cửa ra vào trên một tấm thảm Tây Tạng vuông nhỏ. Tôi xếp đặt máy ghi hình trên một giá ba chân. Không nói tiếng nào, Đức Đạt Lai Lạt Ma đi ra phía sau chiếc bàn gỗ. Ngài thả chân ra khỏi đôi dép và ngồi trong tư thế hoa sen, tựa lưng vào bức tường ván ép. Ngài sửa y áo, nhắm đôi mắt lại, và bắt đầu hành thiền. Tôi khởi động máy quay phim và nghe tiếng động nhẹ của máy khi nó ghi hình tu sĩ Tây Tạng trong đĩa kỹ thuật số digital.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã từng nói với tôi vài vấn đề về thời khóa buổi sáng của ngài: "Ngay khi thức dậy, hàng ngày đúng 3:30, tôi trì tụng vài mật ngôn hay những lời cầu nguyện. Những tư tưởng đầu tiên của tôi: Đức Phật và những lời dạy của Ngài về từ bi, giáo lý duyên khởi. Đó là những gì tôi luôn luôn làm - suốt ngày còn lại được hướng dẫn phù hợp với hai điều này: lòng vị tha và duyên khởi. Sau đó là lễ phủ phục. Tôi nghĩ tất cả việc lễ phủ phục và tập thể dục, khoảng ba mươi phút. Tôi luôn luôn tắm sau đó. Sau đó khoảng 5 giờ hay đôi khi 4:40 là điểm tâm. Người em trai của tôi luôn luôn đùa với tôi rằng: mục tiêu thật sự của việc thức dậy sớm là để điểm tâm. Thông thường, như một tu sĩ Phật Giáo, không ăn chiều."

Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma an trú trong việc hành thiền, đôi mắt của tôi điều chỉnh cho thích hợp với ánh sáng dịu xuống. Ngay thẳng từ tôi qua căn phòng là một bức tranh tường được lồng trong một chiếc tủ gỗ và kính. Nó cho thấy một hình tượng Đức Phật vận y màu hoàng thổ giản dị; phía sau là những dãy núi

xanh rì và những dòng suối uốn khúc. Đầu của Đức Phật y theo những tỉ lệ truyền thống, với đôi tai dài và nhục kế biểu thị sự Giác Ngộ. Ngài có một cái nhìn vô định - giữa mỉm cười và ung dung. Toàn bộ khuôn mặt Ngài - gò má mũm mĩm, cằm nhỏ, khóe mắt - hàm súc sự hoan hỉ chớm nở.

Việc hành thiền của Đức Đạt Lai Lạt Ma rõ ràng đi vào một thể trạng nội tại sâu xa nào đó rất nhanh. Không điều gì hiện hữu bên ngoài ngài - không chiếc phòng, không Tenzin và tôi chỉ ngồi cách vài bộ. Kiểu mẫu hành thiền của ngài thì khác với một thiền sư. Giống như nhiều lạt ma Tây Tạng, ngài không ngồi im như đá tảng và cứng nhắc. Luôn luôn có những chuyển động nhẹ. Ngài xoay bên này bên nọ; ngài dừng lại đứng yên hoàn toàn trong một lúc; sau đó là một mật ngôn ngắn thì thào qua hơi thở ngài, một cánh tay đưa ra phía sau cổ để gãi một vết ngứa. Nếu tôi chưa từng xem ngài an trú trong thiền sâu lắng trước đây, thì tôi sẽ cho rằng ngài đang trạo cử bồn chồn.

Đột nhiên, đôi mắt của ngài quay trở lại trong hố mắt và mi mắt mở hé rung rinh một cách vô tình. Chuyển động riêng biệt đang quấy rầy.

Bàn làm việc của Đức Đạt Lai Lạt Ma thì lộn xộn. Những kinh điển của ngài - hàng đồng sách vở chưa được đóng lại, một lục bình thủy tinh chưng hoa, một đèn bàn đưa lên đưa xuống, và một tượng Phật nhỏ bằng đồng. Cũng có một con dao quân đội Thụy Sĩ cao cấp, chen chúc nhau với nhiều công dụng, kể bên là một đồng hồ bàn với một bức tượng nhỏ trên đỉnh. Bên trái của ngài là một tủ gỗ cao đến đầu gối phủ một tấm giấy đỏ phía trên. Một tủ tương tự khác, đặt phía bên phải trong phần lõm nhỏ của vách tường. Chõng chất trên ấy là sách, kinh điển Tây Tạng, ba bình đựng đầy bút mực và bút đánh dấu và một lọ thuốc bổ. Cao chót vót bên trên còn lại là một bó hoa lụa vàng đỏ sum suê - hầu hết là hoa huê và hoa hồng - ngập tràn từ một chậu hoa bằng đá phiến xám. Chúng trông như thật một cách lạ kỳ, với những giọt sương trên cánh hoa. Một dụng cụ điều khiển TV để bên cạnh.

Phòng hành thiền là chỗ riêng của Đức Đạt Lai Lạt Ma, một nơi để quán chiếu cũng như làm việc. Đó là một nơi mà ngài có thể thật sự một mình - ngài bàn bạc và chào đón khách

viếng trong tòa nhà hội kiến gần cửa ra vào của khu cư trú. Chính nơi này, trong phòng này mà ngài huy động những nguồn lực nội tại - qua thiền tập, qua đọc tụng lại những lời của các bậc thầy Tây Tạng từ xưa - để đạt tới tuệ giác cần thiết để hướng dẫn chính ngài và dân tộc ngài qua những thời gian khó khăn.



Đức Đạt Lai Lạt Ma lấy kính ra khi ngài hành thiền, và đó là vấn đề khi tôi lần đầu tiên nhận thức tuổi tác của ngài một cách chính xác như thế nào. Tôi có thể thấy không gian sâu thẳm phía sau đôi mắt ngài, nếp nhăn chạy thẳng từ xương gò má đến cằm ngài. Vị lãnh tụ Tây Tạng lúc đó khoảng giữa tuổi sáu mươi.

Tôi cảm thấy an lạc khi nhìn vào khuôn mặt Đức Đạt Lai Lạt Ma. Nó quá tương phản với tôi. Khuôn mặt ngài đầy những nếp nhăn, mỗi đường kể lên một câu chuyện gian khó, đau khổ, hay sung sướng. Mặc dù tôi chỉ trẻ hơn ngài mười tuổi, nhưng bộ mặt tôi tương đối nhẵn trơn, những nếp nhăn mới bắt đầu lộ dạng. Khuôn mặt tôi thường là nguồn gốc làm tôi bức tức lắm. Không phải bởi vì nó xấu xí hay chướng mắt, nhưng bởi vì nó dường như luôn luôn ngủ. Nó không là một bộ mặt làm người ta có thể gọi là sống động.

Tôi lớn lên trong một gia đình Trung Hoa truyền thống. Biểu lộ công khai cảm xúc không được khuyến khích. Có những thời khắc bất thường khi tôi cho thấy một niềm vui thật sự - khi tôi nhận bao lì xì đỏ từ người chú thứ 9 của tôi nhân năm mới. Tôi đã cười nhả cả khuôn mặt ra. Và tôi cũng có thể biểu lộ một cơn giận cực độ khi người em gái tôi liệng quyển truyện chướng ưa thích của tôi ra cửa sổ. Nhưng thường thường tôi nuôi dưỡng một khuôn mặt trung tính. Tôi thường tự ý thức, và sự bảo vệ của tôi được liên tục. Có lẽ đó là tại sao tôi là một người chơi bài xì cừ khôi ở trường đại học cộng đồng (college).

Giữ bộ mặt trung tính phớt tình thích hợp cho tôi đủ để sống hầu như cả đời tôi. Nhưng trong những năm gần đây, tôi khám phá ra rằng tôi đã phải trả giá cho việc đó. Qua năm tháng, năng lực trải nghiệm cảm xúc của tôi trở nên yếu kém. Điều này đáng chú ý hơn cả khi mẹ tôi mất. Tôi thấy rằng tôi phải tập trung một cách cố ý thức những cảm giác đau buồn trong tạng lẽ của mẹ tôi. Tôi đã trở thành một người Á châu tinh túy khó hiểu thấu được.

Tuy nhiên, Đức Đạt Lai Lạt Ma biểu hiện cả tâm hồn ngài trên mặt. Nhiều người đã chú ý điều này về ngài, kể cả Paul Ekman, một giáo sư tâm lý học và chuyên gia thế giới về những biểu lộ trên mặt.

Ekman là một người thành thạo về khuôn mặt con người. Ông đã nghiên cứu nó

trong chi tiết tỉ mỉ trong bốn thập niên. Trong nghiên cứu của ông, Ekman đã chia thành những loại cơ mặt và nghiên cứu vấn đề chúng co rút và kéo giạt như thế nào để sinh ra khoảng bảy nghìn (7,000) biểu lộ khác nhau. Ông đã liên hệ đầy đủ ý nghĩa nhất những thứ này đến những gì chúng biểu thị một cách cảm xúc. Trong tiến trình, ông đã trở thành một điều tra viên về nói dối xuất sắc. Tiếp theo sau vụ đánh bom 11 tháng Chín năm 2001, cơ quan CIA-FBI chống khủng bố đã mượn Ekman như một cố vấn cho vấn đề điều tra nói dối như thế nào khi hỏi cung những nghi can. Một trong những thứ mà ông đã dạy cho những nhân viên để tìm kiếm là những biểu lộ rất vi tế - một chuyển động nhẹ của một cơ chân mày bên trong gọi là "frontalis pars medialis" - cơ trán, thí dụ thế, là một biểu hiện của sự buồn bã.

Ekman đã gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma lần đầu tiên trong tháng Ba năm 2000 ở Dharamsala, tại một hội nghị Tâm Thức và Đời Sống lần thứ Tám giữa những Phật tử và các nhà khoa học phương Tây. Chủ đề của hội nghị là Những Cảm Xúc Tản Phá. Trong quá trình diễn biến của năm ngày chuyên sâu, các nhà tâm lý học có vô số cơ hội để quán sát vị lãnh tụ Tây Tạng. Ekman lấy làm lạ rằng từ khi nghiên cứu về những khuôn mặt đến giờ, ông chưa từng thấy một người nào như Đức Đạt Lai Lạt Ma. Những cơ mặt của ngài đầy sức sống và nhu nhuyễn, chúng giống như thuộc về một người nào đó khoảng độ tuổi đôi mươi.

Tại sao có sự trái ngược nhau phi thường này? Ekman nghĩ là ông biết câu trả lời này: Đức Đạt Lai Lạt Ma sử dụng những cơ mặt mạnh mẽ hơn bất cứ người nào khác mà ông từng biết. Và có sự chính xác trong cách Đức Đạt Lai Lạt Ma biểu lộ, hiếm khi có bất cứ dấu hiệu lẫn lộn nào. Khi ngài vui vẻ, ngài vui vẻ một trăm phần trăm. Không tình cảm nào khác chen lẫn vào để pha trộn cảm giác.

Ekman ấn tượng với khuôn mặt của Đức Đạt Lai Lạt Ma trong một lý do khác. Với ngoại lệ có thể của những đứa trẻ nào đó, thì khuôn

mặt của vị lãnh tụ Tây Tạng là ngây thơ chân thật nhất mà Ekman bắt gặp trong tất cả những thập niên nghiên cứu của ông. Và giống như những đứa trẻ này, Đức Đạt Lai Lạt Ma hoàn toàn thoải mái với sự biểu lộ cảm xúc của ngài. Ngài không hổ thẹn với những cảm giác của ngài, ngài thấy không có lý do gì để tự ý thức hay e thẹn về chúng. Trong thời gian hội nghị, một quan sát viên từ California đã nói với Đức Đạt Lai Lạt Ma rằng một trẻ em ở Dharamsala đã chết sau khi bị một con chó dại tấn công. Mọi người hiện diện thấy rõ ràng cảm giác đau buồn sâu sắc trên khuôn mặt của người Tây Tạng này. Điều này là một liên hệ với Ekman. Ông không nghi ngờ gì rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma cảm thấy mất mát thảm thiết giống như đứa con riêng của ngài đã bị liên hệ. Nhưng Ekman cũng ngạc nhiên vì sự biểu lộ buồn thảm này chỉ hiện diện trong một thời gian ngắn. Trong một vài thời khắc, tất cả dư âm của buồn thảm đã biến mất. Tương tự thế, Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ cười mà không kèm chế vào điều gì đó buồn cười và rồi, trong một vài giây, biểu lộ sự tập trung nghiêm túc nhất. Ngài không quá dính mắc với mọi thứ - kể cả những cảm xúc của chính ngài.

Xem Đức Đạt Lai Lạt Ma hành thiền, tôi xoay sở để ngồi gần đúng một cách thô thiển trong tư thế hoa sen, nhưng chỉ năm phút trước khi cơn đau quá độ, tôi đã thay đổi để ngồi kiểu quỳ gối và bắt đầu nghịch vớ vẩn với máy quay hình, đầu tiên xoay dọc theo một bức tường, nhằm vào những cuốn thư thangka Tây Tạng cổ điển và những bức tượng xinh xắn, sau đó quay trở lại Đức Đạt Lai Lạt Ma. Không có cách nào để tôi có thể ngồi tĩnh lặng như ngài. Sự bình lặng thăm thẳm của căn phòng không giúp gì cho tôi. Mặc cho những làn sóng hành thiền an lạc đầy năng lực không nghi ngờ gì tỏa ra từ Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhưng tất cả tôi có thể nghĩ đến là sợi gân nóng bừng nổi kết bấp về phải đến mông phải của tôi.

Rồi điều gì đó chạm vào mắt tôi. Ở phía kia của gian phòng, phân nửa bị che giấu và vật bằng đồng nhỏ và một chậu hoa tươi, là một bức hình trong một khuôn kính nhỏ màu xanh lục. Hình như đó là tấm ảnh duy nhất trong phòng, giữa những tranh thangka, những vật trang trí nghệ thuật, và những kinh điển cổ xưa.

Và không chỉ thế - đó là hình của tôi. Hay, đúng hơn, đó là tấm hình của tôi cho đến khi tôi tặng nó cho Đức Đạt Lai Lạt Ma trong lần phỏng vấn vài tháng trước đây. Tôi đã chụp tấm ảnh ấy khi tôi ở Tây Tạng năm 1985. Nó cho thấy hai vị tu sĩ trong y áo đỏ thắm dựa nửa người vào một bức tường phòng hộ trên nóc một tu viện, chú ý mãi mê vào một chuyện gì đó xảy ra bên dưới. Bức ảnh được chụp từ phía sau, cho nên chỉ thấy được phía sau lưng của họ. Họ đang chồm quá xa phía trước của bức tường phòng hộ cho nên dường

như họ có thể ngã nhào xuống bất cứ lúc nào. Trước họ là một dãy đồi thấp.

Đó là một bức hình tuyệt đẹp: màu đỏ trắng lệt lết lấy của y phục là rất sống động đến như bạn có thể chạm và ngửi áo quần len dạ. Rồi là ánh trắng lốm đốm màu nâu của cao nguyên Tây Tạng, những ngọn đồi tròn được phủ nhẹ bởi một làn tuyết nhuộm xanh tươi, làm tất cả những góc khuất và đường nứt kẻ trên non xanh thành một sự thư giãn sắc nét. Bên phía trái của bức ảnh là một lùm cây cao xanh đen, những cây cối thiêng liêng rất nổi tiếng của Tu Viện Reting (1).

Trong hàng nghìn bức ảnh âm bản mà tôi đã chụp những năm tám mươi, khi tôi tìm ra và ghi lại những địa điểm thiêng liêng của Tây Tạng, thì bức ảnh ấy là tôi thích nhất. Tôi không biết chắc tại sao như vậy. Có nhiều tấm hình có thể có sự điều hợp màu sắc sinh động hơn trong một sự quán sát ngẫu nhiên nào đó. Và có ít tấm có thể là những ứng cử viên tốt hơn cho tạp chí National Geographic phổ biến về Tây Tạng. Nhưng trong gần hai thập niên, tấm hình ấy là một tấm mà tôi đã giữ bên cạnh tôi. Có lẽ đó là cách mà hai tu sĩ quần y thật quá vô tình đối với bức tường phòng hộ. Tính tự động vô tư như trẻ con của người Tây Tạng thì quá khác biệt so với cung cách mà tôi liên hệ với con người và sự vật.

Khi tôi tặng khung hình này cho Đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài không quá ấn tượng. Ngài nhìn lướt qua tấm hình, sau đó đưa cho Tenzin Takltha. Ngài nhận rất nhiều tặng phẩm, và ngài hầu như luôn luôn đưa chúng cho thị giả của ngài cất giữ cẩn thận. Ngài biết ơn cử chỉ ấy, nhưng đơn giản là ngài không quá tập trung vào các tặng phẩm ấy, dù đẹp hay không.

Rồi thì, sau một suy nghĩ, Đức Đạt Lai Lạt Ma hỏi tôi, "Nơi này là gì?"

"Đó là Tu Viện Reting, thưa Đức Thánh Thiện," tôi trả lời.

"Reting!" ngài nói. "Tôi đã đến đó năm 1956."

Ngài lấy lại tấm hình làm Tenzin giật mình và nhìn chăm chú sát vào nó.

"Reting. Tôi nhớ nó rõ ràng lắm. Tôi cảm thấy có một sự gắn gũi với tu viện này."

"Trong nhiều tấm hình mà tôi đã chụp ở Tây Tạng, thì đây là tấm hình mà tôi luôn giữ bên cạnh tôi," tôi nói.

"À, cả hai chúng ta đều có một cảm giác đặc biệt với Reting," Đức Đạt Lai Lạt Ma nói. "Tôi rất xúc động khi tôi ở đây. Vì vài lý do không rõ, tôi cảm thấy rất liên hệ nơi này. Từ lúc ấy, tôi thường nghĩ đến việc làm một liều cốc ở Reting và dành trọn thời gian còn lại của tôi ở đây."

Tôi nghĩ vào lúc ấy rằng tấm ảnh sẽ được giữ trong một kho lớn trong nơi cư trú, tranh giành một không gian với tất cả những tặng phẩm tuyệt vời và trọng yếu mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nhận trong nhiều năm. Cho nên tôi đã sửng sốt khi thấy bức ảnh của tôi ở đây.



Tu viện Reting

Tenzin chú ý tôi đang chăm chú vào tấm ảnh. Ông cho tôi một nụ cười toét. Đôi bàn tay ông trên vật áo, nhưng tôi thấy một ngón tay cái đưa lên.

Vâng, tôi xúc động và hơi tự hào vì tấm hình của tôi đã ở trong thiền phòng, rất gần với Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tôi muốn tin rằng ngài giữ nó ở đây bởi vì ngài có một sự ưu ái đối với tôi. Nhưng tôi biết, khả năng không phải như vậy, nó ở đó bởi vì Tu Viện Reting đã có một vị trí đặc biệt trong trái tim ngài.

Bên ngoài bây giờ sáng hơn, chim bắt đầu hót. Tôi có thể thấy một làn sương mỏng phía dưới Thung Lũng Kangra.

"Đủ chưa?" Đức Đạt Lai Lạt Ma hỏi tôi, buổi hành thiền sáng sớm của ngài rõ ràng chấm dứt bây giờ.

"Vâng, cảm ơn, thưa Đức Thánh Thiện," tôi trả lời. Tôi có thể nói gì khác hơn chứ? Tôi muốn dành trọn ngày với ngài?

Ngài đứng dậy từ phía sau bàn của ngài. Tenzin và tôi trườn mình để đứng dậy.

Đức Đạt Lai Lạt Ma bước tới bức tường và bắt đầu lục lọi trong những vật bằng đồng nhỏ và những đèn bơ bày trên cánh bàn cao lên. Rồi thì ngài nhìn qua vai ngài và nói với tôi, "Đến đây."

Ngài đưa tôi một mô hình tu viện nhỏ kiểu Ấn Độ. Được làm bằng đá xám, nó cao khoảng một tấc. Nó được chạm tỉ mỉ là năm tháp kể cả tháp trung tâm trên đỉnh một cấu trúc hai tầng, bốn tháp nhỏ hơn bố trí ở bốn góc. Người thợ chạm đã khắc rất cẩn thận những cửa sổ, cửa ra vào nhỏ xíu và những chi tiết khác trong mỗi tầng. Đối với một vật nhỏ như vậy, nhưng nặng một cách đáng ngạc nhiên.

"Ngôi chùa ở Bồ Đề Đạo Tràng. Tặng Ông," ngài nói. Bồ Đề Đạo Tràng nơi Đức Phật Giác Ngộ - là Phật tích, nơi hành hương tuyệt diệu nhất của Phật tử.

Sau đó Đức Đạt Lai Lạt Ma trao cho tôi một vật thứ hai - một viên đá có hình bán cầu, cỡ một viên cẩm thạch lớn cỡ đồng. Viên đá có vài cấp độ của màu nâu, và những chỉ trắng chạy qua trung tâm của nó. Tôi không biết nó là đá gì. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã không giải thích.

Tôi ngạc nhiên với những tặng phẩm.

Ngoại trừ tấm khăn khata bắt buộc - tấm khăn choàng truyền thống dâng cúng - tôi chưa nhận một tặng phẩm nào từ ngài. Vì hai thứ này từ thiền phòng của Đức Đạt Lai Lạt Ma, tôi cho rằng chúng phải giữ một ý nghĩa quan trọng đối với ngài.

Đức Đạt Lai Lạt Ma nắm tay tôi một cách nhẹ nhàng trong tay ngài và đưa tôi ra cửa. Sau đó ngài đột ngột quay sang một tủ gỗ chứa nhiều đồ vật bằng đồng và những thứ tuyệt đẹp khác. Ngài moi móc chung quanh bên trong, tìm một thứ gì đấy.

"Aha!" Gương mặt ngài trông rạng rỡ, ngài cầm ra một bức tượng nhỏ, một hình tượng màu bằng gỗ quýnh của một cụ già với bộ râu rìa dài đến thắt lưng. Nó có một khuôn mặt rộng - rõ ràng là những hình tượng A châu với một lỗ mũi to và chân mày rậm. Trong tay phải là một cây gậy. Một tác phẩm về một hiền nhân Trung Hoa.

"Tặng ông. Gặp lại ông sớm nhé," Đức Đạt Lai Lạt Ma nói.

Trở về khách sạn, tôi ngâm nga vài đoạn của đĩa nhạc "A Whiter Shade of Pale" (2) khi tôi trở lại công việc thường ngày của tôi. Cửa phòng tôi mở, và tôi có thể thấy một phụ nữ Tây Tạng phơi áo quần trên nóc nhà phía dưới khách sạn. Bà ta cũng ngâm nga một giai điệu, mặc dù bà ta ở khá xa để tôi nhận ra. Tôi lấy dụng cụ video của tôi ra để xem chiều dài của phim sáng nay. Tôi khởi động máy quay và trả cuộn băng về lúc đầu. Những hình ảnh đầu tiên trên màn hình LCD là hình Đức Đạt Lai Lạt Ma đang ngồi sau bàn làm việc trong thiền phòng của ngài. Ngài đang chuẩn bị để ngồi thiền. Ánh sáng thích hợp và âm thanh tốt. Đột nhiên, những làn ngang nhảy lên màn hình. Thay vì bức tranh tường, thì không có gì mà chỉ là những vạch ngang trong suốt trong những sắc thái khác nhau của màu xám. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã biến mất hoàn toàn khỏi màn hình.

Tôi đâm mạnh vào nút chạy tới nhanh. Những đường sọc nhảy múa lên xuống. Tôi dừng cuộn băng lại và rồi nhấn chạy. Những đường sọc. Không có gì cả chỉ những đường sọc nhảy múa. Tôi trả băng lại từ đầu và chạy lại những hình ảnh đầu tiên. Màu sắc tối âm u bởi vì ánh sáng thấp, nhưng hình ảnh của Đức Đạt Lai Lạt Ma sắp ngồi trong tư thế hoa sen thì sắc nét. Hình ảnh ngồi thiền tiếp theo thì bị xóa sạch. Tôi trả cuộn băng lại và chạy cuộn băng tới lui cho đến khi pin bắt đầu yếu dần.

(1) Được thành lập bởi đại đệ tử của Atisha là Dromtönpa năm 1057 trong Reting Tsampo Valley, phía bắc của thủ đô Lhasa.

(2) "A Whiter Shade of Pale" là đĩa đơn đầu tiên của ban nhạc Rock người Anh Procol Harum, được phát hành 12 tháng 5 1967. Nhạc do Gary Brooker và Matthew Fisher viết, lời là của Keith Reid.

Một câu đáng giá nghìn vàng

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Đời xưa có một nhà triết lý trọ biển giữa chợ nói: "Ai chịu hể một trăm lạng vàng thì sẽ dạy cho một bài học rất hay!" Một vị quốc vương lúc ấy đi dạo chơi, thấy biển đó, động lòng hiếu kỳ, liền đem một trăm lạng vàng cho nhà triết lý để xin một bài học, thì nhà ấy chỉ dạy cho một câu: "Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả."

Câu ấy giản dị đến nỗi phần đông cận thần của vua bấu miệng trẻ môi cho giá một trăm lạng vàng là quá đáng. Nhưng sau khi ngâm kỹ, vua nhận thấy lời ấy rất hay và truyền khắc câu ấy trên các tấm cửa cung điện và các đồ khí dụng của vua, để hằng

ngày nhớ mãi không quên. Nhờ một câu ấy mà vua xóa bỏ được nhiều điều tệ, phát minh được nhiều điều hay về chính trị làm cho nước mỗi ngày mỗi thêm thịnh vượng.

Thời ấy có những bậc Hoàng thân thấy Thái tử còn nhỏ, muốn găm ghé ngôi báu, nên âm mưu làm nhiều điều thí nghịch, họ lo lốt với một quan ngự y để đầu độc vua trong những khi đau ốm.

Một hôm, vua se mình đòi quan ngự y đến làm thuốc, quan ngự y chế thuốc độc sẵn, rót vào chén ngự để dâng vua. Nhưng may thay, trong lúc quan ngự y lại thấy nơi chén câu cách ngôn: "Phàm làm việc gì trước phải

nghĩ đến kết quả." Ngự y giựt mình, nghĩ đến kết quả, thấy sự thí nghịch chẳng những làm cho mình phải tru di tam tộc, mà còn gây biết bao tai họa cho thần dân, nên liền hối hận, đem tất cả việc đầu độc thí nghịch tâu cho vua rõ. Nhờ sự thú nhận, mà cả bọn gian đảng đều bị tiểu trừ mà ngôi vàng càng thêm bền vững...

Trích báo: Viên Âm

Muốn biết nguyên nhân thời kỳ đã qua, thì nên xem kết quả hiện tại đương thọ.

Còn muốn biết kết quả về sau thế nào, thì nên xem cái nhân hiện tại đương làm.



thơ MẶC PHƯƠNG TỬ

ĐỜI XÓA GIÁC MƠ CON

*Có những cuộc đời con
Sớm chiều đi về trong ngõ hẹp...*

*Trên miền đất nước quê hương
Nơi nào tôi cũng thấy những em tôi
Ngày tui cực,
Lòng vui, mơ trong mộng đẹp
Tháng năm xa xuôi ngược dấu chân đời.*

*Trên đường đến miền Cao Nguyên đất đỏ
Núi tiếp trùng mây, cây tiếp đồi xanh
Chênh vênh gió chiều xa vờn sắc cỏ
Thượng dân về hơ hếch những chồi tranh.*

*Vai mang chiếc gùi con ngày hai buổi
Sáng theo nắng lên đồi
Chiều nương mây xuống núi
Quày chuối, củ khoai, bó củi
Một ngày qua, năm tháng ước mơ con.*

*Ánh lửa về đêm ám ngày tháng rộng
Điếu thuốc tàn canh xua bóng đêm dài
Những hôm nào...
và như cả hôm nay
Những ngõ hẹp đi về theo lối mộng
Những ngõ hẹp lòng vui bao sức sống
Vời núi rừng, cây cỏ, với đôi tay.*

*Niềm vui khổ dẫu trong làn sóng mắt
Bữa cơm ngon chỉ thấy ở môi cười
Đời cúi mặt tâm sự dấu đầy vơi
Cũng đủ đựng trong chiếc gùi con nghĩa nặng.*

*Tôi là khách bao miền xuôi ngược
Thương đời em lắm lũy nước non này
Đường sỏi đá, lối sương mòn đêm bước
Khép kín cuộc đời theo bờ cỏ trướng mây.
Con nắng, con mưa lòng như tiếp núi Sầu năm*

*tháng đi về bao gió bụi
Hoa lá ngàn reo nhịp bước lối sương mòn
Cuộc đời con,
Vui với giấc mơ con!*

*Để nhớ một lần lên vùng Buôn Ma Thuật
Thương đời em, lòng bông hóa trang thơ
Đã thu lại trong tôi bao cảnh thực
Rồi hóa thành tim máu tựa bao giờ!*

*Thương đời em,
Như thương cả kiếp người
Và cũng như cuộc đời bao dân tộc
Trăn trở đời phen,
Đêm lên gầy giấc mộng
Đã qua rồi những tháng ngày biến động
Bình lúa còn đâu sau trái núi hoang tàn
Nhưng mắt lệ, vẫn sâu như biển rộng...!
Đời em chìm say theo những bước thênh thang!*

*Em ơi!
Khi ngoài kia trời lộng gió
Đường quê hương ngày lên
Người rộn bước chân son
Thức gọi bình minh
Chim rừng vang tiếng hót
Áo mới choàng lên đất nước
Mắt nhìn xa
Đời xóa giấc mơ con.*



Mẹ từ xa vắng

Valse Lente $J = 65$ Nhạc và Lời: LÊ VŨ NGUYỄN VIẾT TRƯỜNG

Nhạc dạo

Nhạc

Con Expressivo

Mẹ vắng đêm qua trong giấc mơ, Mai tóc nhẹ lay, gió vật vờ, Hai hàng châu, Dang dở, mắt, Dang dở, tay ngọc cuộn con thơ. Mẹ từ xa vắng, hiện về đây, Mẹ hiện về đây, dang bàn tay ngọc cuốn con thơ. (Từ xa...)

Andantino

Poco rit.

Rit.

Coda

Hơi ấm thương yêu thật tràn đầy. Ngoài kia trắng tuyết, sau rừng liễu, Mẹ chia tay. Nhẹ tựa hơi sương, Mẹ chia tay. **Con Mesto**. Mẹ vẫn trong cơn suốt đời, Cho dù định mệnh chẳng chung đôi. Trán gian hạnh phúc con thừa hưởng. Mẹ đã cho con... thật tuyệt vời. **Poco rit.** Từ xa... **Con Animato**. Mẹ hiện về đây, dang bàn tay ngọc cuốn con thơ. (Từ xa...)

AD lib.

Coda

© Copyright by Lê Vũ Nguyễn Viết Trường (August 22, 2011). All rights reserved.

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

BÚN VEGAN BURGER CHIÊN

Vật liệu:

- Mua hộp Boca Vegan Burger, Morning Star Veggies Burger hoặc hiệu nào cũng được
- Đậu phộng rang vàng
- Nước mắm chay
- Xà lách, rau thơm, dưa leo
- Bún
- Boa rô

Cách Làm:

- Cho vào chảo tí dầu, chiên vàng Vegan Burger
- Dùng phần xanh của boa rô cắt nhỏ phi với dầu cho vàng, gắp ra đĩa.
- Cắt lát Vegan Burger, miếng vừa ăn cho vào tô bún, rau thơm, xà lách, đồ chua, dưa leo, đậu phộng, boa rô phi, nước mắm, là ta có tô bún ngon rồi.



♦ Cách pha nước mắm

Cho nước coco rico, ớt, chanh, muối, đường vào trong tô khuấy đều rồi cho nước tương vào, nêm nêm lại cho vừa với khẩu vị của mình.

Chúc thành công và ngon miệng.

KIM

(Ấm Thực Chay)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Ước mơ dang dở...

NGUYỄN VĂN SÂM

1.

Tôi đang ở trong phòng giải lao của trường thì có cảm giác là lạ: Thấy rờn rợn trên xương sống. Phòng vắng lại âm u về gì như điều hiu lau lách. Đưa tay tính bật đèn thì Tuấn nãy giờ lúi húi trong một góc, ngược mặt lên lắc đầu ra hiệu biểu dừng. Mặt anh xanh xao quá lại ướt mẹp khiến tôi phát sanh lòng thương cảm pha trộn chút sợ hãi.

Ngó những gì anh đang chăm chú thì thấy là xấp phác thảo mấy năm nay cho bức họa "Hoạt Cảnh Thời Đại" mà theo anh, nếu thực hiện xong sẽ lớn tổ chẳng, bề thế hơn bức tranh sơn mài "Quốc Tổ Hùng Vương" của họa sĩ Trọng Nội trưng bày trong phòng khách dinh Độc Lập thuở nào. Xấp phác thảo đó anh đưa tôi giữ hơn nửa tháng nay trước khi vượt biên mà, sao lại ở trong trường được? Tôi cũng chưa đưa trả anh sao anh có mà đương lật lật giờ giờ? Là thật chứ! Thắc mắc nhưng tôi không nói gì, chỉ hỏi là anh xuống Rạch Giá cả hai tuần nay rồi sao bây giờ còn trở vô trường làm gì. Mặt anh buồn buồn ngó lên trần nhà nơi cái quạt máy đương chạy vù vù, nói nhỏ như hơi thở của người rất yếu:

"Nhớ trường quá!"

Tôi ngó bức bản phác thảo anh đang cầm trên tay, hình vẽ hai mẹ con ôm nhau, nét mặt lo âu đương ngồi chum hum ở ngạch cửa một gian nhà lũng lổ chỗ bom đạn mà có lần anh cắt nghĩa là một trong 40 cảnh mô tả hậu quả của cuộc chiến vô ích vừa qua. Tôi còn nhớ anh nói bức họa

lớn anh thả cửa đem vô những hình ảnh mình muốn biệt sợ chẳng đủ không gian. Anh nói tiếp, giọng trầm trầm xa vắng như từ cõi nào đó vọng tới:

"Coi tới lui cho đỡ buồn!"

Tôi hỏi anh tính lúc nào thực hiện dự định thì cũng nghe giọng trả lời trong tiếng thở dài:

"Không thể!"

Âm thanh của tiếng *không thể* phát ra như giọng oán trong một câu vọng cổ da diết. Tôi tính hỏi thêm thì anh đã mất tiêu, không còn thấy đâu nữa.

Tôi rùng mình, thấy ớn da gà. Là thiệt, đi gì mà mau dữ tợn, mới thấy đó đã biến mất như ánh chớp!

Vợ tôi lắc lắc chồng, nói:

"Anh mơ quá trời, nằm ngay lại thì hết mơ!"

Tôi trở mình. Đồng hồ trong phòng ngủ chỉ mười hai giờ đúng. Nhắm mắt lại, tôi miên man nghĩ về số phận và ước mơ của người bạn họa sĩ mong có được thời giờ để vẽ bức tranh lớn tổ chẳng của đời mình. Chuyện vừa mấy phút trước là câu trả lời bi thiết của anh cho riêng tôi? Ước mơ một đời bị dập tắt rồi sao? Nếu vậy thì chán thiệt!



2.

Nửa trăng trước đó.

Mỗi khi quan sát sự thận trọng trong cử chỉ pha màu hay nhẹ nhẹ quẹt quẹt phết phết trên tấm vải canvas với gương mặt nghiêm trang của Tuấn tôi biết anh làm việc với quyết tâm cao ngất đáng ngưỡng mộ. Tôi tự hỏi sao một người có thể vẽ vừa chăm chú vừa thanh thoát như vậy được. Một vài ngày, một vài tuần hay một vài tháng đối với anh không thành vấn đề. Vẫn mỉm cười khi khách không thỉnh bỏ tới làm gián đoạn công việc, vẫn buông cọ xuống mặc áo ra ngoài đầu hẻm ngồi hăng buổi trước lý cà phê đá với bạn. Từng bức tranh tương tự nhau vút vường vải trên đường đi vốn dĩ chật chội trong phòng vẽ của anh. Thường, tôi lượm lại quan sát để rồi không thể kết luận được tại sao Tuấn gọi đó là *những bức tranh dẫn đường*. Dẫn đường vô nghệ thuật của người họa sĩ. Nhiều khi thấy tôi có vẻ quý những thứ liêng đi đó anh ái ngại cầm lên một hai bức, so sánh và vạch ra ưu khuyết điểm từng chỗ của mỗi bức, chỉ tường tận những vùng pha màu chưa đạt hay đường nét non nốt hiện diện làm hư toàn bộ bức tranh... Tôi nghe cũng chỉ hiểu lơ mờ thôi, thế giới của người họa sĩ thể hiện lên tranh qua màu sắc và đường nét nhưng là biểu tượng cho nội tâm đương biến chuyển, đương ngập tràn cảm xúc của người cầm cọ là thứ gì tôi cho rằng mình không thể một sớm một chiều mà hiểu được. Thôi thì cứ nghe. Cứ gặt gù cho bạn mình vui. Tôi thường lập

lại câu nói anh nghe lần nào cũng cười đồng tình bằng khóe mép: “Nhà văn và họa sĩ cùng là người có tín ngưỡng nhưng khác đạo. Chúng ta là kẻ ngoại đạo đối với nhau, chỉ có một thứ đồng điều duy nhất là có Đức tin.”

Vâng, họa sĩ Tuấn có Đức tin là mình thể hiện được xúc cảm đương có trong lòng khi sáng tác. Xúc cảm tràn lan, thay đổi như dòng nước chảy cuộn, như áng mây trôi mau thì đương nhiên anh sẽ thấy những đường nét trên khung vải vài ngày trước, thậm chí vài giờ trước, không còn phù hợp nữa. Phải bỏ, làm lại cho tới khi tranh và tâm hồn họa sĩ là một. Nói cách khác, bức tranh phải thể hiện được nội tâm họa sĩ ở một thời điểm đáng chú ý nào đó.

Tuấn tâm sự rằng anh tự bắt mình vẽ khuôn khổ là kết quả trui rèn từ những vị thầy người Pháp và các họa sĩ Việt tiền phong đã hết lòng chỉ dạy ngay từ khi anh bước vào trường nghệ thuật ở thủ đô nửa thế kỷ trước. Ông thầy có khi bắt anh vẽ đi vẽ lại cả trăm lần một đề tài và thường người thầy chỉ nói sơ rằng phải thay đổi góc độ của bức tranh hay biến đổi cách nhìn bằng màu sắc cũng như sử dụng sự tương phản hay hòa hợp của màu sắc. Những khi nói đến chuyện này Tuấn thường chỉ cho tôi tại sao có gam màu mờ mờ ở góc mặt của bức “*Hồ Hoàn Kiếm, Thu Vẽ*” hay tại sao có khung màu đỏ rực khi người nữ trong hình thì màu xanh tím của bức

“*Lửa Hè*”... Tôi *quan sát* sự giải thích của anh hơn là tiếp nhận ý nghĩa của những lời giải thích. Cách trình bày hăng say cho thấy anh tin tưởng hoàn toàn ở khả thể tiếp cận sự tuyệt đối của thẩm mỹ cũng như tin chắc tài nghệ mình.

“Trong các ân sư, tôi cảm ơn thầy Detrong vô cùng. Lúc trước mình tự ái, sĩ diện hão nhãn mặt nhũ mà khi bị bắt vẽ lại bây giờ mới thấy mình làm thất vọng thầy biết bao nhiêu. Tôi đã nói thầm là vẽ đi vẽ lại tới gần cả trăm lần ở tất cả mọi khía cạnh là chuyện vô lý và vô ích. Có lần tôi trả treo nói giỡn mặt với thầy rằng những bản vẽ thầy kêu phế bỏ đó sau này trở nổi tiếng bán cũng đủ làm giàu. Tội nghiệp ông thầy từ ‘chánh quốc’ qua ‘thuộc địa’ đào tạo học trò với cái tâm bao dung tuyệt cùng mà khi nghe trò nói vậy cũng chỉ cười nhẹ đáp: ‘Ai cấm anh giữ những bản bỏ đâu, nhưng giờ tới đó anh vẽ theo đường hướng giáo khoa cái đã. Họa sĩ nổi tiếng nào cũng bắt đầu vẽ theo trường ốc trước, mà phải đúng qui luật, dĩ nhiên có quyền thêm chút gì đó cảm hứng sáng tạo của mình. Đó là cơ bản.’

Anh biết không, sau này tôi nhận chân ra rằng vẽ tạm tạm, bồi bác cho có tranh cũng kiếm được chút tiền tuổi vậy, nhưng đó là cái tên tuổi do sự hiện diện, không phải do tài năng và tấm lòng của họa sĩ với nghệ thuật. Cái tên tuổi đó do lòng ham hố và do

thói xấu khinh thường người thường thức, nặng hơn nữa có thể nói là có mặt vì đã dám ra tay chém nát thân thể nàng nghệ thuật.”

Anh ngừng lại, tự thưởng mình bằng cách châm điều thuốc, hít hai ba hơi dài rồi mới nói thêm cho tròn ý. “Bên ngoài không bao nhiêu người nhận chân điều đó nhưng chính người họa sĩ thì biết rõ ràng chuyện mình làm có giá trị tới đâu.”

Anh nói rằng mình biết ơn tất cả các thầy trong trường. Những vị này không dùng lòng thương yêu để làm hư hỏng họa sĩ lớp sau mà bắt khó để họ có thể phát triển tài năng sau này nhờ đó sẽ đứng một mình, nhất là phát triển tình yêu nghệ thuật để đi với nghệ thuật suốt đời. Họ là đôi bàn tay nâng con gà đá độ lên để luyện cho nó phóng tới với những cú đá tuyệt chiêu như người họa sĩ được trui rèn tài nghệ để có được cái nhìn sắc bén với xúc cảm nghề nghiệp phổ vào đôi tay điều khiển cây cọ vàng...

Tôi còn nhớ khi anh nói câu này thì ngừng hơi lâu, lại rít thêm tới gần hết điều thuốc, ngó quanh quất chỗ bày biện giá vẽ, xếp xếp sắp sắp lại mấy cây cọ theo thứ tự lớn nhỏ. Có thể anh chờ đợi tôi thấm hiểu phần nào ý anh. Phòng hẹp trời mau tối, anh mở đèn, nói tiếp sau khi quăng tàn thuốc qua cửa sổ: “Tôi coi mình như con đại bàng, những suy nghĩ của bậc thầy trong hội họa từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim như những cơn bão



manh, mình làm con chim đại bàng dựa theo gió bay vút lên trên nền trời cao thể hiện sự mạnh mẽ và tự do của mình nhưng khi bay được thì bỏ hết gió bão đó để đến khung trời cao rộng khác, đỉnh núi khác.”

Tôi đỡ lưới làm thình, chỉ ú ở những âm thanh vô nghĩa, đầu óc quay cuồng với những ý nghĩ lạ lùng của bạn. Tôi nhớ đến Nguyễn Du bỏ Thanh Tâm Tài Nhân lại phía sau để truyền lại đời tuyệt tác *Đoạn Trường*. Tôi nhớ tới Tùng Thiên, Tuy Lý nhờ gió bão thi ca Thịnh Đường để có *Vỹ Dạ Hợp Tập*. Nhưng lịch sử cả nước có được bao nhiêu đại bàng, hay là bị chuyện này chuyện kia của thực tế rồi thì ôm ước mơ dang dở suốt nửa đời sau!

Nãy giờ ngồi trong phòng vẽ của bạn cả buổi trời tôi mới thấy một cái khung gầy lìa và một bức tranh rách được dùng để lót hai cái lon nước rửa cọ, tôi ngó bạn dò hỏi, Tuấn trả lời mà ngó lơ là băng quơ:

“Họ kêu lên cho biết tranh tôi đã vô chung kết nhưng bị loại vì lý do đặc biệt gì đó họ cũng chẳng nói cho biết, chỉ báo là sẽ được phát giải khuyến khích nếu chịu vẽ thêm khía cạnh tích cực vô góc trắng của tranh. Nghe họ nói tôi bỗng cảm ơn cái ông tướng võ biển đã thấy trước được bức tượng *Tiến Thương* của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu khi tượng chỉ còn là những nét vẽ nguệch ngoạc trên cái bao thuốc lá.

“Thôi thì mình rách bỏ nó còn hơn làm những điều mình không thích, giống như miễn cưỡng đi ăn đám cưới đứa con của một người quen sơ, quen vớ, phải ngồi chung bàn với đại gia, với quan chức mình chẳng quen biết gì, mất thời giờ và vắc bực bội về những khoe khoang hãnh tiến.”

Tuấn đứng lên, trình trọng bưng tới giao cho tôi một hộp giấy lớn, tha thiết xin bạn giữ giùm những bản phác thảo về bức tranh *“Hoạt Cảnh Thời Đại”* mà anh cứ mang mấy năm gần đây. “Ráp lại những phần sẽ vẽ thì có được

Tán thán công đức:

** vị Hoàng đế anh hùng đã lãnh đạo dân tộc Đại Việt đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông*

** vị Thiên sư Đại Việt lỗi lạc, Tô Sư sáng lập Thiên Phái*

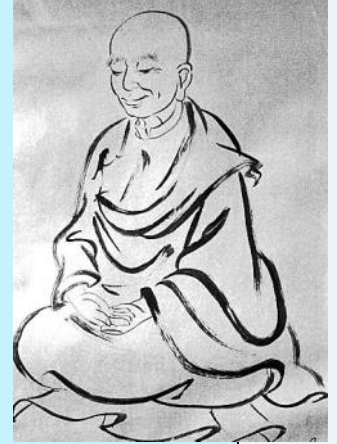
TRÚC LÂM YÊN TỬ

GIÁC HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG

*Ngai vàng, giẻ rách, khác gì đâu?
“Lạc đạo cư trần” vượt bể dâu.*

*Đánh đuổi giặc Nguyên, non nước vẹn,
Quay về rừng Trúc, kệ kinh sáu.
“Diên Hồng” hỏi ý: “Hòa hay Chiến”?
“Thập Thiện” dạy dân sống nhiệm mầu.*

*Hoàng đế-Thiên sư bi trí dũng,
Khí hùng Đại Việt tỏa tinh cầu!*



thơ **CHÂN MINH TRÍ**
Calif. Mùa Xuân 2016

một bức tranh bự tổ chẳng.” Anh vừa nói vừa cười vì cái tinh từ bình dân vừa mới xài.

“Mình ra đi. Nửa trắng thôi là biết đủ lành. Để được tự do vẽ không bị tay ngang ý kiến ý ruồi!”

Tôi nhận sự ủy thác của Tuấn. Lặng thinh không nói, như có linh tánh về sự không lành của bạn mình. Người họa sĩ cười cười:

“Chỉ là một chuyến đi, lên tàu ngồi ba bốn ngày là tới chứ đời sông lấp biển gì đâu mà mặt ông bi thảm quá. Đừng bắt chước người xưa khốc chia tay hay làm thơ tiễn bạn nhá ông mãnh! Đời người luôn có những trường hợp phải giải quyết. Cá nơn phải sáng suốt lựa chọn giải pháp tốt đẹp, hữu lý. Truyện về tranh cũng vậy, chọn đề tài thì dễ như ăn cháo nguội, nhưng vẽ làm sao, màu sắc gì, bố cục như thế nào là nan

đề và tùy bản lãnh của từng người. Nửa trắng thôi tôi sẽ bắt tay lại, vẽ những gì mình dự tính bấy lâu nay. Nửa trắng thôi! Nửa trắng thôi!” Tuấn lập lại một cách chắc nịch với nụ cười mà tôi có cảm giác như anh nói để tự trấn an mình.

Rồi Tuấn nắm tay tôi dục đặc bốn năm lần, thiếu điều không muốn buông ra.

Đã tới lúc phải ra về. Ôm cái hộp giấy bạn giao như nhận di sản bạn để lại. Tôi đi như người mộng du không biết nhờ đâu mà về được tới nhà an lành. Cái hộp giấy từ hôm tới giờ được đặt trên bàn làm việc trong phòng ngủ, chính ình trước mặt lúc nào cũng thấy. Cái hộp giấy gói ghém niềm ước mơ của bạn, người bạn đặc biệt tôi biết mình khó kiếm được người thứ hai.

Nguyễn Văn Sâm
(Victorville, 2016)

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



TUỒNG ĐỜI

Buổi pháp thoại thật hào hứng và thú vị. Có người phát biểu:

- Bạch thầy, con tin ở Phật Pháp nhưng lòng con vẫn phân vân. Đời sướng-khổ rất thật nhưng sao bảo là giả tạm, là có mà không thật?

Thầy cười:

- Thấy, biết theo từng cấp độ. Con và mọi người xem phim, tuồng... xem xong cảm thương nhân vật chính và ghét kẻ phản diện, đôi khi cái cảm giác này kéo dài rất lâu. Trong khi ấy, diễn viên diễn xong và nhận thù lao rồi đi chơi. Con có thấy không? có đấy mà không thật!

Ồ chúng vỗ tay vang dội.

AI VĨ ĐẠI NHẤT

Cuộc trà dư tửu hậu đang hồi sôi nổi, tranh cãi ai là người vĩ đại nhất trong lịch sử. Kẻ chọn Thành Cát Tư Hãn, người bầu vua Ba Tư... Riêng có một người ngồi im, thấy vậy cả nhóm xúm vào hỏi:

- Ý anh thế nào?

Bấy giờ anh ta lên tiếng:

- Theo tôi thì Alexandre Đại đế vĩ đại nhất, khi sắp chết để lại di mệnh rằng: "Bắt các thầy thuốc khiêng quan tài ta, quan tài đục hai lỗ để hai tay ta ra ngoài, châu báu của riêng ta vãi hết trên đường đi."

Mọi người gật gù:

- Thực, hư thế nào không biết? nhưng nếu đúng vậy thì đây là vị vua vĩ đại nhất.

KỶ ÁN

Quốc độ kia ở vào kỳ mạt nên có nhiều chuyện ly kỳ, quái đản. Quan lai những lạ, hà hiệp lương dân. Phên đầu ngả nghiêng, dân sinh quốc kể... đều bết bát. Có ông quan

to tham lam vô độ bị tố ra toà ấy vậy mà ông tòa bảo rằng:

- Nhân thân tốt, khiến trách là được rồi.

Cũng tòa hôm ấy xử đũa thiếu niên giật ổ bánh mì vì quá đói. Ông tòa xử mấy năm tù còn phán:

- Phải nghiêm trị làm gương!

Người dự khán bất bình lắm! Ký giả chạy theo phỏng vấn sao có sự thiên lệch vậy? ông tòa trợn mắt quát:

- Nhà báo có ý đồ gì mà đưa ra câu hỏi này?

THÀ MỘT LẦN ĐAU

Ba má tính gả cô Út cho con chú Ba. Xếp của ba ở cơ quan, đây là mối đàn hoàng, danh giá. Cô Út không chịu và cả nhà phát hiện Út là dân Lesbian. Mọi người xúm lại chửi mắng, nhục mạ tươi bời. Ba còn tuyên bố:

- Con phải lấy con chú Ba, không có bàn cãi gì hết!

Anh Út còn đe:

- Mày phải bỏ con bồ kia đi, bằng không tao muốn giang hồ xử nó!

Út quỳ xuống khóc lóc, van xin hết nước mắt mà chẳng ai động lòng. Phút tuyệt vọng nó đứng lên nhìn thẳng ba và anh hỏi:

- Ba và anh sẽ đau như thế nào nếu lấy phải cô vợ đồng tính mà giấu giếm?

Cả nhà há hốc mồm không nói được câu nào.



CHỈ QUAN MỚI ĂN ĐƯỢC

Trung thu rộn rã khắp phố phường, đèn lồng, ông lân, bánh mứt... Tiếng là Tết con trẻ nhưng với nhà Mỗ đây là dịp lễ quan để làm ăn suôn sẻ. Mỗ đặt làm những hộp bánh mà nhân là hạt xoàn, đá quý... Thằng con đi học về thấy bánh thì mừng lắm vội vàng lấy một cái ăn liền. Nó cắn phải hạt xoàn là răng mẻ một miếng, đau quá khóc la inh ỏi. Mỗ thấy vậy cũng nổi giận đùng đùng:

- Cho chùa cái tật tài lan, bánh này chỉ quan mới ăn được!

CHUYỆN FACE BOOK

Anh lấy vợ đô thành rồi ở luôn trên ấy. Vợ anh vốn thực dụng, coi trọng tiền không muốn mẹ anh lên chơi. Anh nói nhiều lần nhưng không được; vợ lại còn gây gổ. Anh ở thế kẹt rất buồn. Hôm nọ bạn anh lên face Book thấy anh viết rằng:

- Đời Xuân Thu có ông quan vào châu vua và được cho dự yến. Vua ban món gì cũng nhét tay áo chứ không ăn; các quan thấy vậy bèn cười nhạo: "Đồ nhà quê." Vua cũng lấy làm lạ bèn hỏi thì vị quan ấy trả lời: "Mẹ thần ở quê cả đời lam lũ chưa từng biết những món này. Thần nhịn đem về cho mẹ!" Cả triều đình lặng im, có người rơm rớm lệ.

Câu chuyện lan nhanh trên mạng làm bao người cảm thán thay.

STEVEN N

Atlanta, tháng 8/2016

Chuyện của Hương

ĐỒNG THIÊN

Tiếng hạnh réo the the ngoài cửa:

- Hôm nay bà có đi chơi với tụi tui hông? Lần này bà không đi thì tui tui không bao giờ rủ bà nữa đâu.

Mẹ Hương nói vào:

- Con đi chơi với bạn cho vui, ngày nghỉ ngồi nhà cũng không có gì làm đâu. Bạn bè ai cũng mền con kia mà.

Hương vui vẻ thay đồ xong chạy ra cửa đấm vào lưng Hạnh thùm thụp:

- Gì mà cậu réo dữ vậy, cậu cũng biết tách tui mà!

- Tui biết bà mà, học chung mười hai năm nay chứ ít đâu. Bà cứ như bà cụ non ấy!

Hương cười giả lả chứ không nói gì thêm. Hương vốn thanh mảnh và đẹp nhất lớp 12G, nhiều cây si vây quanh nhưng Hương vẫn tinh bơ. Đặc biệt nhất là Huy. Ai cũng biết Huy thương như thế nào nhưng Hương vẫn chẳng để tâm tới. Huy đẹp trai, học giỏi, hiền lành lại là một cây văn nghệ của trường, biết bao cô nàng kết Huy. Vậy mà Hương cũng chẳng màng. Có lần Hạnh bức mình bảo:

- Huy nó theo bà, kết bà quá trời mà bà chẳng để ý, chẳng rung động gì. Hay bà là dân Les?

Hương cười nói:

- Tớ không rung động thật đấy, nếu cậu muốn thì yếu lấy Huy đi!

Hạnh hù dọa:

- Tui mà cặp Huy rồi bà đừng có hối hận đó nha.

Nói thì nói vậy chứ Hạnh dư biết Hương mà. Ngoài giờ học Hương chỉ quanh quẩn ở nhà hoặc lên chùa phụ công quả với mấy dì. Tách Hương

thích trầm ngâm, hay suy tư; lòng nhân hậu của Hương rất lớn, biết đau với nỗi đau của những người bất hạnh, của những con vật chung quanh mình. Hương thường rủ hạnh lên chùa nhưng Hạnh thì không thích mấy. Hạnh có đi thì cũng vì nể bạn mà thôi. Có lần Hạnh đùa:

- Tui nghĩ hồng chừng mai một bà làm ni cô quá!

Hương trả lời:

- Tớ vẫn mơ ước như vậy!

Hạnh tròn xoe mắt ngạc nhiên rồi thốt lên:

- Tui xin bà đó, không được đâu! Bà đẹp như vậy, phải làm người mẫu, phải thành công ở đời cho cha mẹ vui. Bà làm ni cô không được đâu, đi tu khổ lắm, uống đời!

Hương trầm ngâm không nói gì thêm. Ngày tháng qua mau rồi kỳ thi tốt nghiệp cũng đến. Mọi người đều quần quít lo toan, có người còn lộ rõ sự căng thẳng... Riêng Hương vẫn cứ bình thản như chẳng có gì xảy ra. Ba mẹ Hương động viên:

- Con cố gắng hết mình nhé, tốt nghiệp xong ba đưa con lên đô thành thi đại học.

Ngày yết bảng tốt nghiệp tên Hương đứng đầu bảng. Ba mẹ mừng không xiết, bạn bè ai cũng chúc mừng Hương. Cả nhà mở tiệc mừng Hương. Hương quỳ xuống xin lỗi cha mẹ xong rồi nói:

- Con từ lâu đã có ý muốn xuất gia nhưng chưa có cơ hội. Con thấy cuộc đời này vốn mong manh vô thường. Chúng sanh cứ sanh-tử trong luân hồi khổ đau bất tận. Cho dù con có thành công gì trong đời rồi cũng lấy chồng, sanh

con, rồi cứ trôi lăn mãi như thế... Con thấy chỉ có con đường của Thế Tôn đi mới là con đường giải thoát duy nhất. Con lạy xin cha mẹ cho con được xuất gia. Năm trước con đã ba lần đến chùa Miên dưới ấp Cây Da nhưng ông Lục bảo: "Ta rất quý tâm thành của con nhưng ta không thể thân nhận con." Ông Lục ba lần từ chối nhưng không nói rõ lý do vì sao. Sau đó con đến chùa Qui Hương thưa với sư bà mọi sự và xin xuất gia. Sư bà nhìn con rất lâu không nói gì, sau đó sư bà bảo: "Ta muốn con tốt nghiệp trung học trước đã, sau đó hãy đưa cha mẹ con đến đây để ta thưa chuyện trước. Việc xuất gia không phải đơn giản như con nghĩ, cho nên ta không hứa trước điều gì." Ba mẹ có thể vì con đến thăm sư bà không?

Hương dứt lời thì ba ngồi lặng lẽ, mẹ nước mắt lưng tròng:

- Ba mẹ vốn là Phật tử thuần thành, nhưng nghe con nói muốn xuất gia thì lòng dạ cũng đau buồn. Mẹ sinh con ra mong lớn lên dựng vợ gả chồng, sanh con đẻ cháu chứ đâu mong con xuất gia. Cuộc sống tu hành kham khổ lắm. Mẹ không nỡ nhìn con sống trong khổ sở.

- Mẹ làm rồi, người xuất gia tuy sống đơn sơ, đạm bạc, ít nhu cầu vật chất nhưng tinh thần vô cùng an lạc, cái quan trọng là từ đây đi theo đường của Thế Tôn, tự giải thoát mình và cũng giúp cho người nương theo.

Ba lặng lẽ chiêu niệm trà rồi hỏi đủ rằng trong lòng ông cũng dư biết là Hương sẽ trả lời thế nào rồi:

- Con suy nghĩ kỹ chưa? Việc hệ trọng của một đời người chứ nào phải chuyện chơi!

- Đây là niềm mơ ước lớn lao mà con ấp ủ từ bao lâu nay chứ không phải nhất thời thưa ba - Hương trả lời.

Rằm tháng chín cả nhà Hương lên chùa lễ Phật, sau lễ sư bà mời riêng gia đình Hương ở lại.

- Thí chủ chắc cũng đã rõ mọi chuyện. Cháu Hương có đến xin xuất gia với lão ni tôi. Tôi quán sát căn duyên của cháu rất rõ ràng, thông minh, căn duyên rất tốt và hợp với bốn tự nhưng thật tình tôi muốn biết ý kiến của hai vị, mặc dù cháu Hương đã đủ tuổi trưởng thành nhưng mọi việc phải tùy duyên, tôi không thể nhận cháu nếu hai vị không chấp thuận.

Ba Hương quỳ xuống thưa:

- Kính bạch sư bà, làm cha mẹ ai cũng muốn con cái trưởng thành, dựng vợ gả chồng. Mấy ai muốn cho con xuất gia theo con đường tu học kham khổ. Thương con nhưng một khi cơ duyên của cháu đã chín muồi thì vợ chồng con cũng chấp thuận chứ không biết làm sao hơn!

Nước mắt vui sướng chảy xuống thành dòng, Hương sụp lạy cha mẹ, lạy sư bà. Lạy xong Hương ôm chầm lấy cha mẹ:

- Con cảm ơn công lao sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Ước mơ của con đã thành hiện thực. Con nguyện sẽ theo sư bà tu tập để không phụ công lao cha mẹ, không phụ sự tin tưởng của sư bà.

Ba tháng sau Hương chính thức được sư bà cho thể phát và nhập tự với pháp danh Diệu Liên. Sư bà gởi hy vọng vào Hương với pháp danh này sẽ là một đoá sen kỳ diệu. Một đoá sen kỳ diệu bắt đầu nở, nó mọc lên từ bùn lầy nhưng nó vượt lên trên bùn lầy và từ đây tỏa hương theo gió bay đi bốn phương trời. Hạnh và bạn đồng học nghe tin Hương xuất gia đều ngạc nhiên:

- Con Hương nó đẹp và giỏi giang thế, sao xuất gia uống vậy?

Nói xong Hạnh chột giật mình:

- Ô ! không được rồi, bây giờ đâu còn là Hương nữa. Chúng mình phải gọi là ni cô Diệu Liên.

Đồng Thiện

Georgia, tháng 8/2016

TA LÀ NGƯỜI VIỆT NAM

*Ta mang dòng máu Việt Nam
Bốn ngàn văn hiến giống giống Rồng Tiên
Dù đi qua khắp bao miền
Dù ra thế giới liên miền địa cầu
Dù ta đang ở nơi đâu
Rằng ta vẫn giống da màu Việt Nam
Chúng ta là người Việt Nam
Giữ gìn giòng giống giang sơn cõi bờ
Ta không quên quốc Tổ Hùng Vương
Ta không quên quốc Tổ Hồng Bàng.
Dựng xây nhà Việt Nam.*

ĐOÁ VÔ THƯỜNG

*Chim soi bóng nước tìm môi
Rồi tung đôi cánh lên đời kẻ bên
Em về ôn lại nguồn thiên
Sống vui sống khỏe trường niên với đời
Như chim vỗ cánh muôn nơi
Bay đi bay đến tuyết vờ quê hương
Hoàng hôn tắt nắng dỗi hờn
Hoa rơi về cõi ngọn nguồn yêu thương
Hoa rơi một đoá vô thường
Núi đồi giăng kín mù sương nhạt nhòa.*

thơ HỒ HƯƠNG LỘC

San Diego



PHÁP ÂM CÒN MÃI

Thích Nữ Giới Hương



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 6

Tại Hilton Orange County, Costa Mesa - Từ ngày 21 đến 24 tháng 7 năm 2016

Ảnh: Võ Văn Tường

Chiều mùa hè ngày 21, tháng 7, năm 2016, tại Khách Sạn Hilton Orange County (3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA 92626) thuộc thành phố Costa Mesa, Nam California, rộn rịp nhiều sắc y huỳnh vàng và áo nâu lam của quý Phật tử đồng hương từ khắp nơi về tham dự khóa tu 3 ngày 21-24/7/2016 dưới sự hướng dẫn Phật pháp và thực hành thiền tịnh của các giảng sư uyên thâm Phật pháp của đất nước Hoa Kỳ và Canada. Được biết đây là khóa tu lần thứ VI do Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ - Canada tổ chức và Ni sư Giới Châu cùng Ni sư Nguyên Thiện được tăng sai đứng ra đảm trách. Đây là lần đầu tiên giới ni đứng ra gánh vác Phật sự lớn lao cùng với tăng già hải ngoại.

Ni sư Giới Châu, Trụ trì Chùa Quang Minh, tại Northglenn, Colorado, đã tốt nghiệp *Cử nhân Phật học* ở Trường Cao Cấp Phật Học

Việt Nam, Sài Gòn; *Cử nhân Tâm lý học* của Trường Đại Học Denver; *Thạc Sĩ Tôn Giáo Học* tại trường Đại học Harvard, Boston, Massachusetts; *Thạc sĩ Tâm lý Xã hội học* (Clinical Social Work) của trường Boston College, Massachusetts và *bằng cấp Y tá* (Licensed Practical Nurse) tại Denver, Colorado. Ni sư đáng người nhỏ nhắn, hiền dịu, lời nói từ hòa, thường đi thuyết giảng và là một trong những ni trẻ trí thức tiên phong dẫn thân vào các Phật sự để giữ gìn mạng mạch Phật pháp tại Hoa kỳ.

Ni sư Nguyên Thiện, trụ trì Chùa An Lạc (Indiana), Chùa Lam Viên (Pearland, TX), và Chùa Huyền Không (San Jose, CA). Ni Sư tốt nghiệp *Cử nhân Báo Chí* tại trường Đại Học Khoa Học Xã Hội Nhân Văn, Việt nam, Chương trình *Phật học* tại ni viện Thiện Hòa (Đại Tùng Lâm) và tham dự *lớp phiên dịch Hán Tạng 3* năm của Cổ Hòa Thượng Tịnh Hạnh tại Chùa Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn. Ni sư và chúng ni của ba chùa rất trẻ trung, tài năng và đầy nhiệt huyết phụng sự Tam Bảo. Cả ba chùa đều có chương trình tu học sinh hoạt nhộn nhịp với mọi lứa tuổi, chẳng những cho cộng đồng Việt-Mỹ mà cả người Mỹ địa phương. Đây cũng là những chùa ni tiêu biểu cho giới ni trong việc hòa nhập với Văn hóa Phật giáo Việt-Mỹ.

Chương trình tu học ba ngày tại Khóa tu Bắc Mỹ lần thứ VI rất sôi nổi với nhiều pháp âm hướng dẫn tu tập và khai mở tuệ giác.

Hòa thượng Tín Nghĩa, Trụ trì Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas, TX) chia sẻ rằng: Giáo Hội Hoa Kỳ và Canada khổ công suốt 6 năm trời để mỗi năm tổ chức khóa tu. Phật tử từ các nơi cũng đáp lời mời, đến đây tu học, đưa chánh pháp vào đời. Có vị tham dự suốt



Ni sư Giới Châu và Ni sư Nguyên Thiện
(Ảnh: Võ Văn Tường)



trọn 6 khóa, có vị mới 2, 3 khóa hay là lần đầu tiên tham dự mà thôi. Chư tôn đức tăng ni rất nhiều Phật sự, nhất là các chùa “nhất tăng nhất tự” (một thầy một chùa), nhưng cũng về đây làm đèn sàng cho quý Phật tử, nên có ngài ở trọn 4 ngày hay chỉ 1, 2 ngày, nhưng tất cả đồng khuyến tấn ca ngợi tinh tấn học hỏi và truyền bá chánh pháp. Giáo hội thao thức trao Phật pháp cho Phật tử tại hải ngoại để về bến giác trong một ngày rất gần. 5 khóa vừa rồi là do chư tăng tổ chức. Khóa 6 này là do Ni sư Giới Châu và Ni sư Nguyễn Thiện đứng ra. Mong các chư ni còn lại cũng theo bước nhệ vị ni sư này.

Hòa Thượng Thái Siêu, trụ trì Niệm Phật Đường Fremont (CA) chia sẻ có hai niềm hãnh diện về Phật giáo rằng:

Hội đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 54 đã đồng ý lấy ngày Vesak (Ngày Phật Đản) là ngày lễ toàn quốc.

Đạo Phật lấy 5 giới cấm làm nền tảng. Đây

cũng là nền tảng của đạo đức căn bản của các xã hội.

Hòa thượng cũng giảng và so sánh về ăn chay và phóng sanh. Phóng sanh thả chim, cá ra, rồi lại bắt con khác ăn, cũng vô đó (thành ra phóng sanh trở nên vô nghĩa); nên ăn chay vẫn là có phước hơn người ăn mặn (thường hay phóng sanh). Phật tử nào muốn thọ Bồ tát giới mà ở nơi không có giới sư truyền giới, thì vị ấy có thể tha thiết đứng trước Tam bảo phát nguyện thọ giới, nhận giới, vì Bồ tát giới là tâm địa giới.

Hòa Thượng Nguyên Siêu, trụ trì chùa Phật Đà và Pháp Vương (San Deigo và Escondido, CA) khuyến nhủ rằng chúng ta đang đi trên con đường lịch sử Phật giáo của trên 3000 năm, với sự giác ngộ và hạnh nguyện của Đức Phật Thích Ca, các thánh đệ tử và chư vị lịch đại tổ sư. Khóa tu học ba ngày là khóa tu “truyền diệm tục đăng”, để nối tiếp đèn Phật pháp nở rạng khắp nơi.



(Photos by Võ Văn Tường)

Hòa thượng Bổn Đạt, trụ trì Chùa Phổ Đà (Canada): Chúng ta có mặt tại khóa tu Bắc Mỹ lần thứ VI này là một hạnh duyên, một thắng duyên, trong khi xung quanh đang chìm trong chiến tranh tàn sát hỗn loạn. Vậy chúng ta có phước báo gì? Chúng ta đã tích tập phước báu chẳng những trong một kiếp này mà nhiều kiếp khác, mới có thắng duyên tụ hội về đây cùng an vui tu tập.

Mỗi chúng ta không phải có một thân mà thật ra có rất nhiều thân. Chúng ta đang mượn đất nước gió lửa làm thân thì có ngày phải trả lại cho đất nước gió lửa. Nhưng chúng ta có một thân thật, đó là pháp thân. Pháp danh mà mỗi Phật tử đang có là nhắc chúng ta nhớ về các hạnh đức của pháp thân, để tu tập trở về với pháp thân đó. Chúng ta bươn chải trong cuộc sống, rồi có một ngày, thân đất nước gió lửa sẽ trả về lại cho vô thường, còn pháp thân thì vẫn còn nghèo thiếu, chưa hiển bày chơn như diệu dụng. Mỗi khóa học, các giảng sư nhắc cho chúng ta nhớ lại pháp thân của mình, đem pháp thân mà phụng sự muôn loài các cõi. Xác thân đất nước gió lửa này là đá nặng, chúng ta đã và sẽ mang đi trong nhiều kiếp sanh tử luân hồi. Pháp thân là ngọc ngà trong chéo áo của chúng ta. Hãy bỏ đá mà lấy ngọc. Hãy suy tư điều này và làm hiển bày diệu dụng ngọc pháp thân này trong khóa tu học hôm nay.

Hòa thượng Thông Hải, trụ trì Thiền Viện Chân Không (Hawaii) và Tu Viện An Lạc (Ventura, CA) khuyến tấn rằng chúng ta ở xứ Mỹ, mỗi người mỗi nơi, chùa chiền, thầy tổ, bạn đồng đạo xa xôi. Nay quý vị nhín ít thời gian về đây để nhìn thấy hình bóng thương yêu của quý thầy cô và các thiện hữu tri thức kính quý để chia sẻ tinh thần giáo pháp, để thấy rằng đời mình là hạnh phúc và cố gắng để tâm tu học, gạt hái những gì cho tự tâm, làm hành trang giải thoát.

Hòa Thượng Minh Dung, trụ trì chùa Quang Thiện và Tu Viện Sơn Tùng (Ontario và Pheland, CA) chia sẻ về đề tài 30 năm sống và làm việc ở Hoa Kỳ cũng như một số vấn đề văn hóa giữa Đông và Tây. Văn hóa Việt Nam rất gần gũi với dân quê, rất thân thiết bình dị. Đến Mỹ, dưới ánh mắt của người Mỹ, các bậc xuất gia là các vị lãnh đạo tinh thần của tôn giáo, phải tuân thủ pháp luật, bởi lẽ văn hóa Mỹ: "Nói là phải làm." Một tiến sĩ Phật giáo dạy đại học, đi nhiều nước Á Châu đề nghị rằng: "Các vị lãnh đạo Phật giáo nên thực hành đúng như lời mình đã giảng."

Sơ sánh Thiên Chúa Giáo và Phật giáo: Thiên chúa giáo có giáo luật của Giáo Hội, còn Phật giáo dựa vào quần chúng Phật tử. Họ là những người đóng thuế "volunteer", để nuôi "giáo luật" sống của chúng ta. Thiên Chúa giáo có những cách thức để giữ sự kính trọng và khiến các con chiền vâng lời các cha, mục sư. Phật giáo thì tất cả đều từ sự tự nguyện và tùy tâm.



Trong một ngôi làng, vị thầy trụ trì thường là những người lãnh đạo dân làng, lo cho dân làng về nhiều việc trong đời sống hàng ngày như coi ngày, quan hôn, tang tế, vv. Ở Mỹ, cũng thế, mỗi ngôi chùa phải là một nơi cố vấn tinh thần cho Phật tử, để an ủi, giải quyết và giúp đỡ nhiều vấn đề tâm linh, xã hội và gia đình, nhất là trong bối cảnh phức tạp giao thoa giữa hai nền văn hóa Việt-Mỹ.

Thượng Tọa Tâm Hòa chia sẻ về vấn đề không có sự xung đột giữa Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa và Kim Cang thừa. Trong giáo lý của Đức Phật, Đức Phật nói pháp không có mâu thuẫn, phân biệt, như trận mưa rơi xuống bình đẳng đều khắp nhưng tùy theo khả năng của cây mà lượng hút nước có khác, như cây nhỏ thì hút ít nước, cây lớn hút nhiều nước hoặc cây không có gốc thì không thấm nước được. Cũng thế, pháp của Đức Phật chia ra có: Đại, trung, tiểu và Kim cang thừa. Tùy theo khả năng tiếp nhận; như điện có 1000 watt, 100 watt hay 100 volt. Khả năng mình chỉ có 100 volt mà lại sử dụng điện 100 watt thì đứt bóng liền. Tùy theo khả năng, trình độ, căn cơ của chúng mà tiếp nhận, chứ pháp của Đức Phật không có xung đột, không có cái gì phân sư, phân thầy, khi chúng ta đi theo pháp môn khác. Phật tử là Phật tử của mười phương, tuyệt đối tự do, nhưng chúng ta khéo léo lạy Thầy để xin cho qua học pháp môn khác vì thích hợp để tu với con. Nếu chúng ta có niềm tin thì chúng ta sẽ hấp thụ được các pháp của Đức Phật. Thật ra, thiên, tịnh, mật, Kim cang đều tương ứng với nhau vì cùng đưa đến một mục đích.

Thượng Tọa cũng chia sẻ về lý tin sâu nhân quả. Nếu chúng ta tin nhân quả một cách sâu sắc, có nghĩa là không bị mê muội trong nhân quả: "An trú như vậy, có mặt như vậy và ra đi như vậy."

Nhân là gieo. Quả là kết quả. Nhân là những điều chúng ta làm. Tư duy là nhân. Chủ động là nhân. Có những chuyện đến ngoài ý muốn của mình, đây là quả. Ví dụ: có ai muốn bị quịt nợ đâu? Có ai muốn bị bệnh ung thư đâu? Đây là quả. Khi chúng ta bị gạt lấy hết gia sản thì đạo Phật không khuyến khích đi tìm luật sư để thưa kiện. Nếu chúng ta chiêm nghiệm thì những người quịt nợ ấy chính là những người thân, người thương của mình (kiếp này và nhiều kiếp khác). Luật sư kiện cáo thì có thể sẽ lấy lại được của. Nhưng học Phật, chúng ta biết nhân quả, tin sâu nhân quả, biết đây chính là quả xấu của mình đã gieo, thì không cần tìm luật sư kiện. Cũng như tin sâu nhân quả thì không cần coi ngày tốt xấu.

Thượng Tọa Thiện Thái, Chùa Tịnh Luật (Houston, TX) chia sẻ về Gia tài của bậc thánh, trong đó thầy nhấn mạnh về "khai thị ngộ nhập Phật tri kiến" mà kinh Pháp Hoa đã đề cập. Tri kiến thật của Như Lai là Phật tánh, không bị lửa cướp mất hay nước chìm chìm. Lúc nào gia tài Phật tánh ấy vẫn ở nơi mình. Như

có người bạn giàu giấu viên ngọc trong chéo áo người bạn nghèo mà người bạn nghèo không biết mình có ngọc và cứ mãi bán cùng đi ăn xin. Cũng như vậy, mỗi chúng ta có gia tài thánh nhân trong thân tâm mà không tự biết. Giàu tài ấy chính là pháp thân, Phật tánh nơi mỗi chúng ta.

Thượng Tọa Đức Trí, trụ trì Chùa Tam Bảo (Oklahoma): Trong quá trình hình thành và phát triển Phật giáo, Phật tử Việt Nam tiếp nhận ba truyền thống tu tập chính yếu, đó là Thiên, Tịnh và Mật; nếu vận dụng tu tập đúng pháp thì có khả năng giải hóa mọi phiền não và được giải thoát. Ba pháp môn này là tư tưởng chủ đạo làm nên Phật giáo Việt Nam trong quá khứ cho đến hiện tại... Điều chúng ta lưu ý, các pháp môn tu đều là phương tiện, nhưng phương tiện nào mà chúng ta tu tập thích hợp, có sự an lạc, giải thoát thì nên áp dụng.

Thượng Tọa Tâm Thành chia sẻ thiền đơn giản chỉ là một nghệ thuật sống tỉnh giác liên tục. Vạn pháp trong vũ trụ có liên quan với nhau. Cổ nhân nói: "Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết mới sống". Nhiệm vụ của chư Phật thị hiện ta bà như trong kinh Pháp Hoa nói: thấy biết tỉnh giác như thật, tức biết tánh Phật này. Tỉnh giác biết uống nước đúng thời. Uống nước vừa phải thì giúp mình. Uống nhiều thì hại. Uống sai thời gian cũng hại. Sáng cần uống thì không uống, để cả ngày hao năng lượng. Chiều là âm mà uống nước nhiều thì không tốt.



Tỉnh giác biết là mình đang đi kinh hành: từng bước chân đi giữa ban ngày với ánh sáng đầy đủ. Còn vừa đi vừa nói chuyện bện rộn với điện thoại di động thì ánh sáng bên ngoài đầy đủ, nhưng ánh sáng bên trong chưa đầy đủ. Đặt một bước chân là cảm nhận được cái gì đó. Vừa chạm chân là tỉnh liền – tùy theo tuệ giác và khả năng ứng đối. Đừng có đại đột đặt bước chân trong thất niệm thì lúc đó Bồ Tát Quan Thế Âm, Dược Sư, Thích Ca, ai là người bảo vệ cho chúng ta? Cho nên phải chánh niệm. Phật tánh tự bảo vệ nhắc nhở mình, như hoa lan để trong phòng thì tự nhiên sẽ vươn ra cửa sổ để tìm ánh nắng và hơi thở. Đây là nhậm vận diệu dụng tự nhiên của tánh biết. Thiền giúp ta khám phá tánh biết như nó hiện đang là, như đúng với bản chất thật của nó.

Đại Đức Quảng Định, Phật Học Viện Quốc Tế (North Hills, CA), đã từng học ở các trường thiền nổi tiếng ở Miến Điện, đã chia sẻ với học viên về thiền Vipassana như sau: Vipassana nghĩa là minh sát tuệ, thấy sự việc đúng như thật. Quý Phật tử thực tập quán số tức, tác ý nơi hơi thở vào ra ở lỗ mũi. Hệ chúng ta thất niệm, tán loạn, thì sẽ không thấy có hơi thở. Nếu thấy hơi thở ra vào là có định. Hít vào thở ra đếm từ 1-10. Ngài Budhagosa dạy cách đếm này, chứ Đức Phật chỉ kêu chúng ta xem hơi thở dài hay ngắn, để đỡ mệt.

Bước đầu thì đếm, sau đó được tạm định tâm rồi thì bước qua giai đoạn 2 là quán thấy hơi thở dài hay ngắn. Chánh niệm liên tục, không bỏ sót suốt chặng đường từ khi hơi thở mới vào và hơi thở đi ra. Tập ít nhất là một tiếng đồng hồ. Quán theo dõi thấy hơi thở an lành, không gấp rút, không nặng nề... Tùy theo sự tinh tấn của chúng ta mà có kết quả. Thực tập rất là vi tế (delicate). Chúng ta có ý cho an tịnh, chứ không đè nén bắt nó an tịnh (Please do not use a force. Let it is comfortable).

Khi chúng ta làm việc hay tụng kinh thì không để ý biết mình đang thở, nhưng khi ngồi thiền chánh niệm thì thấy biết có hơi thở ra vào. Tập một thời gian mới biết mình có chánh niệm hay thất niệm (something interferes). Ngồi thiền ít nhất cũng 1 tiếng. Tê chân cũng quyết chí ngồi, mạnh mẽ cứ để cho nó tê. Tu có nhiều trình độ: tu văn nghệ, tu rục, tu giác ngộ và tu an lạc giải thoát. Nếu tu thật thì đau chân vẫn cứ để cho đau, có chết đau mà sợ, xả thiền thì cái đau biến mất, đau có làm cho mình chết đau và không có ảnh hưởng gì. Nên Phật tử phát tâm ngồi thiền lâu thêm một tí. Ngồi tụng kinh 1 tiếng đồng hồ, không thấy đau chân hay đau lưng, vì tụng nên không biết, nhưng ngồi thiền mới một chút là biết đau lưng hay đau chân liền. Vì ngồi thiền là ngồi chiếu soi, nên cái gì hiện ra là biết liền. Khi tê chân, cứ mặc kệ cho nó tê, chứ đừng buông ra, là thất bại.

Ni sư Thuten Chodron giảng cách thức làm chủ tâm sân hận. Khi phát sanh tâm niệm sân hận, chúng ta nên quán chiếu tùy trường

hợp hoàn cảnh và nhân duyên, rồi theo đó mà phản ứng và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, cũng tùy thuộc vào công phu tu tập và thói quen hàng ngày của chúng ta. Ví dụ, khi gặp việc không như ý muốn, dù không tức giận bùng bùng, nhưng phản xạ tự nhiên chúng ta cũng dễ đỏ bừng mặt và tay chân khó chịu. Nếu như vậy, nên tập trung tâm vào một việc làm khác, không nên phản kháng mạnh mẽ, quyết liệt, khiến cho hoàn cảnh căng thẳng, để tăng thêm sân hận, như đổ xăng vào lửa. Tốt nhất là bỏ qua việc không vui này, để tránh nhận lấy quả báo xấu trong tương lai và tránh sự đáng tiếc xảy ra, vì Đức Phật đã dạy: "Quyết định hay phản ứng việc gì trong trạng thái tâm sân giận thì dễ đi đến sai lầm." Thế nên, quý Phật tử phải nhạy bén trong mỗi trường hợp.

Ni sư Giới Châu, trụ trì chùa Quang Minh (Northglenn, CO) trong một buổi sáng đã chia sẻ câu chuyện rằng có 1 người cha và hai con trai đều là bác sĩ. Họ muốn biết có thể giới bên kia không? Người cha hứa, khi cha chết cha sẽ về báo cho hai con biết. Sau khi cha mất hai năm, hai người con trông chờ hoài không thấy cha về báo tin. Một hôm các bạn đồng nghiệp chơi cờ, ông bỗng ứng về và nói: Thực sự có thể giới bên kia. Cha rất vui cha không làm điều xấu khi còn sống trên trần gian. Một điều làm cha rất hối hận là có những việc tốt cha cần phải làm, mà cha đã không hoặc chưa làm. Do đó, muốn tránh sự hối hận sau khi mạng chung, chúng ta cần làm nhiều điều tốt đẹp, lợi lạc cho nhiều người mà chúng ta có thể làm hôm nay.

Do thắm thía lời dạy của các vị bác sĩ này, nên bây giờ những việc tốt gì chúng ta dự định làm thì nên làm liền ngay, như *dự định tu học khóa Bắc Mỹ lần thứ 7 thì lấy ngày nghỉ và đăng ký liền* (vỗ tay). Và một ý nữa quý Phật tử tu học giáo pháp, nghe nhiều và học nhiều quá, dễ bị rối. Nên chọn một pháp môn và đi cho đến nơi đến chốn.

Ni Sư Giới Huệ, trụ trì chùa Từ Bi (WI) giảng về Tứ Vô Lượng Tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả). Bốn đức tính này là phẩm hạnh của các bồ tát và chư Phật. Từ là tình thương ban vui. Bi là



cứu khổ. Hi là hoan hỷ tất cả việc thiện lành của mình và người. Xả là buông xả, không chấp trước. Tất cả chúng ta ai cũng cố gắng bốn đức vô lượng này như chư Phật, nhưng vì chúng ta quên mà không hiển bày thôi. Hôm nay tu học để thực hành và trở về với phẩm hạnh đó.

Đức Phật đã dạy rằng ai an trú trong căn nhà tử bi hi xả thì thân tâm sẽ được bảo vệ an toàn trước mọi kẻ thù phiền não và sân hận. Nơi đó chúng ta sẽ có sự an lạc và hạnh phúc. Tử bi phải có trí tuệ. Cái khổ của con lạc đà kéo xe, chưa phải gọi là khổ, mà cái khổ do vô minh, không có Tứ Vô Lượng Tâm, không biết lẽ thật, mới gọi là khổ.

Ni sư Liên Diệp, trụ trì Chùa Kim Cang (Ihio) chia sẻ về Tứ Nhiếp Pháp: Bồ thí nhiếp, Ai ngữ nhiếp, Lợi Hành nhiếp và Đồng sự nhiếp. Đây là bốn pháp cảm hóa người khác một cách hữu hiệu, là những hạnh tu của những người có tâm Bồ tát, muốn hiển dương cuộc đời mình với lý tưởng "Thượng cầu Phật Đạo, hạ hóa chúng sanh" (trên cầu thành Phật, dưới giúp chúng sanh). Bồ thí là mới phát khởi Bồ đề, an trú căn bốn chủng tử Bồ Đề. Ai ngữ là tu tập thực hành Bồ Đề, nuôi lớn mầm, thân, cành, lá Bồ đề. Lợi Hành là không thối thất Bồ đề, là từ từ triển khai ra hoa Bồ đề. Đồng lợi là Nhất Sanh Bồ Xứ, tự có khả năng thành tựu đạo quả Bồ đề. Bốn pháp này sẽ giúp "Như Lai sứ giả" hoàn thành mỹ mãn sứ mạng độ sanh của mình.

Sư cô Thanh Trang, Chùa An Lạc (Indiana) là một vị ni trẻ tuổi, nói tiếng Anh rất lưu loát, nên thường phụ trách hướng dẫn và sinh hoạt với các em thiếu nhi. Sư cô tập cho các em hát với giai điệu rất vui tươi và trẻ trung:

"Dear Friends, Dear Friends,
Let me tell you how I feel?"

You have given me such treasures. I love you so."
(*Này bạn thân thương, để tôi sẽ nói cho bạn nghe cảm xúc của tôi. Bạn đã cho tôi những giá trị tình thương quý giá. Tôi yêu bạn vô cùng*).

Sư cô còn tập cho các em đánh chuông, mõ, khánh, hòa theo nhịp bài hát về Quan Thế Âm: "Namo Valo kites vara haya" trầm bổng du dương lên xuống, cũng như sư cô còn tập cho em cách nhớ tên các người bạn trong hội của mình bằng những trò chơi vui nhộn vang đầy tiếng cười trẻ thơ.

Mục sư David Scott được ban tổ chức mời lên phát biểu cảm tưởng. David Scott, chủ tịch của dòng Thiên Chúa Thomas Amerson, nói rằng ông sống ở thành phố South Ben và là Phật tử chùa An Lạc, Indiana. Khi còn thanh niên, David thường xem video về Đức Đạt Lai Lạt Ma và thường đến chùa An Lạc sinh hoạt. Sư phụ Nguyên Thiện đã giúp ông hiểu về lòng tử bi (Big Heart). Sư phụ nhận David - một người Châu phi da đen to cao và một Mục sư Thiên Chúa giáo để làm đệ tử. Chùa An Lạc có nhiều người trẻ tuổi của các tôn giáo khác đến học đạo tử bi. Sư phụ là người bạn tâm linh của ông và của nhiều người.

Mục sư David là một người có thẩm quyền trong một số nhà thờ Thiên Chúa giáo. Ông hứa

sẽ giới thiệu Ni sư Nguyên Thiện đến với cộng đồng Thiên Chúa Giáo của ông để giảng pháp và giao lưu văn hóa. Mục sư cũng nhấn mạnh truyền thống tổ tiên ông bà Việt Nam rất quan trọng mà cộng đồng Việt-Mỹ đã giữ được tại Hoa Kỳ này. Cộng đồng Việt Nam và Châu Phi là những nhóm dân tộc thiểu số (Minority) ở Mỹ. Giống như Châu Phi, ông rất vui khi thấy người Việt giữ được truyền thống văn hóa Việt Nam tại xứ sở Hoa Kỳ này.



Hình Ni sư Giới Châu, Ni sư Nguyên Thiện, Mục sư David Scott và thông dịch viên tiếng Anh: sư cô Thiện Ngọc (Anh: Võ Văn tướng)

MC Thích Hạnh Tuệ chia sẻ thêm rằng theo tinh thần của đạo Phật Việt Nam truyền thống, người tu sĩ thường khép mình trong chốn tu viện, không cho đọc kinh điển ngoại đạo và ít tiếp xúc bên ngoài. Đây là một hạn chế. Chúng ta đang sống giữa đất nước Hoa Kỳ - United States, một xã hội đa văn hóa, đa chủng tộc cần có sự giao thoa lẫn nhau giữa liên tôn giáo như những gì mục sư David vừa nói. Ni sư Nguyên Thiện đã kết nối được việc này. Giáo lý Phật đà cần thấm vào dòng chảy của nền văn hóa Phương Tây. Cần tinh thần dẫn thân ra bên ngoài xã hội, học hỏi bên ngoài và kết nối bên ngoài của người tăng sĩ...

Tóm lại, còn nhiều những pháp âm, lời khai thị và cảm tưởng đầy ý nghĩa khác của chư tôn đức giảng sư đã giúp cho các học viên hiểu biết thêm về liên tôn giáo, về văn hóa Việt-Mỹ, về tu học Phật pháp làm sao để có đời sống hạnh phúc và an lạc. Tất cả đều mong cho khóa tu Bắc Mỹ lần thứ 7 được tổ chức sớm để tất cả được kết nối tình đạo trên con đường giải thoát. Khóa tu học được thành tựu tốt đẹp. Đó là nhờ ân Tam bảo gia hộ, đặc biệt nhờ sự cúng dường thực phẩm, bông, hoa trái, nước đèn, tịnh tài của các chùa như Chùa Phật Tổ, Chùa Bát Nhã, Chùa Liên Hoa, Chùa Trí Phước, Chùa Huệ Quang, Tổ Đình Minh Quang, Chùa Đại Bi, Hòa Thượng Thông Hải, Thượng Tọa Tâm Thành, sư cô Ngọc Liên ...; các Phật tử Chân Hải Ngọc tổ chức tiệc chay ở Colorado; các Phật tử Mỹ Kha, Mỹ Hạnh, Diệu Tín mở tiệc chay ở Houston, TX; Dr. Huỳnh Tấn Lê, ký giả

Võ Văn Tường, BS Nguyễn Hữu Tuân và Diêu Thủy, nhóm Thiển Ca Tuệ Đăng... và rất nhiều các ân nhân và phật tử có tâm đạo mà danh sách kể hoài không hết. Công đức tán thân hoài cũng chưa đủ. Xin tất cả hoan hỷ và nhận nơi đây lòng tri ân vô cùng của Ban Tổ chức.

Tuệ giác cần thấp sáng liên tục. Khóa Tu Học Bắc Mỹ lần thứ VI năm 2016 kết thúc thì chuẩn bị cho Khóa VII. Một lần nữa, với lòng bi nguyện đại lao, Ni sư Nguyên Thiên cùng tất cả Ni chúng của ba chùa: An Lạc, Huyền Không và Lam Viên xin dâng cai và gánh vác tiếp trọng trách cho năm 2017. Hãy nghe lời bệch bạch chân tình của Ni sư:

"Chúng con thành tâm tri ân Hòa thượng Chơn Thành, HT Phước Thuận, HT Thiện Long... đã ban bố cho những lời chỉ dạy trong lúc bế tắc. Trên có chư tôn đức, bên cạnh có các huynh đệ và quý ni sư, sư cô trẻ, các hàng Phật tử đã sát cánh đồng hành trong Phật sự. Chúng con thấy ấm áp và xúc động vô cùng vì nhờ những tấm lòng đó mà Ban tổ chức được thành tựu.

Về với khóa tu là tìm một hướng đi loại bỏ tham sân si, áp dụng chánh pháp trong cuộc đời sanh tử bể dâu này. Về với khóa tu như về với tổ tiên thầy tổ, đàm đạo với các Phật tử. Cảm ơn các đài truyền thông báo chí, các Phật tử ở Hoa Kỳ-Canada đã nhất tâm cầu nguyện và ủng hộ.

Chúng con vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Chúng con nguyện lấy những khiếm khuyết hôm nay làm bài học cho tương lai. Xin quý ngài và quý Phật tử đồng tâm tha thứ.

Thật sự trong một năm qua, chúng con trông từng ngày từng giờ để đóng sổ khóa tu học. Chúng con không đi nhập hạ năm nay để lo cho khóa tu chu đáo. Con không ngờ lại thay đổi bài tác bạch bởi vì chúng con phải tiếp tục lo âu cho tới sang năm 2017. Bởi vì quý Ôn trần trở tìm người dâng cai, cuối cùng chúng con và chư ni trong ba chùa: An Lạc, Huyền Không và Lam Viên xin đứng ra để nhận. Chúng con là ni giới, là con gái. Quý thầy là con trai, nay chư ni tiếp tục lãnh trách nhiệm, chúng con xin làm với hai điều kiện:

Thường khi con cái muốn thưa chuyện với cha mẹ, phải thưa thỉnh đàng hoàng, trang phục uy nghiêm. Nhưng con ở xa, chỉ gọi phone với quý ôn, để giải quyết nhanh sớm cho xong công việc. Xin cho phép chúng con đơn giản nghi thức trong khi trình việc với quý ôn.

Xin các chùa và các Phật tử nhận tờ Chuyển Pháp Luân (cúng \$5/1 tháng x 12 tháng = \$60; \$60 x 3 năm = \$180 thì nhớ gởi lại, để ban tổ chức chúng con mới có tịnh tài tổ chức. Chư tăng ni là giữ gìn Phật pháp. Quý Phật tử là đồng vai sát cánh với chư tăng ni mà giữ gìn mạng mạch Phật pháp, nên xin đồng sát cánh với chư ni chúng con.

Một lần nữa kính dẫn lễ quý Ôn đã thương tưởng mà giao việc nặng cho chư ni chúng con."



Để kết luận, **Hòa thượng Thắng Hoan**, trụ trì Tịnh Thất Viên Hạnh (Sacramento, CA) đã có lời tán thán rằng: Đảnh lễ tri ân hai Giáo hội Hoa Kỳ - Canada đã gian nan vô cùng để liên tiếp tổ chức 6 khóa tu học, đã cố gắng hoàn thành sứ mạng thiêng liêng để thế giới biết đến khả năng hoạt động của Phật giáo hải ngoại.

Ni sư Giới Châu và Ni sư Nguyên Thiên đã hy sinh để thay thế Giáo hội mà đảm trách gánh vác Phật sự. Có Tam bảo và hộ pháp gia hộ nên khóa tu học lần thứ VI đã thành tựu. Nay chư ni, đại diện là Ni sư Nguyên Thiên và ba chùa An Lạc, Huyền Không và Lam Viên lại tiếp tục đứng lên gánh vác. Các Phật tử ở Việt nam và khắp năm châu bốn biển đều theo dõi và tán thán. Như vậy là thể hiện tình đoàn kết trong "Nam nữ bình quyền". Nam thành Phật. Nữ cũng gánh vác. Như vậy cho thấy chẳng những Tăng giới mà Ni giới cũng có trách nhiệm. Giáo hội và Phật tử khắp Năm Châu bốn biển đã đặt trọn niềm tin "Như Lai Sứ giả" trên vai của ni giới.

Bông hoa nào cũng đẹp. Mỗi bông hoa tỏa ra mỗi nét đẹp để trang nghiêm đời và đạo. Mong sẽ có nhiều vị ni nối tiếp nữa... Đêm đã khuya, lời bài hát "Cảm Ơn" của chư ni chùa An Lạc vẫn còn vang vọng trong sứ mệnh "phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật":

*Cám ơn đời, cám ơn người
Cho ta cơ hội nói lời tri ân
Cám ơn vô lượng hoá thân
Trải con tim rộng dệt thành trang kinh.*

*Cám ơn tiếng gọi chân tình
Nổi vòng tay lớn, bình minh lên đường
Cám ơn sợi nắng chiều vương
Cho con chim nhỏ sau vườn hát ca...*

Chấp bút tại Thư Phòng Chùa Hương Sen,
Đêm mùa hạ, ngày 26/7/ 2016
Thích Nữ Giới Hương

thơ CHÚC HIỀN

HOÀI NIỆM TÌNH MẸ

1- Mẹ để con vào dạ
Nâng niu mười tháng trường
Đi, đứng, làm mọi việc...
Vun đắp tình yêu thương!

2- Rồi đủ ngày đủ tháng,
Con bật khóc chào đời.
Tròn ba năm nhũ bột,
Mẹ không hề buông lời!

3- Dỗ dành con giấc ngủ,
Tay mẹ bế ấm bông,
Giã gạo mẹ chẳng ngại,
Nhọc nhằn nuôi nấng con!

4- Có những đêm thức trắng,
Mẹ ôm con vào lòng,
Niềm riêng mẹ khép lại,
Ôi tình mẹ sắt son!

5- Từng bước chân chập chững,
Con trẻ đi vào đời.
Mang theo tình của mẹ,
Đẹp như là trong mơ!

6- Hành trang con, mẹ gói,
Trên ánh mắt vành môi,
Trong tận cùng sâu thẳm,
Lúc đứng đi năm ngời!

7- Giữa dòng đời nghiệt ngã,
Mẹ mong con nên người.
Từng bước chân vững chãi,
Niềm vui mẹ tràn nơi...

8- Thế rồi con khôn lớn,
Con học, con đi làm
Gầy công danh sự nghiệp,
Mẹ mòn môi trông nom!

9- Lúc con đi về muộn,
Khi con trẻ u buồn,
Lòng mẹ đau như cắt,
Mắt mẹ lệ trào tuôn...!

10- Mẹ thương con như thế,
Con trẻ nào có hay.
Biển kia dầu có cạn,
Tình mẹ mãi đọng đây...!

11- Trăng sao đâu hết sáng,
Hình ảnh mẹ rạn ngời,
Tình thâm và nghĩa nặng,
Làm sao đền mẹ ời?

12- Mỗi lần Vu Lan đến,
Kính Báo Hiếu thọ trì.
Lệ nhòa bên khoé mắt,
Ơn mẹ nguyên khắc ghi!



Pixabay.com

BỆNH PARKINSON - VÔI HÓA ĐỐT SỐNG LƯNG

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



BỆNH PARKINSON

Parkinson còn gọi là bệnh Liệt rung là bệnh thoái hóa dần dần của hệ thần kinh trung ương, thường thấy ở lớp người ngoài 50 tuổi, rất ít khi thấy ở tuổi trẻ. Nam giới bị bệnh nhiều hơn nữ giới một ít. Bệnh vừa mãn tính vừa tăng lên đều đều. Mãn tính vì bệnh kéo dài một thời gian lâu. Tăng đều đều có nghĩa là bệnh trở nên trầm trọng với thời gian. Parkinson là tên người diễn tả bệnh đầu tiên, bác sĩ James Parkinson.

Cho tới nay, bệnh Parkinson vẫn còn được coi như một bệnh mà nguyên nhân chưa được biết rõ nhưng y khoa học biết là não bộ người bệnh không sản xuất được chất dopamine.

Các dấu hiệu của bệnh xuất hiện từ từ, không rõ rệt nên rất khó mà nhận ra và nhiều khi cố thể nhầm lẫn với các bệnh khác. Thường thường, người nhà hoặc bạn bè lại thấy một vài dấu hiệu sớm ở người bệnh, như nét mặt vô cảm, dáng đi cứng nhắc, run run bàn tay... Có người thấy cơ bắp cứng, đi lại không vững, mắt thẳng bằng; có người bắt đầu bằng run tay, dễ mệt mỏi, bước chân kéo lê, nét mặt thần thờ, nói khó khăn... Hầu hết các bắp thịt đều ở trong tình trạng căng cứng liên tục, gây khó khăn cho các hoạt động của cơ thể. Mặc dù căng cứng nhưng các bắp thịt không bị tổn thương và vẫn sử dụng được khi tập luyện.

Nhiều người không làm được các động tác thường lệ như mặc quần áo, cài khuy cúc áo quần, cầm thìa, cầm bát ăn cơm, viết lách, cầm báo để đọc, gỡ đầu... Đang làm một động tác nào đó, người bệnh bất chợt trở bất động. Chẳng hạn như đang đi tự nhiên đứng khựng lại, đang nói chợt ngưng, há miệng ú ớ...

Hầu hết bệnh nhân ở trong tâm trạng trầm cảm, lo sợ, tự cô lập, hay quên, thay đổi tính tình, dễ dàng có cảm giác sợ sệt, không có sáng kiến...

Họ hay than phiền đau nhức các bắp thịt, táo bón, khó khăn tiểu tiện. Da thường bị viêm, nhờn, tróc, đặc biệt ở mũi, trán, mí mắt, lông mày...

Đang ngồi mà đứng lên, họ thấy chóng mặt, muốn té vì huyết áp giảm. Họ rất hay bị té ngã vì mất thăng bằng cơ thể...

Bệnh Parkinson đưa đến nhiều trở ngại, khó khăn cho nếp sống của người bệnh.

Họ có khó khăn trong việc ăn uống, tắm rửa, vệ sinh.

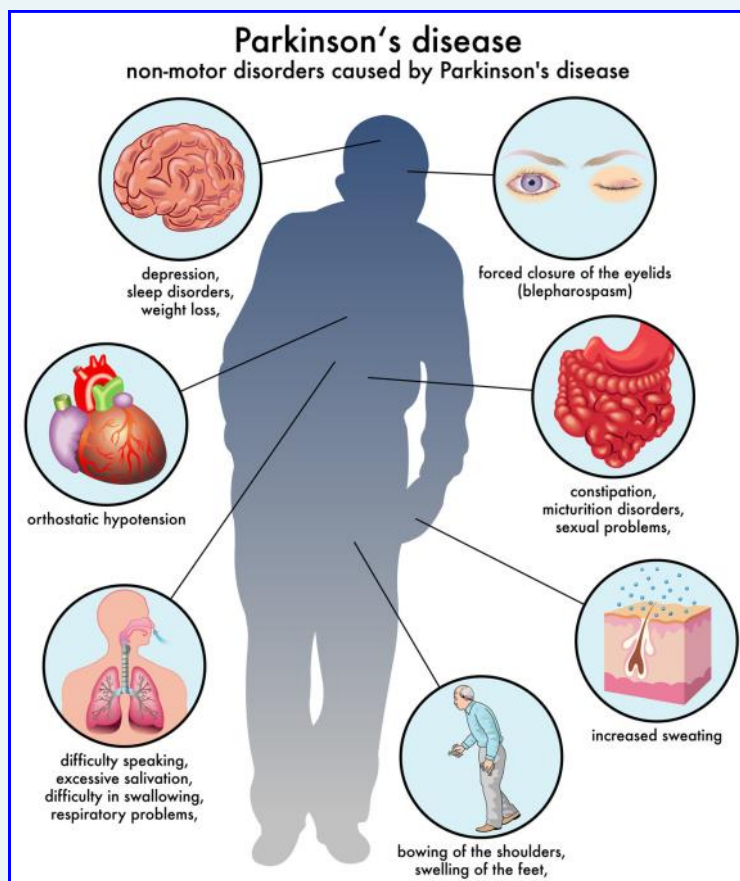
Họ đi lại khó khăn, không diễn tả được ý nghĩ lời nói.

Tính tình thay đổi bất thường, đôi khi bướng bỉnh đập phá.

Họ không tự sử dụng thuốc men vì uống nhiều loại khác nhau và nhiều lần trong ngày... Và họ cần sự chăm sóc giúp đỡ.

Người chăm sóc hầu như có vai trò của nhiều nhà chuyên môn: hướng dẫn ăn uống, hướng dẫn dùng thuốc, hướng dẫn cách nói, vận động cơ thể, vệ sinh cá nhân... Đây là việc làm cần sự hy sinh của người chăm sóc.

Ngoài ra, bệnh nhân cần giữ hẹn với bác sĩ để theo dõi bệnh tình, thay đổi thuốc; tham dự các chương trình vật lý trị liệu, duy trì các sinh hoạt xã hội...



VÔI HÓA ĐỐT SỐNG LƯNG

Gai cột sống là bệnh trong đó có sự phát triển không mong muốn của xương hoặc sụn đã bị thoái hóa.

Gai thường có ở xung quanh khớp xương và đĩa liên spondyl. Nhiều người than phiền bị gai cột sống và cho là gai gây ra đau lưng, đau cổ. Thực ra, gai là do sự hóa già của xương và sụn và bản thân gai không gây đau. Đa số người trên 60 tuổi thường có những chồi xương này mà không biết và chỉ tình cờ tìm ra khi chụp hình X-quang cơ thể trong khi chẩn đoán một bệnh nào khác.

Tuy nhiên, 42% những trường hợp gai này một lúc nào đó có thể đưa tới đau cổ, lưng, lan ra tứ chi, yếu bàn tay bàn chân.

Chữ Gai cũng không chính xác vì chồi xương trơn tru, dài vài milimet và là phần nhô ra của Cốt ít nhất 3 nguyên nhân để giải thích sự hiện diện của gai cột sống:

1- Gai xương có thể là kết quả của việc xương tự tu bổ sau khi liên tục bị chấn thương như sức ép, va chạm, cọ xát. Thí dụ những người làm nghề khuân vác nặng, người quá kí tăng áp lực lên xương khớp, người có dáng đi đứng không ngay ngắn khiến cột sống xiêu vẹo.

2- Khi đĩa liên spondyl hư hao, xẹp xuống, dây chằng giữa các đốt sống sẽ chùng giãn, khớp chuyển động nhiều hơn

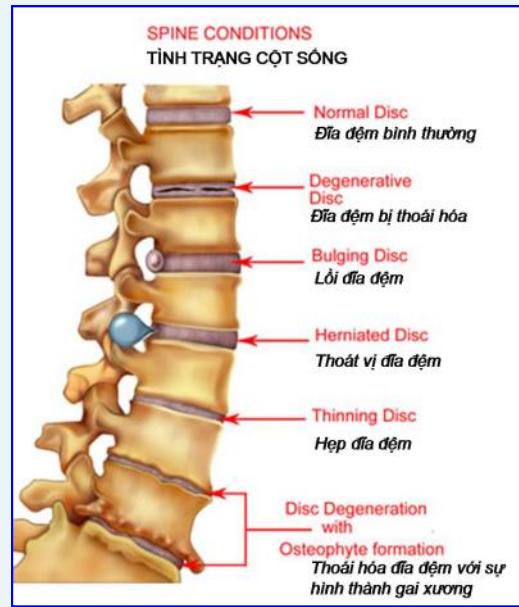
- Phản ứng tự nhiên của cơ thể với sự chùng giãn này là làm cho dây chằng dãn lên để cố sức giữ vững cột sống.

- Lâu ngày, calci sẽ tụ lại trên dây chằng và tạo ra các gai hoặc chồi xương.

- Dây chằng ở trong ống cột sống cũng có thể dày lên, ống thu hẹp, ép vào dây thần kinh và gây ra các dấu hiệu bệnh.

3- Gai là một phần của sự hóa già. Đĩa sụn và xương bị thoái hóa, hao mòn, mặt xương khớp gồ ghề và gai mọc ra. Đó là bệnh viêm xương khớp, thường thấy ở người tuổi cao.

Nếu gai không gây đau, không cần điều trị.



Bệnh nhân tìm tới bác sĩ khi các cơn đau và các khó khăn khi cử động khiến cho họ phải giới hạn các hoạt động bình thường và ảnh hưởng tới nếp sống.

Khi gai gây đau thì sự điều trị tập trung ở nguyên nhân gây ra gai, dấu hiệu bệnh hoặc sự hiện diện của gai.

- Với nguyên nhân, việc giảm cân để giảm sức nặng lên xương khớp là điều cần làm.

- Điều trị dấu hiệu đau gồm có nghỉ ngơi khi sưng viêm, chườm nước đá, uống thuốc chống viêm không có steroid như paracetamol, ibuprofen.

Trong trường hợp đau nhiều, bác sĩ có thể chích thuốc steroid tại chỗ để giảm viêm và đau của cơ bắp.

Thuốc viên steroid là thuốc chống viêm rất mạnh và rất công hiệu để trị viêm. Tuy nhiên, thuốc có nhiều tác dụng không muốn nếu dùng không đúng cách và không có chỉ định của bác sĩ. Dùng lâu, steroid có thể đưa tới mục xương, cao huyết áp, giữ nước trong cơ thể.

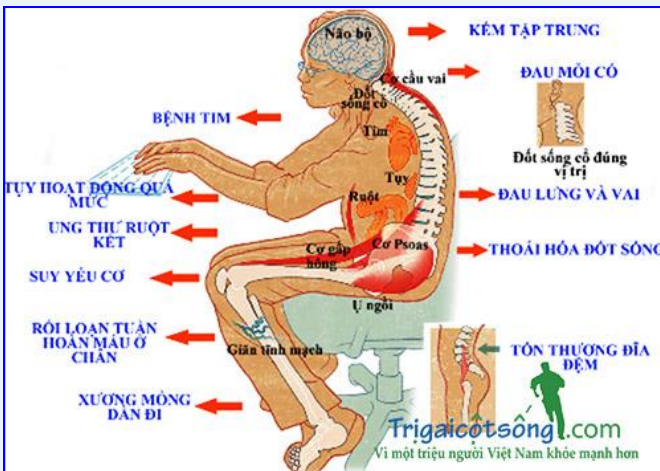
Xin lưu ý là, hiện nay tại Việt Nam, có nhiều thuốc chống đau nhập cảng hoặc sản xuất tại chỗ gọi là đông dược mà lại có pha thêm steroid. Tác dụng chống viêm sẽ mau hơn nhưng tác dụng phụ có hại cũng rất nhiều. Bộ y tế Việt Nam đã nhiều lần báo động dân chúng về vấn đề này.

- Gai cột sống có thể được cắt bỏ với vi phẫu thuật rất chính xác. Nhưng sau khi cắt, gai có thể mọc trở lại.

Cắt bỏ chỉ được chỉ định khi gai chèn ép vào hệ thần kinh, gây ra các dấu hiệu như tê chân tay, rối loạn đại tiểu tiện, đau lan tới tứ chi và ảnh hưởng xấu tới sinh hoạt thường nhật

Châm cứu có thể làm giảm đau một phần nào ở phần mềm nhưng không có tác dụng vào tình trạng viêm sưng cũng như khi gai tác động lên rễ dây thần kinh não tủy.

Vật lý trị liệu, thoa bóp, luyện tập xương khớp, thực hành yoga cũng giúp giảm ảnh hưởng của gai.



Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười một

(tiếp theo kỳ trước)

Xe chúng tôi đi không phải chỉ có mười hai chú tiểu mà còn có thầy Thiện Đức (giữ chức Giám luật) thay mặt Phật học viện Linh Sơn, đưa chúng tôi đi nhập học Phật học viện Trung đẳng. Ngoài ra còn có chú Tâm Hạnh (ở Phan Rang ra), chú Tâm (ở viện Hải Đức) theo xe để ra Đà Nẵng nhập học Phật học viện Trung Đẳng Phổ Đà.

Tôi được biết chú Tâm Hạnh vào thời gian này. Chú ấy là đệ tử lớn nhất trong số các đệ tử xuất gia của thầy tôi. Chú đã mười tám tuổi và đã thọ Sa-di thập giới (kể theo giới pháp, Sa-di có hai bậc: Sa-di ngũ giới và Sa-di thập giới), trên chúng tôi một bậc, nghĩa là chú ấy giữ mười giới chứ không phải năm giới như bọn tiểu chúng tôi. Chú ấy còn là bạn học cùng lớp của một người anh ruột tôi, đã có đôi lần ghé nhà tôi lúc tôi chưa xuất gia, cho nên chuyện kết thân giữa tôi và chú cũng khá nhanh chóng. Rất tiếc là chỉ trong một thời gian ngắn trên chuyến xe.

Vì xe đã được viện thuê bao nguyên chuyến từ Nha Trang ra Đà Nẵng nên tài xế không dừng lại rước khách

giữa đường. Xe chạy khá nhanh, đến khoảng bốn giờ chiều đã đến Phật học viện Phổ Đà. Chú Tâm Hạnh và chú Tâm nhập học ở đây, nhưng thầy Thiện Đức và toàn bộ bọn tiểu chúng tôi cũng phải xuống xe—vì theo hợp đồng thì tài xế không có bổn phận đưa chúng tôi đi Hội An. Loay hoay buổi chiều không thuê được xe đi Hội An, thầy Thiện Đức xin phép ban giám đốc Phật học viện Phổ Đà cho chúng tôi nghỉ lại một đêm tại đây trước khi đi Hội An vào buổi sáng kế tiếp.

Đường dẫn vào Phật học viện Quảng Nam, hai bên là đồng ruộng mênh mông. Khúc đường ngang ruộng trở thành như con đê, hay có thể nói chính con đê của ruộng đã trở thành con lộ chính của vùng này thì đúng hơn. Tre trồng dày đặc ở những khoảng có nhà cửa. Chỉ có những khoảng ấy là có bóng mát dễ chịu. Qua khỏi khu nghĩa trang Tin Lành, chúng tôi đã có thể nhìn thấy Phật học viện từ xa.

Phật học viện Quảng Nam được thành lập tại chùa Long Tuyền do Thượng tọa Thích Chơn Phát trụ trì. Với ý nguyện giáo dục học tăng trẻ, Thượng tọa biến ngôi chùa Long Tuyền thành Phật

học viện để góp phần chung lo việc đào tạo tăng tài cho Giáo hội. Như vậy, đối với chùa Long Tuyền, Thượng tọa là trụ trì; đối với Phật học viện, Thượng tọa là giám viện.

Chùa Long Tuyền có nhiều cây cao, đem lại màu sắc tươi xanh và bóng rợp an lành cho cả khu đất rộng lớn. Có điều, gần hai dặm vuông vầy hết mặt phải và chính diện của ngôi chùa là mộ địa. Như vậy, có thể nói, Phật học viện Quảng Nam như một hải đảo xanh um nổi lên giữa một đại dương mồ mả và cát trắng. Những ngôi mộ cái lớn cái nhỏ, cái cũ cái mới, chen chằng chịt, san sát nhau, có vẻ như vô trật tự. Nghe đâu quá nửa dân Hội An và các xã lân cận đều đem chôn người thân của họ ở khu nghĩa địa vô danh không có tường rào này. Còn phía sau lưng chùa là một trại lính đồn trú trên bãi cát rộng. Trước kia đồn này do một tiểu đoàn lính Bạch Mã của quân đội Đại Hàn đóng quân, nay giao lại cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Chùa và trại lính cách nhau một con đường nhựa; con đường này dẫn đến Ngũ Hành Sơn Non Nước và có thể thông đến Đà Nẵng. Tuy nhiên, lâu lâu mới có một đoàn công-voa sử dụng con đường ấy. Tuyến đường ngắn và tiện lợi nhất cho Hội An – Non Nước

là con đường nhựa này, vậy mà người ta đã phải chọn con đường dài gấp ba lần hơn bằng cách chạy vòng đến Đà Nẵng qua ngã Vĩnh Điện (Điện Bàn) rồi từ Đà Nẵng mới chạy về Non Nước qua ngã cầu Đà Lách. Lý do là tuy con đường này vẫn còn sờ sờ ra đó, nhưng đã bị cắt từ lâu vì mất an ninh-xe cộ chạy trên đường ấy thường bị chặn lại bởi các du kích quân cộng sản. Bên trái của chùa, từ ngoài nhìn vào, là đất của xã Cẩm Hà. Xã này đất rộng người thưa. Đất đai ở đây là loại đất pha cát, thứ cát trắng y hệt như cát ở bãi biển, nên có trồng trọt gì người ta cũng phải bón phân đầy đủ thì cây mới mọc nổi. Nếu diễn tả theo kiểu người đời thì đây là vùng đất mà *chó ăn đá, gà ăn muối*. Chùa Long Tuyên tọa lạc trên vùng giáp ranh giữa xã Cẩm Hà và thị xã Hội An. Buổi tối, từ sân chùa nhìn về hướng đông nam, tôi có thể nhìn thấy điện đèn phố Hội ánh lên từng luồng sáng sau những rặng cây cao rậm của trường Trần Quý Cáp.

Chùa Long Tuyên được khai sơn gần bảy mươi năm trước bởi Hòa thượng Phổ Thoại, bốn sư của Thượng tọa Chơn Phát. Cứ nhìn mái ngói tường vôi phủ đầy rêu mốc cũng đủ thấy vết tích của thời

gian lướt qua nơi đây. Có những đám rêu ở mé tường phía tây chính điện còn nở những cành hoa nhỏ xinh xắn màu vàng nhạt như màu lá úa. Mé tường phía bắc tức là phía hậu tổ, sau chính điện, có những đường nứt có thể lọt ánh sáng bên ngoài vào. Từ chỗ nứt này, người ta biết tường vách không xây bằng xi măng mà là thứ hồ trộn thế nào đó theo cách thức hồi xưa, bấm vào chỉ thấy vôi trắng rớt từng nhúm bột nhỏ trên tay. Chính điện của chùa và dãy hậu tổ nối liền với nhau, nằm độc lập trên nền cao ở khoảng đất trung tâm của chùa. Một dãy nhà gồm ba phòng lớn mới xây ở phía trái của chính điện; trong ba phòng ấy, chỉ có một phòng được sử dụng làm tăng phòng, hai phòng còn lại là phòng học. Như vậy, từ cổng tam quan bước vào, dãy phòng học xuất hiện trước nhất ở phía trái rồi mới đến chính điện, cũng phía trái. Đối diện chính điện là tháp Đa Bảo, một ngôi tháp cổ búp măng đầy rêu. Ngôi tháp xây thật đẹp, có tam cấp bước lên từ hai phía. Tầng dưới thiết trí tôn tượng đức Địa Tạng Bồ Tát và bản thờ cô hồn, tầng trên thờ đức Phật Đa Bảo. Ngôi tháp Đa Bảo này làm

tăng vẻ đẹp cổ kính của toàn thể cảnh chùa. Qua khỏi chính điện và bảo tháp là dãy Tổ đường và trai đường nằm theo chiều ngang. Tổ đường thờ đức Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma và Tổ Phổ Thoại khai sơn chùa. Phía sau Tổ đường là dãy tăng phòng gồm hai, ba phòng nhỏ, dành cho các thầy trong ban giám đốc của Phật học viện. Bên trái Tổ đường là phòng khách và phòng riêng của Thượng tọa giám viện. Bên phải Tổ đường là văn phòng của Phật học viện. Nối đuôi văn phòng là một dãy tăng phòng khác. Dãy này gồm một phòng lớn, một phòng nhỏ. Phòng lớn dành cho học tăng, phòng nhỏ dành cho các chú sa-di thường trú của chùa (tức là các chú đệ tử của Thượng tọa giám viện mà không tham dự chương trình của Phật học viện). Dãy tăng phòng này được nối với dãy Tổ đường bằng một gian nhà tôn, trước kia làm kho chứa, nay được trưng dụng làm phòng ngủ tạm thời cho những học tăng đến sau. Bên trái, nối đuôi với phòng Thượng tọa giám viện và dãy Tổ đường là khu bếp. Khu bếp khá rộng lớn, nhiều phòng. Có hai di vãi già lụm khum lo việc nấu nướng. Ở khu bếp, ngoài phòng ăn nhỏ dành cho Phật tử và một dãy bếp lò biệt lập, còn có phòng ngủ dành riêng cho các di vãi và một phòng lớn là nơi sản xuất đèn cây và nhang để vừa có nhang đèn cúng Phật vừa bán ra ngoài mà giúp thêm phần tài chánh cho chùa. Giếng nước và dãy nhà tắm thì ở sau lưng Tổ đường. Dãy nhà vệ sinh nằm xa ở phía góc trái của khu bếp. Còn lại là đất vườn hơn năm mẫu tây bao bọc các dãy nhà. Nghe nói chùa còn có hơn mười mẫu ruộng và hai mẫu đất vườn khác nằm ngoài khuôn viên chùa; nhưng số ruộng đất ấy, Thượng tọa giám viện đã cho người khác canh tác, sau mỗi vụ gặt, người ta mang lúa vào cúng chùa, bao nhiêu cũng được, tùy hỷ, không có số lượng nhất định. Thượng tọa chủ trương học tăng cần thì giờ tu học, khỏi



phải làm lụng vất vả hàng ngày, phần tài chánh sẽ do chùa đài thọ, giáo hội địa phương cũng như trung ương tiếp trợ thêm.

Khi chúng tôi mang hành lý vào sân chùa, các chú ở các tỉnh đến sớm hơn, túa ra nhìn. Có chú la to: "Mô Phật, có thêm tân binh nữa kìa!" rồi cười ồ ồ. Nụ cười có vẻ chế giễu chúng tôi sao lại chui đầu vào Phật học viện nghèo khổ này. Chúng tôi chỉ biết im lặng theo thầy Thiện Đức vào đình lễ Thượng tọa giám viện. Thượng tọa tuổi trạc năm mươi, vóc người cao lớn, dáng đi hiên ngang như sư tử. Mũi cao, miệng rộng, giọng nói mạnh và ấm. Có điều Thượng tọa phải đeo cặp kính thật dày vì cận quá nặng, hình như khoảng bảy, tám độ. Mỗi lần đọc sách, Thượng tọa phải đưa chữ sát vào mắt mới đọc được. Vậy mà nghe nói, với cặp mắt yếu đó, mỗi năm Thượng tọa đều tụng đọc trọn bộ kinh *Đại Bát Nhã* bằng chữ Hán vào ba tháng an cư (kinh này gồm sáu trăm quyển, mỗi quyển từ 5 đến 6 trang, in thành 3 tập trong Đại Tạng Kinh, mỗi tập trên một ngàn trang, mỗi trang khoảng 1500 chữ Hán nhỏ chi chít).

Thượng tọa bảo thầy quản chúng của Phật học viện sắp xếp chỗ ngủ cho chúng tôi. Thầy Thiện Đức giao chúng tôi cho Phật học viện rồi thì hết trách nhiệm, liền đón xe ra Đà Nẵng để về lại Nha Trang. Nguyên buổi chiều đó, thầy quản chúng cố gắng lắm mà vẫn không sao sắp đặt nổi chỗ ăn ở cho bọn tôi. Chúng tôi đành phải nằm tạm trong phòng học một đêm. Nhưng qua những ngày kế tiếp, những chú tiểu từ các tỉnh, các quận lân cận hãy còn tiếp tục tụ về, chỗ ăn ở không sao giải quyết thỏa đáng được. Vậy là phải ráng chờ đến sau ngày thi khảo hạch. Thầy quản chúng cho biết số lượng học tăng tụ về đây đã tới số trăm, nhưng sau kỳ thi có lẽ chỉ còn lại phân nửa. Mặt khác, nhờ nguồn thông tin trao đổi mau chóng giữa các chú tiểu từ nhiều tỉnh

QUÁN KHÔNG

*Thân nhẹ lâng lâng, tâm đối vách
Khâu tịnh vô ngôn,
Làn sương rơi.
KHÔNG chỉ là KHÔNG, không gì khác,
Trong, ngoài, trên, dưới,
Chẳng đây vơi.*

*Gạn sạch tư duy, dưng hý luận
Thành thơ dứt nghiệp, buông duyên thôi
Thì TÂM thanh tịnh, cùng KHÔNG ấy,
Hợp nhất chung giòng diệu pháp xuôi.*

*Lễ đạo ngay đây,
Tìm đâu xa,
Là KHÔNG, quỳn chặt với TÂM ta
TÂM, KHÔNG, là một,
Ai là Phật?
Ai còn mê đắm?
Ai nhìn ra?*

thơ HẠNH CHI

(Kính cảm tạ vị Sơn Tăng hàng tuần hạ sơn,
hướng dẫn giờ thiền tại chùa Phật Tổ)

mang đến, một số tăng hơi lớn tuổi dự tính xin nhập học tại đây, đã đổi ý, tức tốc đón xe vào các Phật học viện khác như Phật học viện Vĩnh Bình, Phật học viện Nguyên Hương (Phan Thiết), Phật học viện Phổ Đà (Đà Nẵng) v.v... để xin thi vào các nơi ấy. Chẳng biết chuyện thay đổi của các chú có thành công hay không, chỉ nghe thầy quản chúng vừa cười vừa nói rằng:

"Chỉ tại các chú ăn cơm nước tương lại thiếu chỗ ngủ mấy ngày nên thất kinh mà bỏ đi đấy thôi."

Có lẽ thầy quản chúng cũng nói đúng phần nào. Ở đây có mấy lu nước tương thật lớn do các dì vải tự làm lấy, lu nào cũng quậy muối mặn chất để tránh bị mốc và cũng để bớt "hao." Học tăng ở ạt từ các tỉnh kéo đến,

đông ngoài sức trữ liệu của viện, khiến Thượng tọa giám viện xoay trở không kịp. Thượng tọa cứ cho tiền đi chợ liên tu hai, ba tuần để nấu những món ăn rất đậm bạc cho những người vốn chấp nhận chuyện đậm bạc, vậy mà vẫn không sao chịu thấu. Hết tiền chợ! Gạo thóc thì hãy còn đây, nhưng tiền quỹ phải cạn thôi. Không lẽ tất cả tiền quỹ phải dồn vào tiền chợ? Cho nên, đành cho ăn nước tương tạm thời cho đến ngày khai giảng. Nhưng nói ăn cơm với nước tương thì cũng hơi quá đáng. Thực ra, các dì vải cũng cố gắng lượm lật đầu đó trái bầu, trái bí trong vườn, hoặc mua rất rẻ ở vườn nhà người ta, để đem nấu canh cho cả viện ăn. Mỗi ngày ba bữa ăn thì có một bữa có canh, thường là bữa trưa. Bữa

điểm tâm có cháo trắng, cũng ăn với nước tương. Bữa ăn chiều thì có cơm trắng, cũng là chan tương. Món canh chỉ đặc biệt cho bữa ăn trưa thôi, vì vậy cứ nói gọn là ăn cơm nước tương. Món canh nấu kể cũng khá đơn giản: bí cắt hơi dày, dày bằng ngón tay cái, thốn hết vào nồi nước đang sôi, rồi bỏ muối vào, quậy vài cái. Vậy là xong, đã có nồi canh cho mấy chục miệng ăn. Trên bàn ăn, cứ bốn chú tiểu thì được dọn một thau cơm, một thau canh, hai chén nước tương (thứ nước tương được dì vài cổ tình bỏ thêm muối này thì dọn nhiều cũng không sợ hao hụt gì; chú nào xốn xa xốn xác không chịu nếm trước mà chan đại một muổng vô chén cơm thì thế nào cũng trầy lưỡi! Có chú đã than: "Sao tương gì mà mặn vô hậu vậy kia!" Chú khác nói: "Có hậu đó chứ sao lại vô hậu! Cái hậu mặn của nó kéo dài đến bữa ăn kế tiếp kia mà!"). Cơm nước như vậy ăn chừng ba ngày thì dù có anh hùng cách mấy cũng thấy ngán ngẩm, nói chi hai ba tuần hay phải chịu luôn hết bốn năm học! Vậy là các chú rút lui bớt. Thầy quản chúng tinh ý lắm mới đưa ra nhận xét rất thực tế đó. Cũng may là bọn chú tiểu thuộc Phật học viện Linh Sơn Nha Trang chuyển ra không chú nào bỏ đi. Nhưng tiếng than thở cũng vang lên không ngớt từ đám chú tiểu Nha Trang này. Có chú còn không ăn cơm của viện, cứ mua mì gói về nấu ăn riêng. Sẵn tiền gia đình cho để đi học xa, các chú xin phép xuống phố Hội An mua sách vở, luôn tiện mua mì gói, bột ngọt (để thêm vào thau canh bí và chén nước tương cho đỡ gắt), đường, cùng đủ thứ thực phẩm xa xỉ khác như bánh, kẹo, bánh trắng, v.v... Trước khi khởi hành rời Nha Trang, tiền bạc của chúng tôi đã bị gom lại giao cho thầy Thiện Đức, ghi một giấy kê khai mỗi người có bao nhiêu. Đến đây, thầy Thiện Đức đã giao trọn số tiền và giấy kê khai ấy cho thầy quản chúng rồi. Làm vậy

để các chú bớt tiêu xài phung phí, vì mỗi lần muốn mua gì phải đến gặp thầy quản chúng, đưa ra lý do hợp lý, chính đáng để xin rút một khoản tiền vừa đủ với nhu cầu kê khai. Nhưng thầy quản chúng ở đây lại là một nhà sư dễ dãi, vui tính, có máu nghệ sĩ, thấy các chú thưa trình tội nghiệp quá, nên xin rút bao nhiêu là thầy đưa bấy nhiêu. Rút càng nhanh càng tốt, thầy khỏi phải bận tâm chuyện tiền bạc nữa. Cho nên, trong vòng vài tuần lễ đầu là số tiền gửi nơi thầy quản chúng đã không còn. Đó là chưa kể các chú xin riêng cha mẹ lúc xe sắp chạy. Các bà mẹ này thương con còn bé bỏng mà phải đi học xa, sợ tiền bị kiểm soát khó rút được, con mình phải chịu thiếu thốn nên cứ dúm thêm cho các chú. Vậy là tiền nỏi tiền chìm gì cũng sạch trong vòng chưa đầy tháng. Vào tuần thứ tư thì các chú đã viết thư ào ào về Nha Trang xin tiếp viện. Viết thẳng về nhà chú đầu cần viết về chùa làm gì! Không biết chú Sáng thế nào chứ tôi thì không viết thư xin tiền. Tôi chỉ viết thư về thăm và kể sơ sinh hoạt ở đây cho thầy và gia đình tôi biết. Tôi cũng không tả oán cảnh nghèo khổ của Phật học viện vì trong luật có dạy một phần, phần khác vì tự tâm tôi

không muốn gia đình phải vướng bận bất cứ điều gì về tôi nữa. Tuy nhiên, dù đã tỏ ra cứng rắn, sẵn sàng chịu đựng hoàn cảnh mới, tôi vẫn không sao kèm được ước muốn có chủ quyền với món tiền nhỏ trên một ngàn đồng của thầy bốn sư và ba mẹ tôi cho. Cũng phải mua sắm tập vở, giấy bút để học chứ, hưởng chi, ở phố cũng có nhiều thứ đồ ngọt hấp dẫn có thể bù đắp vào lượng ợa-lô-ri cần thiết hàng ngày. Ăn cơm nước tương mãi tôi cũng thèm ngọt như ai thôi. Vì vậy, khi thầy quản chúng thắc mắc gọi tôi lên phòng thầy, hỏi tại sao không thấy đá động gì đến số tiền gửi gắm như các chú kia, tôi liền xin rút một ít. Thầy nói:

"Sao không rút hết luôn đi?"

"Dạ... thầy có cho phép rút hết không?"

"Sao không! Với ai chứ với chú thì tôi cho rút hết một lần cũng được. Đây, coi nào, số nợ của chú đâu rồi, nè, chú Vĩnh Khang phải không, pháp danh Tâm Quang, phải không? Ừ, một ngàn hai trăm đồng. Chú cầm luôn đi. Sao mà thiệt thà quá. Mấy chú kia xài hết tiền từ lâu rồi. Bộ chú không thèm mì gói hả?"

Tôi cầm tiền, rủ chú Sáng cùng đi phố, có chú Tường là dân địa phương dẫn đường.

Trong cái nhìn của tôi lúc



đó, phố Hội An là một thành phố cổ, nhỏ hẹp, không có gì đặc biệt, đi quanh vài con đường chính Nguyễn Thái Học, Cường Để và đường Bồ Sông là muốn hết phố rồi. Lúc trở về, chú Tường đưa chúng tôi ngang Chùa Cầu, một thắng cảnh nổi tiếng của Hội An mà ai đến phố này cũng muốn tìm thăm cho biết. Hai đầu cầu có hai con khi và hai con chó bằng đá ngồi hai bên như giữ cửa. Cầu bằng ván hơi cong, có lợp mái ngói bên trên, chiều dài của cầu chừng hai mươi thước, bề ngang chừng ba thước, chưa kể hai lối đi dành riêng cho người đi bộ cặp hai bên. Bước đến hai đầu cầu, nếu không để ý có thể bị giật mình khi thấy hai con khi và hai con chó gương đôi mắt thao láo như nhìn chòng chọc vào người đi đường. Chùa nằm phía bên phải cây cầu trên đường về của chúng tôi. Chùa có ba gian, cửa đóng im ỉm, bên trong âm u, chẳng thấy được gì ngoài cảm giác rờn rợn nổi trên thịt da. Gợi là chùa vì

kiến trúc giống như một ngôi chùa Nhật Bản, chứ thực ra không phải chùa thờ Phật mà chỉ là một cái miếu, một cái đền, hay thần xã của Nhật Bản thì đúng hơn. Nghe nói hồi xưa một thầy địa lý người Nhật qua xem địa hình địa vật sao đó mà vận động chính phủ Nhật cho trấn gươm và yếm bùa nơi đây để chặn đứng long mạch, không cho khởi phát tại đất Việt – cũng có người nói thực ra để chặn cho con giao long khởi cửa quây sanh ra động đất triển miến ở Nhật Bản. Chùa được xây lên để thờ gươm thần và bùa yếm từ đó.

Nhà cửa ở đây có nhiều kiểu kiến trúc khác nhau, nhiều căn rất mới chen vào những ngôi nhà thật xưa phủ đầy rêu. Cái thì cao, cái thì thấp, cái thụt vào, cái nhô ra, nhìn qua thấy có vẻ lộn xộn, chẳng thứ lớp gì cả. Nhưng có lẽ đó cũng là nét đặc trưng của thành phố cổ này. Hầu hết phố Hội An là những căn nhà lợp ngói rất xưa–những

mái ngói đã mất đi màu đỏ cổ hữu, chỉ giữ lại một màu rêu thật sẫm hoặc đen–nên vẻ duyên dáng một cách cổ kính của Hội An vẫn như còn đó với thời gian.

Chuyến đi phố đó, tôi chẳng mua sắm gì nhiều, một ít tập vở, bút mực, một cái ca nhựa, một chiếc đèn dầu bóng hột vịt (Phật học viện nằm xa thành phố nên không có điện, mỗi học tăng chỉ được phép thắp một đèn dầu nhỏ cho đỡ tốn) và một gói kẹo đậu phụng thật lớn. Gói kẹo đem về, đãi bạn bè chưa đầy năm phút đã hết sạch, nhưng vui. Có được chút chất ngọt vào người, tôi thấy tinh thần cũng tỉnh táo lên. Làm tiểu ở một Phật học viện nghèo thì lâu lâu cũng phải tự thưởng mình một chút quà vật như vậy mới có sức mà tu học được.

(còn tiếp)

Vĩnh Hào

